

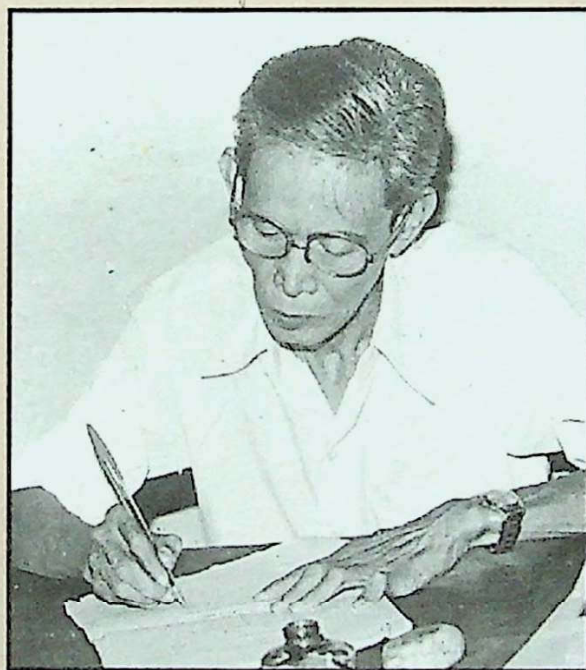
895.922 808

ĐC

L 302 V

LY VAN SAM

TOÀN TẬP



BÙI QUANG HUY
SƯU TẦM, CHỦ THÍCH VÀ GIỚI THIỆU



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

Lý Văn Sâm toàn tập

*

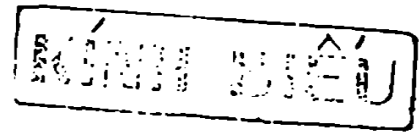
V23

DN-2002

365-2002

895.922 808
L 600 ✓

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI



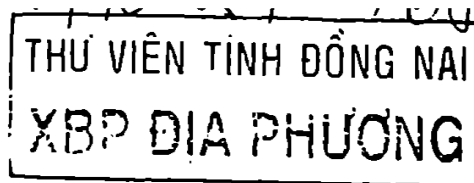
LÝ VĂN SÂM

toàn tập

*

(Truyện ngắn)

BÙI QUANG HUY sưu tầm,
chú thích và giới thiệu



2018/BC/VV

00001202

NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

10187

LÝ VĂN SÂM

cuộc đời và văn chương

Chân dung một nhà văn

Lý Văn Sâm sinh ngày 17.2.1921, nhằm ngày mồng Mười tháng Hai năm Tân Dậu. Ngày sinh được Lý Văn Sâm nhớ rất chính xác. Còn năm sinh, nhiều khi ông lẫn lộn. Trong tất cả các hồ sơ, giấy tờ còn lưu lại của Lý Văn Sâm, chúng tôi tìm thấy có hai bản ông ghi sinh năm 1922. Một là, bản *Tóm tắt tiểu sử và quá trình hoạt động văn học của nhà văn Lý Văn Sâm trong đoàn đại biểu Hội liên hiệp văn học – nghệ thuật Việt Nam thăm Cộng hòa dân chủ Đức / 9-19.1980*. Hai là, *Đơn xin nghỉ hưu*, nhà văn viết: *Tôi ký tên dưới đây là Lý Văn Sâm, sinh ngày 17.2.1922 tại xã Bình Long, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai*.

Nhiều giấy tờ, tờ khai khác, Lý Văn Sâm đều viết rõ ràng: *Sinh ngày 17.2.1921*.

Đương thời, nhiều cho rằng Lý Văn Sâm "lớn tuổi" hơn, có lẽ sinh trước năm 1921.

Năm sinh có khi Lý Văn Sâm quên. Còn ngày sinh, bao giờ cũng nhớ rõ. Chúng tôi có tìm được một trang viết dở dang của nhà văn mang tên *Kỷ niệm sâu sắc thời thơ ấu của tôi*:

Năm nay, tôi đã bước vào tuổi 67. Kể ra mình cũng thọ hơn so với một số bạn già khác đã lần lượt mất đi trong vòng mười ba năm sau ngày đất nước giải phóng.

Người ta thường nói: người lớn tuổi có tật hay hoài cổ – nghĩa là nhớ xưa. Có đúng vậy không? Nếu đúng vậy thì xin các bạn trẻ hãy dành cho tôi – cho thế hệ chúng tôi – sự cảm thông đặc biệt.

Cách đây sáu mươi bảy năm, vào giữa khuya một đêm mùa xuân, tôi đã cất tiếng chào đời dưới một mái tranh nghèo ở xóm Ông Linh, làng Tân Nhuận thuộc quận Tân Uyên cũ (bây giờ Tân Uyên thuộc tỉnh Sông Bé). Bên cạnh mẹ tôi là bà mụ già ba Nghĩa. Ba tôi đi làm tới chiều hôm đó, không thấy về như thường lệ.

Nhiều người hay viết: Lý Văn Sâm sinh ở làng Bình Long, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Biên Hòa. Thực ra, Lý Văn Sâm sinh ở ấp Ông Linh, làng Tân Nhuận, quận Tân Uyên – quê ngoại ông. Vùng này là miệt rừng núi, hồi ấy hãy còn hoang vu. Vì thế, không ít lần, Lý Văn Sâm nói “tôi sinh ở trong rừng”. Sau này, khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, ông Huỳnh Văn Nghệ lập nên chiến khu Đ, thì Tân Nhuận, cùng với các xã như Tân Hòa, Tân Tịch, Mỹ Lộc, Thường Lang...trở thành vùng hạt nhân của chiến khu oai hùng này.

Trong bài *Thay lời tựa* (có tiêu đề *Thâm u và cao cả*) cho tập truyện đường rừng *Kòn Trô* (Nhà xuất bản Tân Việt, 1949), Lý Văn Sâm có viết:

Cách đây hai mươi sáu năm, có một đứa hài nhi đã cất tiếng chào đời dưới một nếp nhà tranh cũ kỹ. Hôm ấy là hôm mười bảy tháng hai dương lịch...

Khi cậu bé vừa ra đời thì có bọn cướp đến. Chúng lấy hết tiền phát xâu của cha cậu rồi bỏ đi.

Lý Văn Sâm còn viết:

Thưa các bạn, đứa bé khốn nạn trong chuyện vừa kể chính là tôi vậy ! Tôi lớn lên trong rừng và mãi tới năm bảy tuổi mới được ra

học ở trường tỉnh. Trọn bảy năm, tâm hồn thơ đại của tôi đã thấm sâu bóng núi, hình cây, tiếng chim, lời suối.

Dĩ nhiên, câu chuyện trên có chất hư cấu nhưng không phải không có liên quan gì đến tuổi thơ Lý Văn Sâm. Vả lại, trong đoạn văn này còn có hai chi tiết trùng khớp với cuộc đời nhà văn: ngày sinh (17.2) và thời gian ở trong rừng (7 năm).

Lý Văn Sâm đã ở quê ngoại, làng Tân Nhuận, đến năm 7 tuổi mới được cha đưa ra làng Uyên Hưng (thị trấn Tân Uyên ngày nay) để học trường sơ học.

Uyên Hưng là làng thuộc quận Tân Uyên nhưng hồi đó là huyện lỵ, dân cư đông đúc hơn. Trước năm 1945, quận Tân Uyên gồm 3 tổng: Phước Vinh hạ (thay đổi từ 17 làng đến 8 làng, có lúc gọi là xã), Chánh Mỹ trung (19 –8 làng), Chánh Mỹ hạ (16-13 làng). Địa bàn Tân Uyên khá rộng, bao gồm nhiều làng, xã miệt thượng nguồn hai bên bờ sông Đồng Nai, ngày nay là huyện Tân Uyên (tỉnh Bình Dương) và huyện Vĩnh Cửu (tỉnh Đồng Nai).

Trên cùng quận Tân Uyên, làng Tân Tịch, tổng Chánh Mỹ hạ, là quê nhà thơ Huỳnh Văn Nghệ (1914-1977) và làng Uyên Hưng, tổng Chánh Mỹ trung, là quê nhà văn Bình Nguyên Lộc (1914-1988).

Nằm bên kia sông Đồng Nai, phía tả ngạn, là quê nội Lý Văn Sâm, làng Bình Long, thuộc tổng Phước Vinh hạ. Bình Long là một trong những làng cổ của người Việt ở Đồng Nai, thời nhà Nguyễn, có tên là Bình Ninh, tổng Phước Vinh, huyện Phước Chánh, phủ Phước Long, tỉnh Biên Hòa (Trịnh Hoài Đức, *Gia Định thành thông chí*). Khi Biên Hòa thành một tỉnh dưới thời vua Minh Mạng, Bình Ninh là một trong số 18 thôn của tổng Phước Vinh hạ (huyện Phước Chánh). Từ năm 1930, Bình Ninh mang tên Bình Long, nhưng tên cũ không mất. Bình Long có ba ấp: Long Chánh, Võ Sa và Bình Ninh. Gia đình bên nội Lý Văn Sâm ở ấp Bình Ninh. Cùng làng, ở ấp Long Chánh sau này có nhà văn Hoàng Văn Bỏ; ấp Võ Sa có thầy giáo Hoàng Minh

Viễn, vị Trưởng ty đầu tiên của Ty giáo dục Biên Hòa. Bình Ninh còn là tên của bến đò ở Bình Long. Từ bến này, đi đò chỉ mất độ mười phút là sang thị trấn Tân Uyên, nơi Lý Văn Sâm đã ở học sơ học 3 năm. Bình Long là một cái làng nghèo, quê mùa, nằm dọc theo sông Đồng Nai. Từ trên cao nhìn xuống, làng Bình Long chúng tôi như một cái bầu nhỏ lọt thỏm giữa rừng đại ngàn miền Đông Nam bộ, có con sông Đồng Nai như sợi chỉ nhỏ vắt qua, bò, trườn từ Đồng Nai thượng, Lang Biang qua Cát Tiên, thác Trị An, ngã ba Sông Bé, xuống ngã ba Bình Ninh – cù lao Mỹ Quới, xuống cù lao Thạnh Hội, Bửu Long, cù lao Phố và tuột ra biển cả (Hoàng Văn Bôn, *Lượm cái hoa rơi*, Nxb. Đồng Nai, 2000, tr. 59-60).

Tuổi thơ tuy không ở Bình Long nhưng quê nội vẫn hết sức gần bó với Lý Văn Sâm, vì theo đường chim bay khoảng cách giữa thị trấn Tân Uyên với Bình Ninh chỉ già nửa cây số. Sau này, song thân Lý Văn Sâm mất đều được đưa về Bình Long an táng.

Bình Long, hay Tân Nhuận, cũng như cả vùng Tân Uyên trước năm 1945 rất nghèo. Trong hồi ký *Quê hương rừng thẳm sông dài*, nhà thơ Huỳnh Văn Nghệ viết:

Quê hương Tân Uyên rừng thẳm sông dài của tôi đó. Dân làng tôi từ đời nào tới nay đã quen với tiếng khỉ ho cò gáy, tiếng cộp thét beo gầm và tiếng thác Trị An ầm ầm trong những đêm thanh vắng. Củi thì lên rừng kiếm, nước thì xuống sông gánh, nhưng gạo thì dân làng chỉ đủ ăn một năm có mấy tháng mà thôi. Rừng thiêng sông dữ luôn luôn đe dọa cuộc sống của người dân. Ngơi tay cày cuốc là cây rừng cỏ dại trở về. Ngủ quên một giấc có thể mất một mùa vì bị voi giày, bị heo rừng ủi sạch. Mỗi năm, một mùa nước lũ, hồi hộp lo sợ từng phút từng giờ. Dân làng tôi lam lũ làm ăn, chỉ còn biết chấp những bàn tay đã chai sạn vì cầm cán cuốc, chuôi cày lại mà vái Trời, vái Phật (Thơ văn Huỳnh Văn Nghệ, Nxb. Đồng Nai, 1998, tr.49-50).

Từ Tân Uyên đến thị xã Biên Hòa, tỉnh lỵ hồi ấy, độ hai mươi cây số nhưng với nhiều chàng trai như Lý Văn Sâm, là nơi xa vời. 10 tuổi, ông mới được đặt chân đến thị xã lần đầu. Còn trước đó, là với Huỳnh Văn Nghệ: *Biên Hòa là thị xã của tỉnh tôi đó, cách làng tôi có chừng hai mươi cây số, mà hơn mười tuổi tôi mới được đến đó lần đầu* (Sổd, tr.85)..

Điều kỳ lạ là vùng đất nghèo khổ kia lại là nơi sản sinh ra nhiều người con tài hoa trong một thời kỳ sôi động: Huỳnh Văn Nghệ, Huỳnh Văn Luỹ (nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa), Tô Văn Cửa (nguyên Chủ tịch Ủy ban hành chánh kháng chiến tỉnh Biên Hòa), nhà văn Bình Nguyên Lộc, nhà giáo Hoàng Minh Viễn, Lý Văn Sâm, Hoàng Văn Bồn...

Tài năng văn học cũng như mọi tài năng khác không thể chia đồng đều cho mọi người, ở mọi vùng đất. Nhưng chắc chắn có những nguyên nhân thuộc về chiều dài lịch sử và bề dày văn hóa của một vùng đất đã góp phần nuôi dưỡng bậc kỳ tài. Nhiều người hay nói đến "địa linh nhân kiệt". Khi cắt nghĩa về Lý Văn Sâm, Sơn Nam đã đưa ra một lý do tương tự:

Đời người, trải qua bao khó khăn của tình thế biến động mà vẫn còn "tồn tại" quả là sự may mắn cho Lý Văn Sâm, có lẽ nhờ sự phù hộ của "hồn thiêng sông núi" đất Đồng Nai chăng? (Trích thư riêng của nhà văn Sơn Nam gửi BQH., ngày 27.6.1997).

Bề dày văn hóa – lịch sử đó không thể đo bằng mười, hai mươi, thậm chí trăm năm. Tên đất Tân Uyên, theo lời kể của ông Lương Văn Lựu, được đặt đã trên ba trăm năm, lúc những cư dân Việt từ miệt Thuận Quảng vào Nam:

Theo con nước lớn, đi mãi, độ một ngày và đêm, đoàn người gặp được vùng bình địa đồng bằng rộng lớn, hai bên sông, đó đây rải rác những rừng chồi thưa thớt, thỉnh thoảng có bấy nai lảng vảng, hoặc gặm cỏ, hoặc uống nước...Đi lần lần nữa, bực sông càng lên

nguồn, mặt đất càng cao trái lại mặt nước càng sâu xuống, nên thành vực thẳm, đất lở. Đoàn người tìm được lợi thế nên cập ghe vào bờ và cùng lên cất nhà. Để tìm cho địa danh mới, trong cuộc họp, các bô lão đã cùng bàn nhau: "Chúng ta đều là của thôn Mỹ Uyên, thuộc huyện Quảng Bình, nay di cư vào đây lập cơ sở mới. Ta nên chọn một tên cho hợp tình, hợp cảnh". Sau cùng mọi người ưng ý lấy một chữ trong làng cũ để kỷ niệm chút tình quê hương, là chữ "Uyên" rồi thêm chữ "Tân" là mới ở trước, ngụ ý dân thôn Mỹ Uyên đến lập làng mới tại đây (Biên Hòa sử lược, Tác giả xuất bản, Biên Hòa, 1960, tr.258-259).

Sau này, các nhà khảo cổ học còn tìm thấy trên địa bàn Tân Uyên xưa nhiều di chỉ bằng đá có niên đại trên dưới 4000 năm. Những phát hiện của ngành khảo cổ cũng đã chứng minh đây có thể là "điểm khởi đầu của nền văn hóa Óc Eo đã một thời phát triển ở miền Tây Nam bộ vào thế kỷ thứ III, thứ IV sau Công nguyên (Lịch sử Đảng bộ huyện Vĩnh Cửu 1930-2000, Nxb. Đồng Nai, 2000, tr. 21). Những thế kỷ sau đó, Tân Uyên tiếp tục là địa bàn mở đầu của sự giao lưu văn hóa, tín ngưỡng Nho, Phật, Kitô với văn hóa, tín ngưỡng bản địa.

Về truyền thống lịch sử, không riêng gì chiến khu Đ nổi tiếng những năm sau này, trước đó Tân Uyên đã là nơi Hoàng Lễ, vị Tổng đốc Đồng Nai được dân phong, lãnh đạo nghĩa quân đánh Pháp, hùng cứ một phương suốt bao năm trời. Vì thế, mỗi mảnh đất Tân Uyên là một di tích lịch sử, văn hóa. Ở Bình Ninh, quê nội Lý Văn Sâm đến giữa thế kỷ XX còn dấu tích của bờ Luỹ Giang, có lăng Bình bộ Thượng thư Phạm Chánh Thất. Còn ở quê ngoại, nơi hẻo lánh như Tân Nhuận, cũng có lăng của Bình bộ Hữu tham tri Hiển Mục Lê hầu.

Đất ấy, người ấy quả có "hồn thiêng sông núi"!

*
* *

Lý Văn Sâm sinh ra trong một gia đình thuộc tầng lớp trung lưu, về sau lại trải qua nhiều biến cố. Người cha, ông Lý Văn Huê, làm viên chức kiểm lâm, mất năm 1943. Mẹ, bà Đặng Thị Út, có thời gian đi buôn bán nhỏ còn ở nhà nội trợ và mất trước chồng một năm.

Lý Văn Sâm là con đầu của ông bà Lý Văn Huê. Theo cách xưng hô của người miền Nam, ông được gọi là cậu Hai, anh Hai, thầy Hai, chú Hai...

Sau khi mẹ mất, rồi cha cũng qua đời, gia đình Lý Văn Sâm dần dà rơi vào cảnh khó khăn. Ông có bốn người em, lớn lên đều phải làm thuê, làm mướn, thậm chí đi ở đợ. Người em kế, bà Lý Thị Quỳ, mất từ năm 1955. Người em út, bà Lý Thị Cường, sau năm 1975, ở với gia đình anh chị Hai tại Tp. Hồ Chí Minh. Bà Lý Thị Năm (tự Châu) lấy chồng ở Tân Mai (Biên Hòa). Lý Văn Sâm chỉ có một người em trai là Lý Văn Mô. So với anh Hai, Lý Văn Mô được học hành ít hơn nhưng có tài đánh cờ tướng, từng được phong là vua cờ Nam kỳ và đã viết một số sách về cờ tướng lấy bút hiệu Lý Anh Mậu. Ông Mô đã mất ngày 25.5.1975, lúc còn làm công nhân Nhà in Phú Nhuận.

Tuổi thơ Lý Văn Sâm trải qua êm đềm ở quê ngoại. Dường như cảnh vật phù hợp với tâm hồn của cậu bé, hay nói như nhà văn Lý Văn Sâm sau này: *Tâm hồn thơ dại của tôi đã thấm sâu bóng núi, hình cây, tiếng chim, lời xuôi*. Cậu bé "bắt đầu biết đứng mơ mộng bên con sông cổ hũu của làng" và nhất là khi thấy những vòng cánh trắng dịu dàng của đàn cò trở về khi sương chiều dâng lên.

Năm bảy tuổi, Lý Văn Sâm được cha đưa xuống thị trấn Tân Uyên để học sơ học. Trường nằm kế bên nhà anh Tô Văn Tuấn, tức nhà văn Bình Nguyên Lộc sau này. Từ bên này sông, Lý Văn Sâm nhìn về quê nội Bình Long rất rõ. Uyên Hưng lúc này đã mang dáng dấp phố thị. Những chuyến đò ngang đem hàng từ thị xã Biên Hòa sang và chở đi những cây trái, mía đường, lúa gạo, heo gà của Tân Ba, Tân Nhuận, Mỹ Lộc...

Những thay đổi chút ít về hoàn cảnh sống không làm khác đi tâm hồn giàu lãng mạn của cậu bé Lý Văn Sâm. Hàng ngày tôi vẫn thường ra đi một lượt với lũ cò. Tôi cắp những cặp sách mỏng kèm theo một mo cơm nhão và đếm từng bước nhỏ trên con đường trải đá son, theo vòng bán nguyệt của giong nước lụt, giống như một nét viết chì đỏ và một nét viết chì xanh vẽ song song lên trang giấy trắng thành hình một cái móng đóng trên trời... Trưa tôi ở lại và ăn cơm dưới dốc nhãn trong sân trường. Chiều, tôi về một lượt với đàn cò. Không biết buổi sáng cò bay đi đâu mà chiều lại cò về đúng giờ đúng khắc quá.

Thiên nhiên tươi đẹp và hoang dã của quê ngoại đã thấm đẫm tâm hồn cậu học trò nhỏ. Một hôm, thầy giáo vốn là người cùng làng với cậu ra một luận đề về đàn cò trắng. Chạm đúng mạch cảm xúc, cậu bé Lý Văn Sâm đã viết: *Những cánh cò chóp lia như chữ lãng nhãng và trông xa như những miếng giấy vụn thả theo gió...* Thầy giáo khen lấy khen để.

Lý Văn Sâm đã "lớn lên giữa một vùng thiên nhiên phóng khoáng bên những người thân yêu mộc mạc, xa ánh sáng của thị thành".

Tuổi thơ, Lý Văn Sâm nằm trong lòng bà ngoại nhiều hơn trong lòng mẹ. Là vì mẹ tôi phải buôn bán vất vả quanh năm. Một chuyến ra tỉnh trở về cũng mất bảy, tám ngày... Tôi nằm trong lòng bà, lớn lên trong tay bà, như tôi đã nằm vắt vẻo trong chiếc võng cũ, trọn những ngày thơ ấu.

Năm lên mười, Lý Văn Sâm được gia đình "đưa ra tỉnh học và lần lần xa mãi cảnh rừng xanh, núi thẳm". Cha cậu vẫn làm thầy đội kiểm lâm nhưng nghĩ tới tương lai của người con trai lớn nên đã đưa cả nhà về Biên Hòa, tỉnh lỵ, miền phố ở.

Biên Hòa trước năm 1945 có tên là xã Bình Trước. Cho đến năm 20 của thế kỷ trước, thị xã bé nhỏ này vẫn chưa có điện. Đến lúc

cậu bé Lý Văn Sâm về tỉnh lỵ thì dù đã có ánh sáng điện nhưng nó cũng chẳng to hơn trước bao nhiêu. Đường sá trải toàn bằng đá xanh lấy ở núi Bửu Long và núi Châu Thới. Có những con đường làng trải toàn bằng đá ong màu đỏ như son. Những con đường chính trong tỉnh ngày trước đều mang tên Tây. Đường Nguyễn Thị Giang là đường Bataille, đường Cách mạng tháng Tám mang tên Palasme de Champeaux v.v..

Đêm đến, phố xá tối om. Phần đông nhà dân đốt đèn dầu hoặc đèn khí đá. Người Hoa ở dài theo các phố chung quanh chợ, nhà nào sang thì thắp bằng măng-sông đốt bằng dầu xăng. Nhà của tham biện Tây có máy điện riêng, nhà những thực dân cai trị khác thắp đèn măng-sông. Không có xe hơi (hoặc rất ít). Người có chiếc xe hơi đầu tiên là ông L.C. bang trưởng Quảng Đông. Kế đó là gia đình ông P.P.T có hai chiếc xe đồ hiệu Unic và Delahaye đưa khách xuống Biên Hòa – Sài Gòn. Xe đạp cũng rất ít. Người có tiền mới mua được xe đạp, phổ biến là các nhãn hiệu xe Labov, Dainty, Alcyon. Xe ngựa chưa có bánh cao su mà chạy bằng bánh sắt. Đó là loại xe bốn bánh chạy hai ngựa gọi là xe song mã hoặc xe Kiếng, hai bánh trước nhỏ hơn hai bánh sau. Xe chạy qua phố, bánh sắt nghiêng đá nghe nhức tai. Ban đêm, bánh sắt nghiêng đá xanh, xẹt lên những tia lửa như pháo hoa cải.

Hồi đó, Biên Hòa chỉ có một cái chợ. Mái chợ lợp bằng thiếc. Trước chợ là nhà của ban hội tế xã Bình Trước. Tối nào cũng có một ông già đầu búi tóc, ra trước cửa nhà hội châm lửa đốt đèn. Bình đèn to bằng trái bí sơn màu xanh đỏ lẫn lộn. Sáng ra, cũng chính ông già búi tóc ấy cầm một cái ống sắt dài như ống thổi lửa kê vào phía dưới bình đèn và nhón gót thổi tắt ngọn đèn. Ông ta làm cái việc ấy trọn mười năm mới mất.

Người dân Biên Hòa hồi đó nghèo. Mỗi năm họ phải đóng bảy mươi đồng thuế thân (tiền Đông Dương). Họ làm đủ mọi nghề nặng nhọc bằng chân tay để sống qua ngày và ở trong những gian nhà lụp

xụp. Người Hoa có khá hơn. Họ đóng thuế thân mỗi năm tới ba chục bạc. Hoa kiều phần đông xuất thân từ những người mua ve chai, bán cà rem, cháo huyết...rồi sau đó chắt mót tiền mở tiệm چاپ phô (tạp hóa) và khá hơn thì làm những ông bang (Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu, Hẹ...). Đã thế, Biên Hòa những năm đó nạn trộm cắp hoành hành như rươi. Cậu bé Lý Văn Sâm từng chứng kiến cảnh nhà cầm quyền xử tử bằng máy chém hai tướng cướp Lồ và Súc ở trước khâm Biên Hòa (ngày nay là đường Nguyễn Trãi).

Chung quanh chợ Bình Trước, tức chợ Biên Hòa bây giờ, "là một cái xã hội nho nhỏ, ồn ào chút đỉnh trong buổi sáng và buổi trưa; buổi chiều phố xá thưa thớt và chợ Bình Trước vắng ngắt". Lâu lâu có gánh hát bội về dừng vách bố hát tại chợ. Một hai ngọn măng-sông soi sáng sân khấu và khán giả. Tuồng *San hậu* và *Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu* của bầu Bo và bầu Tàng hát quanh năm ở chợ. Có khi hát ban ngày theo yêu cầu khán giả và quan chức cai trị thời bấy giờ. Cọp lảng vảng ở xóm Vườn Mít. Nai chạy lạc vào chợ Bình Trước. Các con đường ra khỏi chợ đều là những "nẻo đời" đáng sợ. Nhiều nơi đồn đãi có ma hiện hình. Còn xóm Lò Heo lại là sào huyết của những tay anh chị giỏi võ và giỏi cả nghề múa lân.

Những sinh hoạt văn hóa khác ở Bình Trước cũng rất nghèo nàn. Báo chí chỉ có tờ *Lục Tỉnh Tân Văn* in ở Sài Gòn, phổ biến về các tỉnh nhưng thường là các công sở Tây mới có. Tiểu thuyết hiếm, loại trinh thám, phiêu lưu của Phú Đức với các nhân vật yên hùng như Bách-si-ma, Hiệp Liệt bán rất chạy. Thơ tuồng nhiều hơn, phổ biến là *Lục Vân Tiên*, *Thơ Sáu Trọng*, *Cậu Hai Miêng*...

Chút ánh sáng thị thành buồn bã kia không làm vui hơn cậu bé "chốn rừng xanh" Lý Văn Sâm. Ngược lại, nó gợi lên ở cậu nỗi buồn nhớ băng quơ, nhất là cảnh những nghệ nhân mù đàn độc huyền nói thơ giữa chợ vừa có gì như sự đọa đầy của số kiếp, vừa như chất chứa một sự ảm ức của cả đồng loại.

Hồi Lý Văn Sâm học tiểu học, ở Bình Trước chỉ có một “trường con trai”. Đây là trường tiểu học hoàn chỉnh (*École primaire de plein exercices*) duy nhất tới lúc đó ở tỉnh Biên Hòa, có từ cuối thế kỷ XIX. Ngôi trường này mang tên Pháp: *École primaire complémentaire de BiênHoa*, và dĩ nhiên tiếng Pháp là ngôn ngữ chính. Đến năm 1934, thị xã Biên Hòa mới có thêm một “trường con gái” nhưng cũng chỉ là trường sơ học (*École Élémentaire*). Tới trước năm 1938, cả tỉnh Biên Hòa chỉ trường tiểu học tỉnh ly (tức trường *École primaire complémentaire de BiênHoa*, tức Trường tiểu học Nguyễn Du ngày nay) mới có học sinh thi lấy bằng tiểu học (*Certificat d' Etudes Primaire Franco – Indigène*). Vì thế, so với nhiều thanh, thiếu niên thời đó, Lý Văn Sâm ở vào số những người được học hành tử tế. Tại đây, cậu được học với thầy giáo Năm, thầy Lương Văn Lê là cha vợ và cha ruột của người bạn thân Lương Văn Lựu, thầy Huỳnh Văn Giỏi, thầy giáo Nguyễn Văn Tòng...

Trong số các thầy giáo tiểu học ở Biên Hòa, thầy Tòng là người anh Sâm yêu mến hơn cả. Thầy Tòng đã nêu tấm gương khí khái, quyết từ bỏ nghề giáo chức từ những năm 1936 - 1938 để tham gia phong trào công khai lúc bấy giờ và đã không nề hà bất cứ hy sinh nào, ngay cả đến tính mạng của mình. Sau năm 1975, thầy giáo Tòng đã gửi cho anh Sâm, lúc này đã là một cán bộ cấp tỉnh, bài thơ thầy viết trong những năm tháng sống dưới chế độ cũ:

*Đã trót năm dư ở thị thành
Nỗi niềm tâm sự nghĩ buồn tanh
Sớm hôm cùng vợ và con nhỏ
Vui một chữ bần, một áo manh
Miệng mỗi lưỡi lằn nhiều hiểm độc
Lòng ta không gợn chút hôi tanh
Bạc đầu vẫn quyết lo cho nước
Độc lập, tự do dạ mới đành*

Về phần mình, hơn ba mươi năm xa cách, Lý Văn Sâm vẫn giữ một lòng tôn kính người thầy giáo cũ: *Thưa thầy, trước sau con vẫn là đứa học trò ngoan ngoan của thầy. Thầy đã dạy con bài học yêu quê hương, xứ sở từ thuở con hầy còn là đứa học trò sơ đẳng...*(Lý Văn Sâm - *Một địa chỉ thân yêu*).

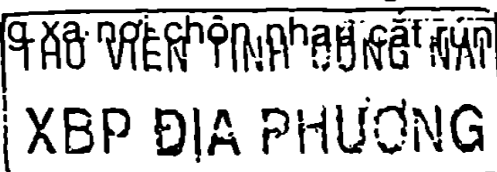
Lý Văn Sâm còn một thầy giáo “ruột” nữa. Đó là nghệ nhân mù Năm Trừu. Nguyên hồi đó, ngoài những buổi học ở trường, anh được cha cho theo bác Năm học đờn, sáo. Nhà bác Năm ở xóm Cây Chàm, làng Tân Thành, nằm cạnh một bên là bến nước xinh xắn mà dân làng hay gọi là bến Rạch Rớ, một bên là miếu Ông Bình Vôi. Miếu Ông Bình Vôi nổi tiếng nhờ câu chuyện hoang đường “cây đa đẻ rạ tượng Phật”. Ở đây có vô số bình vôi và tượng Phật nhỏ bằng sành nằm gọn lỏn trong dây rế chằng chịt đan nhau lại thành những chiếc nôi tí hon. Sau miếu là một cây đa không biết bao nhiêu tuổi, cao to, xòe tán che mát. Còn trước mặt là Cồn Gáo nằm giữa dòng sông Đồng Nai. Từ nhà bác Năm nhìn ra, Cồn Gáo nằm quanh quẽ giống hình chiếc ghe chài cắm neo cố định giữa sông. Trên cồn, mọc lên ba cây gáo cao như ba cây cột buồm.

Bến Rạch Rớ “nổi tiếng” không kém gì miếu Ông Bình Vôi. Có lần, bé Xuân, con trai một của bác Năm, hụt giò, thiếu chút nữa chết đuối ở chỗ sâu nhất của bến. Người ta đồn rằng, có cặp rắn thần trước miếu lội ra đỡ Xuân lên và còn đưa cậu vào bờ (!) Ngày đó, Xuân mới chín tuổi, bến Rạch Rớ đổi tên thành bến *Cậu Xuân* rồi lần lần được gọi tắt là *Bến Xuân*.

Bác Năm vốn con nhà phong lưu, bị mù mắt bẩm sinh, được gia đình cho theo nghề đờn thổi từ nhỏ. Năng khiếu đặc biệt của bác là thổi sáo. Khi lớn lên, bác thường dẫn ban nhạc lễ của làng đi chu du khắp nơi. Tiếng tăm nổi như cồn. Cuộc đời bác là cuốn sách buồn và đầy những chi tiết hấp dẫn. Trước tiên là chuyện bác lấy vợ. Bác Năm gái là con thứ ba của một gia đình khá giả ở làng Tân Hạnh, bên kia sông. Thời trẻ, bác gái mê tiếng sáo của anh nghệ sĩ mù xóm

Cây Chàm. Bất chấp sự ngăn cản dữ dội của cha mẹ, bác nhất quyết đi theo tiếng gọi của lòng mình. Một lễ cưới đơn sơ được tổ chức ngay tại bến Rạch Rờ. Hai năm sau, hai bác có bé Xuân. Nhưng lúc Xuân lên năm tuổi thì mất mẹ, bác Năm Trừu ở vậy nuôi con. Đêm đêm, ông hướng về làng Tân Hạnh, gửi tình thương nhớ vợ vào tiếng sáo. Tiếng sáo của bác từ ngày đó nghe càng náo ruột. Chuyện đáng kể thứ hai, ngày bác Năm gái chưa mất, ngoài việc đưa ban nhạc lễ của làng đi chu du, hai bác còn có một cái vườn bưởi ông bà để lại, hoa lợi đủ sống. Nhưng năm nào bác Năm cũng trốn thuế. Mỗi lần hương quản đến hỏi thì bác gái dẫn chồng ra trốn ở cái hang thần trước miếu. Rắn thần đã đi mất từ lâu, chỉ còn trơ cái hang trống hốc nhưng người lạ chẳng ai dám vào. 2018/BC/VV 00001202

Lý Văn Sâm là một trong ba học trò ruột của bác Năm Trừu. Anh không thạo sáo nhưng mê đồn kìm và đôi khi kéo thử đồn cò. Bác Năm Trừu hay nói với Xuân và anh Sâm: "Kẻ vô hồn khó mà khiến cho tiếng đồn, tiếng địch của mình có hồn". Người học trò nhỏ giàu mơ mộng đã mơ hồ hiểu, hồn ở đây là tâm hồn của một con người trung thực luôn hướng về cái Đẹp, cái Thiện. Bác Năm còn có một cây đồn cò quý. Anh Sâm, thậm chí Xuân, con trai bác, kéo nó cứ kêu rè rè. Bác Năm giải thích: Tụi bây kéo nó không "chịu" đâu. Nó cứ kêu ư ử rè rè. Tao là chủ nên nó quen hơi. Chỉ cửa nhẹ là nó đã nhõng nhẽo rồi. Ngoài tao nó không chịu ai hết. Ngựa nào chủ ấy mà bây! Sau này, khi bắt đầu viết văn, Lý Văn Sâm nhớ về người thầy giáo cũ và đã sáng tác truyện ngắn *Tiếng đàn Sông Phố* (khi đăng trên *Tiểu thuyết thứ Bảy*, nhà văn Vũ Bằng đã đổi tên thành *Cây nhị Sông Phố*). Chính tiếng sáo của bác Năm Trừu đã thổi vào tâm hồn thơ trẻ Lý Văn Sâm những khúc ca tình tự đầu tiên của quê hương. Đó còn là "tiếng sáo phảng phất tiếng réo gọi của quê hương, thấm đậm hào khí Đồng Nai thi vị và anh hùng" đối với nhà văn Lý Văn Sâm khi ông phải sống xa nơi chốn nhai nhai của mình.



Học xong năm lớp Nhứt (*Cours Supérieur*), Lý Văn Sâm đã thi lấy bằng tiểu học.



Lấy bằng Primaire, Lý Văn Sâm về Sài Gòn thi vào Trường Pétrus Ký, trường trung học lớn nhất Nam kỳ. Anh đậu vào trường loại nửa nội trú, nửa không. Học ở Pétrus Ký không được bao lâu thì giữa anh học trò Biên Hòa với đốc học Nguyễn Văn Dĩ xảy ra xung đột.

Hôm đó, trong giờ Sử – Địa dư (Lịch sử – Địa lý), thầy Dĩ gọi trò Sâm lên bảng và hỏi: *Expliquez la construction de la terre* (Hãy nói về cấu tạo của trái đất). Trò Sâm trả lời: *Jè ne sais pas* (Tôi không biết). Thầy Dĩ đánh vào mặt, anh Sâm né khiến thầy mất đà đổ lên bàn. Nổi xung thiên, thầy Dĩ đứng lên và lần này anh Sâm đưa chân ra đỡ khiến thầy té lăn cù. Thế là anh Sâm phải mang rương về nhà trọ.

Rời Trường Pétrus Ký, Lý Văn Sâm xin vào Trường Lê Bá Cang, một trường tư thục. Việc học ở đây cũng chẳng mang lại cho anh hứng thú gì. Anh bỏ trường về Biên Hòa.

Bấy giờ là những năm tháng sôi nổi của thời kỳ Mặt trận Dân chủ (1936 – 1939). Chính phong trào này đã khuấy động chất lãng mạn vốn có trong tâm hồn anh Lý Văn Sâm. Anh cùng với một vài người bạn chí cốt trong tỉnh nuôi mộng lập một gánh hát nghiệp dư gồm toàn “cây nhà lá vườn” để đi hát quanh các chợ quận, lấy tiền giúp các quỹ cứu tế và các hội đá banh, hội âm công... Vốn mê cải lương, anh Sâm đã ngồi viết một số vở tuồng, trong đó có vở *Mũi tên diệt bạo*.

Lúc này, tình cờ Lý Văn Sâm quen biết với một tên tuổi sân khấu lớn về sau, đó là Trần Hữu Trang.

Trần Hữu Trang xuất thân từ một gia đình trung nông lớp dưới ở làng Phú Kiết, tỉnh Mỹ Tho. Nhiều năm anh Tư Trang (tên thường gọi của Trần Hữu Trang) lao động cày cấy rồi làm chủ một tiệm hót tóc nhỏ ở làng Tân Hiệp, cách Phú Kiết độ ba, bốn cây số. Lúc rảnh, anh ngồi soạn các bài lẻ cải lương và thỉnh thoảng ôm cây đàn kìm của thầy Mười Giăng tặng tham gia những đêm "hòa âm, hòa điệu" với bạn bè trong vùng. Đến năm 1930, Trần Hữu Trang chính thức gia nhập làng cải lương. Ban đầu là giúp việc cho nhiều gánh hát lớn với cái nghề khiêm tốn là thư ký chép tuồng. Anh Tư làm việc rất siêng năng và nuôi chí trở thành cây bút soạn tuồng cải lương để dùng sân khấu bày tỏ thái độ và tình cảm của mình đối với đất nước. Không lâu, soạn giả cải lương Trần Hữu Trang nổi tiếng; bên cạnh những tài năng đi trước như: Đào Châu, Đặng Công Danh (tức thầy Mười Giăng), Trương Quang Tiền, Nguyễn Thành Châu (tức Năm Châu)...Nhiều đoàn hát lớn đã dàn dựng các vở: *Tô Ánh Nguyệt*, *Đời cô Lựu*, *Tìm hạnh phúc*, *Chị chồng tôi*, *Tình lựu*, *Mộng Hoa Vương*, *Lan và Điệp*...của Trần Hữu Trang. Khi còn học ở trường tỉnh, Lý Văn Sâm đã mê tuồng Trần Hữu Trang. Các vở tuồng của Trần Hữu Trang được các gánh hát Trần Đắc (Trần Đắc Nghĩa), Năm Phỉ (Năm Phỉ), Phụng Hảo (của Phùng Há), Đại Phước Cường (của Năm Châu, Bảy Nhiêu, Năm Phỉ, Bảy Nam và Nguyễn Ngọc Cường)...biểu diễn đã in đậm dấu son tình cảm trong trái tim niên thiếu Lý Văn Sâm và gợi cho anh nhiều suy gẫm về tình yêu, về thể thái nhân tình và cả những tấn trò đời trong xã hội.

Dịp may hiếm có, "thầy Tư Trang" lên Biên Hòa để thăm người chị thứ ba của nghệ sĩ Từ Anh, nhà ở gần sát rạp Từ Diễm. Anh Sâm đánh bạo đến gặp "thầy Tư", trước là để thỏa lòng ngưỡng mộ, sau là khai thác kinh nghiệm nghề nghiệp. Gánh hát Năm Phỉ (của nữ nghệ sĩ Năm Phỉ) trụ lại rạp Trần Diễm ngót tuần lễ. "Thầy Tư" có dịp đọc khá kỹ vở tuồng *Mũi tên diệt bạo* của Lý Văn Sâm. Hồi này, "Thầy" nom rất trẻ, nhưng thực ra hơn anh Sâm mười sáu tuổi. Người

nghệ sĩ đã từ lâu anh ngưỡng vọng mặc một bộ bà ba vải quynh trắng, tóc đen óng và dáng dấp ung dung như một hiền triết. Có lẽ đoán được tâm trạng của cậu thiếu niên đam mê nghệ thuật, "thầy Tư" thân mật nói với anh Sâm:

- Kêu qua bằng anh, đừng kêu qua bằng thầy nữa. Em có khiếu văn chương đó. Mà tuồng này của em không hát được đâu. Không phải tuồng bết mà tại em nói toàn chuyện "bị ở tù như chơi". Làm cái khác đi. Có dịp qua sẽ dẫn dắt em thêm.

Anh Sâm chạy mua một gói thuốc *Đại Nam* mời "thầy Tư". Anh Trần Hữu Trang không hút. Nghệ sĩ Tư Anh giải thích giúp:

- Anh Tư ảnh có hút hiếc gì đâu. Tụi thì hằng hà chớ còn ảnh thì như thầy chùa ăn chay.

Từ bữa đó, anh Sâm và Trần Hữu Trang xa nhau ngót mấy năm. Thư từ cũng thưa dần. Không phải hai người quên nhau mà do anh Tư phải lưu động theo các gánh hát. Còn Lý Văn Sâm lại tiếp tục rời xa nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

*
* *

Về gia đình một thời gian, Lý Văn Sâm lên miệt Định Quán dạy kèm con gái vị Hương cả người dân tộc. Được nửa năm, tình thầy trò đã chuyển sang tình yêu. Gặp lúc mẹ đang muốn có cháu bồng, anh cưới vợ, đem nhau về lại thị xã.

Tuy đã có vợ, nhưng Lý Văn Sâm còn quá trẻ. Ông Lý Văn Huê muốn con có danh tiếng với đời hơn là lông bông bèn viết thư liên hệ với Trường trung học tư thục Hồ Đắc Hàm ở Huế. Gia đình ông Huê vốn cấm rượu nhưng hôm tiễn anh ra ga, ông Huê đã kêu gọi uống. Có lẽ là rượu mừng ?

Từ ấy, cảnh nắng vàng trên sông Hương và sương xanh trên núi Ngự đã đưa hồn lãng mạn tôi lên tuyệt vời. Lý Văn Sâm học Trường Hồ Đắc Hàm độ vài năm thì một hôm nhà trường xem hồ sơ

phát hiện cậu học trò này có vợ bèn bảo: Trường không chứa học trò có vợ!

Lý Văn Sâm rời Trường Hồ Đắc Hàm, xin vào Trường trung học Phú Xuân của đốc học Cao Xuân Chiểu. Tại đây, anh "chỉ thích đá banh ở sân S.E.P.H. hơn là học hành" bởi hồi ấy anh "sợ giờ Toán như ngán thuốc Bắc".

Những năm tháng lưu lại trên đất kinh kỳ đã đem đến cho Lý Văn Sâm nhiều kỷ niệm. Ngoài vẻ đẹp cổ kính dễ gợi cho bất cứ tâm hồn trai trẻ nào cảm xúc u hoài, Huế còn là đất văn chương, nghệ thuật. Tại Trường Phú Xuân, anh Sâm đã được học các giáo sư Hoài Thanh và Thanh Tịnh. Tiếc rằng thầy Hoài Thanh lại dạy Pháp văn chứ không phải Quốc văn. Riêng thầy Thanh Tịnh, Lý Văn Sâm còn là "bạn đồng mâm đồng chiếu".

Ấn tượng lớn thứ hai trong những tháng ngày ở Huế đối với Lý Văn Sâm là những lần gặp gỡ cụ Phan Bội Châu. Nhà sĩ phu từng *Muốn vượt bể Đông theo cánh gió – Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi* (thơ Phan Bội Châu, bản dịch), sau bao năm vùng vẫy khắp năm châu bốn biển đấu tranh cho dân tộc bây giờ phải làm "Ông già Bến Ngự" vừa gợi lên trong lòng chàng sự cảm phục, vừa như có điều gì bức bối, thực giục...

Vào một dịp nghỉ hè, Lý Văn Sâm thuê một chiếc *tròng* lênh đênh trên sông Hương để quên nỗi nhớ nhà. Sáng sớm hôm ấy, anh vừa mở mắt thì đã nghe tiếng nhiều người nói chuyện lao xao quanh thuyền. Anh lắng tai nghe, rõ ràng có giọng nói quen thuộc của chị Sáu Nết và anh Từ Anh. *Tha hương ngộ cố tri*, có niềm vui nào hơn. Lý Văn Sâm nháy qua tròng ghe bên cạnh. Anh Từ Anh cho biết đoàn Phụng Hảo sẽ hát tại rạp Tân Tân bảy hôm, rồi đi Thanh Hóa và thuận đường có khi ra Hà Nội cũng nên. Hai hôm sau, Lý Văn Sâm thêm một niềm vui nữa, anh Trần Hữu Trang đáp xe lửa ra tới Huế. "Thầy trò" gặp nhau mừng ứa nước mắt. Anh Tư hỏi thăm đủ thứ rồi chuyển sang nói chuyện tuồng tích, văn thơ. Lý Văn Sâm trao

cho Trần Hữu Trang một tập thơ mình mới làm. Anh Tư đọc chăm chú rồi nhăn mặt:

- Hồi này em làm thơ ẹ quá. Toàn chuyện mộng mơ, yêu đương gì lãng xẹt.

Ý Trần Hữu Trang muốn nói là hồi Lý Văn Sâm còn ở Biên Hòa, với vở *Mũi tên diệt bạo* được anh đánh giá tốt. Ban đầu nghe chê, anh Sâm buồn, nhưng rồi càng nghe, càng thương và mến trọng anh Tư Trang. Lúc này, Trần Hữu Trang tiếng tăm đã lừng lẫy. Song, anh vẫn giản dị như thuở nào. Trần Hữu Trang vận sơ mi lụa Hà Đông sờn cổ và cái quần "săng-tung" rộng ống cổ hữu, không uống trà, hút thuốc. Ngày đó, Lý Văn Sâm chỉ thấy Trần Hữu Trang thích ăn chè đậu ván và cháo hến bình dân của xứ Huế.

Ở với đoàn Phụng Hảo ít ngày, Trần Hữu Trang rủ Lý Văn Sâm đi Hà Nội một chuyến để gặp nhà văn Nguyễn Công Hoan và Phạm Ngọc Khôi bàn chuyện viết thêm các vở tuồng mới. Mặc dù thích đi, nhưng Lý Văn Sâm chỉ tiễn Trần Hữu Trang ra tới Vinh rồi quay vào Huế. Hôm đoàn Phụng Hảo trở về đã xuôi luôn vào Nam, còn Trần Hữu Trang ghé lại tìm Lý Văn Sâm. Trần Hữu Trang có ý định bàn với anh viết một vở hát dã sử về nhân vật Đê Thám. "Thầy Tư" không có thời giờ nên định ra sườn rồi giao cho anh chấp bút. Trần Hữu Trang còn bảo: Tuồng này, anh em mình làm cho gánh hát thằng Năm Ngẫu. Tội nghiệp, gánh nó nghèo, hát toàn các tuồng *Bách-si-ma*, *Hoàng Ngọc Ẩn*. Cho nó một tuồng kha khá để làm ăn nở mặt, nở mày với người ta.

Trước khi chia tay, Trần Hữu Trang căn dặn Lý Văn Sâm đủ điều như đối với một người em ruột thịt. Buổi chia tay hôm ấy đối với anh thật đáng nhớ đời, lúc thuyền hai anh em đậu bến Gia Hội, dưới vòm lá một cây bồ đề cao tuổi. Khung cảnh thật nên thơ. Chùa Gia Hội yên giấc nghỉ trưa. Nước lớn từ sông Hương đẩy những chiếc lá bàng trở về bến cũ. Dòng Gia Hội như no thêm nhờ sự tiếp sức của dòng sông mẹ duyên dáng mỹ miều.

Đến quá ngọ, có *tròng* từ sông Cái tiến về phía thuyền Lý Văn Sâm. Trong chiếc *tròng* trước mặt anh có một ông già ngồi thẳng lưng trên một chiếc ghế đẩu gần như bất động. Toàn thân ông già mặc màu đà, màu áo của Phật. Vầng trán hói, những sợi tóc thưa thưa khể lung linh trong gió. Đôi mắt cụ dăm chiêu, xa vời. Sau lưng ông, một cậu bé tóc để trái đào đang cầm quạt phe phẩy. Lý Văn Sâm kêu lên:

- Ông già Bến Ngự !

Trần Hữu Trang cũng nhận ra ngay hình ảnh tôn kính ấy. Những năm 1926-1928, Trần Hữu Trang ở Mỹ Tho đã tham gia vào các cuộc đấu tranh đòi trả tự do cho cụ Phan Bội Châu của đồng bào trong tỉnh. Còn với Lý Văn Sâm, đây không phải lần đầu tiên, nhưng là lần cuối cùng anh được chiêm ngưỡng dung mạo nhà chí sĩ họ Phan.

Cuộc chia tay với Trần Hữu Trang và hình ảnh Ông già Bến Ngự xao xuyên mãi trong lòng Lý Văn Sâm.

Không chờ đến kỳ thi lấy bằng Thành Chung (Diplôme), cuối năm thứ tư bậc trung học, Lý Văn Sâm bỏ trường, bỏ lớp ra ga về lại Biên Hòa. Chuyện anh bỏ dở học hành ở Huế còn có nguyên nhân "kinh tế" nữa. Anh phải thuê mướn nhà trọ, có khi phải thuê đồ để ở, thành ra tốn tiền không ít.

Đời học trò của Lý Văn Sâm chưa thật sự chấm dứt. Về Biên Hòa độ vài tháng, anh lại xuống Sài Gòn vào học Trường Lycéeum Paul Doumer theo yêu cầu của cha. Thế nhưng, bao nhiêu hứng thú đối với chuyện học hành không còn nữa. Anh tự nhận "*cái thú "bỏ nhà" của tôi rất hợp với anh Lê Văn Đức (Huyền Đức) mà không hợp với tiếng gọi trở về gia đình của thống chế Pétain*". Lý Văn Sâm lại bỏ học, lần này là vĩnh viễn.

Về Biên Hòa, có lúc Lý Văn Sâm mở tiệm may, có lúc mở tiệm hớt tóc để kiếm sống. Bước chân phiêu lưu của chàng không dừng lại ở cái thị xã bé nhỏ này. Có khi, anh xuống tận miền Tây, ở

Châu Đốc một thời gian. Dọc đường gió bụi đã xảy ra không hiếm chuyện ly kỳ. Có lần, một ông xã trưởng người huyện Hồng Ngự rước “thầy” Sâm về dạy học cho...vợ. Dạy học một thời gian, cô vợ trẻ có ông chồng già “khuấy” thầy giáo trẻ. Thiên hạ đồn đãi tới tai ông xã trưởng, khiến “thầy giáo” Sâm mất việc phải về lại Biên Hòa. Hóa ra, “bà xã trưởng” mê “thầy Hai” thật, dám bỏ chồng lên tận Biên Hòa để thăm người tình.

Rày đây mai đó mãi cho tới năm 1942 được tin mẹ mất, Lý Văn Sâm mới trở về thọ tang. Nhưng rồi tôi lại bỏ cha già và bầy em dại, chạy theo bè bạn. Cha tôi về hưu liền đem bầy em tôi lên rừng khuếch trương sự nghiệp.

*Nơi ông Lý Văn Huê tìm cách gây dựng “sự nghiệp” chính là vùng Mã Đà – Trị An. Tại đó, ông có lò than mang nhãn hiệu *La chute d'eau*, chuyên sản xuất than chạy xe hơi thay cho xăng dầu. Lò than ấy cách thác Trị An non một cây số.*

Từ thuở còn cắp sách đến trường, tiếng thác reo muôn thuở đã thu hút tính tò mò của Lý Văn Sâm. Nhưng khi lớn lên, lăn mình vào “ánh sáng”, tiếng gọi của cuộc đời thúc giục, mỗi khi về thăm cha và các em, có dịp nhìn ngắm thác Trị An hùng vĩ, lòng anh lại dâng lên những đợt sóng mới:

*Ô, cái gì kia ? Có phải chẳng
Sơn thần xô đá lấp tràn giang ?
Phải chăng bày xóa trò dâu bể,
Lụt ở nguồn cao xuống đất bằng ?
Ta lại cùng ta bên thác réo
Nỗi đau nhân thế xé tim gan
Bước lên, nhưng bước về đâu nhỉ ?
Thác chắn đời ta giữa cõi trần
Thân thể ví dầu đang bị khóa,
Tâm hồn muốn hóa ngọn trào کیا.*

*Ta bay bay vút theo dòng thác
Ai bảo rằng ta lạc nẻo về ?*

(Một mình bên thác nước)

Rồi chàng lại ra đi bởi đã "trở thành cậu con trai sông hồ phiêu lãng".

Năm sau, ông Lý Văn Huệ mất. Lý Văn Sâm về thọ tang cha, lo xây cất mồ mả và gánh vác sự nghiệp ông Huệ để lại. "Đang là một kẻ sĩ mang hồn thơ lang thang trong thiên hạ, tiếng gọi gia đình đã kéo tôi trở về nơi nhau rún".

Lý Văn Sâm "dừng bước giang hồ, quăng "túi thơ", lãnh lấy túi bạc non mười vạn". Đó là tất cả vốn liếng của cả một đời tích lũy bằng mồ hôi nước mắt của ông Huệ. Ngày trước, mỗi khi về Trị An, Lý Văn Sâm tha hồ ngắm rừng, thác. Còn bây giờ, anh đã là "ông chủ" của cả một cơ ngơi. Ngày ngày, Lý Văn Sâm phải cho một đoàn xe bò đi lấy nước ở thác Trị An để cung cấp cho mọi sinh hoạt của "thầy", "thợ" và công nhân làm củi đốt than. Rồi bao nhiêu chuyện rắc rối, phức tạp nữa. Nhưng "cái chí làm giàu" ở anh Sâm rất nguội. Làm kinh tế nhưng anh thường giải quyết theo cách nghệ sĩ. Thành ra, thất bại liên tiếp thất bại. "Chỉ trong vòng một năm, sản nghiệp suy sụp đến mức chót". Anh "không còn cái thú muốn sống trong gia đình nữa". Vả lại, ở Trị An anh Sâm hầu như chẳng có bạn bè: *Quanh tôi chỉ có rừng và thác. Trước mặt tôi bút giấy là bạn. Tự nhiên tôi cần phải viết để quên buồn, chứ không phải để gửi đăng báo. Truyện thứ nhất hồi ấy là truyện Kòn Trô, trong ấy tôi tả nỗi "xa đời" của một nhân vật bị "đời xa". Viết rồi cất đó để đọc chơi...* (Lý Văn Sâm - Tôi viết văn). Đây là sáng tác được Lý Văn Sâm cho là đầu tay của mình và cũng từ ngày đó văn chương như con đường tiền định đã mở ra trước mắt mà chàng phải dẫn thân.

*
* *

Trở lại chuyện Lý Văn Sâm có vợ. Lúc rời Trường Lê Bá Cang, Lý Văn Sâm về Biên Hòa. Chuyện cũ ở trường Petrus Ký làm anh không vui. Một buổi chiều tháng Chạp, anh lên chiếc xe hàng chạy Sài Gòn – Đà Lạt, đổ xuống Túc Trưng gặp người bạn tên Phong.

Túc Trưng bấy giờ không là một thị trấn mà chỉ là một cảnh chợ nhỏ nằm cheo leo trên Quốc lộ 20.

Tại Túc Trưng, người Hoa kiều bán chạp phô. Người Nam làm cao su, làm cây, làm củi và chứa cò bạc. Người thiểu số làm rẫy, trồng đậu phộng, trồng bắp, tía đậu nành v.v.. Mỗi tháng, có một chuyến xe bò chở những món ấy xuống bán chợ Trảng Bôm hoặc chợ Biên Hòa.

Buổi chiều cuối năm ở chốn rừng rậm cây lá, sương xuống dày lạnh quá. Nhưng với anh Sâm, nỗi lòng u ám càng thấm hơn cái lạnh miền sơn cước. May mà anh đến đây để tìm bạn, anh Nguyễn Thế Phong. Phong hơn Sâm vài tuổi nhưng cứng cáp, chắc chắn hơn nhiều. Vốn là một sinh viên ban Tú tài, Phong bỏ Bắc vào Nam dọc ngang hồ hải. Đến Túc Trưng trong vòng hai năm anh đã trở nên giàu có, được mọi người yêu quý nể trọng.

Biết Sâm là người đang mang tâm trạng u uất, Phong đưa bạn đi chơi nhiều nơi.

Tháng Chạp năm đó, Phong đưa Sâm lên chơi Định Quán, đứng vào dịp ở đây tổ chức làm lễ “ăn nhang” lớn.

Giữa sân lễ, dân làng trồng một cây phước cao làm cột trụ. Trên đầu phước treo những tà tui vải màu. Người ta buộc con trâu vào cây phước đó. Buộc thế nào mà trâu chạy vòng tròn theo cột phước mà không chạy sẩy ra được.

Mọi người chạy vây quanh cây phước thành vòng tròn. Con trâu chạy ngang qua những người đứng thành vòng tròn đó. Lao, mác, chà gạt đâm tới tấp lên mình trâu cho đến khi trâu ngã xuống.

Người ta lắt thịt trâu lên lửa đỏ, vừa ăn vừa uống rượu. Đó là thứ rượu ịch được ngâm bằng rễ cây rừng. Uống rượu bằng cần trúc. Cần này cắm trong ché lớn. Người ta uống như hút ống điều bình.

Hôm Phong và Sâm lên, ông Cả Định Quán ra tận đường đón. Biệt lệ đó là do giữa ông và Phong có mối thân tình từ trước. Tuổi ông trạc năm mươi ngoài; người quắc thước, mắt sáng, mũi thẳng. Tóc hoa râm trum xuống tận ót. Miệng nhai trầu bi bô. Ông Cả mặc quần đóng cần vọt, mặc một chiếc áo nỉ đen đã bạc màu. Chân ông đi đất, thịt ở bắp chân nổi lên những cục gân tròn như hột đào.

Ông Cả là người được trọng vọng nhất vùng này. Khi ra đón Sâm và Phong, ông đội một cái nón bành và đeo trên vai một khẩu súng hai nòng. Đây cũng là cách trang phục của ông Cả mỗi khi dự lễ "ăn nhang". Trước khi dự lễ, ông Cả vốn vã mời hai anh bạn trẻ về chơi nhà ông.

Ông Cả chỉ có hai người con gái, Tchô Phay và Tchô Phin. Tchô Phay độ mười tám tuổi. Nước da ngăm ngăm đen. Mắt đen. Lông nheo dài. Răng trắng muốt. Tóc vàng óng màu râu bắp, gợn thành hình sóng dợn. Nàng là con gái nhà quê nhưng cũng bắt chước con gái chợ, bận áo túi hường, quần lãnh sông Hương. Cổ đeo một chiếc kiềng vàng, lủng lẳng một chiếc vuốt cọp. Hai cườm tay hai chiếc đồng trôn. Mỗi khi Tchô Phay cười để lộ một chiếc răng vàng duyên ở hàm trên.

Tchô Phay thuộc hạng thiếu nữ nửa rừng nửa chợ. Trong vòng ba năm nay, nàng thường lén xuống buôn bán ở chợ Trảng Bòm, và Biên Hòa. Tới mùa rẫy, nàng lại là người cày đáng công việc gia đình. Ông Cả phần già yếu, phần bận việc làng, chỉ lãnh những việc nhẹ. Tchô Phay quần quật suốt ngày, dầm mưa dãi nắng, chịu đựng được mọi khó nhọc của việc nông tang. Bé Phin mù mắt bẩm sinh nhưng được cha và chị tập chuốt nan, đờn giỏ giỏ không thua người mắt sáng.

Bà Cả, tên Tchô, mất cách đây bốn năm. Từ ngày bà mất, nhà hiu quạnh. Ba cha con càng thêm yêu thương gắn bó. Không ai có thể chia xẻ bất kỳ ai trong số họ.

Đêm hội ăn nhang anh Sâm bị ép uống rượu say đến nỗi ngã ra chết gắc. Chàng vốn yếu rượu nhưng nể sự mời mọc của ông Cả phải ngâm cần trúc đến hai mươi lần.

Đang nửa đêm, anh bỏ cuộc vui. Tchô Phay phải thân hành đánh xe đưa Sâm và Phong về nhà ông Cả. Nàng và Phong chạy đi kiếm đồ dã rượu.

Sáng hôm sau, anh tỉnh rượu, người vẫn còn ngầy ngật, mệt mỏi phải nằm lại nhà ông Cả. Phong bận việc đã lật đật về Túc Trưng trước.

Suốt buổi đó, Tchô Phay không hề hở môi một lời. Nàng lại có những cử chỉ vụng về, bẽn lẽn.

Xế lại, Sâm đón xe đò về Túc Trưng. Vừa về tới nhà Phong độ nửa giờ thì Tchô Phay xuống chuyển xe sau. Thì ra anh Sâm bỏ quên cái bóp đựng giấy tờ, nàng đem lên trao rồi vội vã quay đi. Ra tới đường, Tchô Phay ngoái lại, chừng như sợ có ai đi theo. Lúc bấy giờ chỉ xe đổ dốc mà không có xe chạy lên. Trời sắp mưa. Chẳng lẽ Tchô Phay đi bộ về Định Quán? Anh Sâm bối rối chạy ra kho xe bò của Phong. Đang loay hoay thì Phong về tới, anh giục Sâm đưa Tchô Phay về Định Quán và nói vọng:

- Tôi biết thế nào ông Cả cũng cầm anh ở lại. Chiều không về thì sáng mai. Không có chuyện gì gấp!

Đường vắng ngắt và vượn dài như vô tận. Khi biết anh Sâm đánh xe đi theo, Tchô Phay luống cuống. Nàng bước xấp hai nhưng không ngoái lại. Đuối kịp, Sâm cất tiếng:

- Thầy Phong biểu tôi đánh xe theo để đưa cô về Định Quán.

Anh không dám nói chính mình làm việc này. nàng ngần ngại không lên xe. Sâm trách:

- Cô có giận gì tôi thì cô nói. Khi không cô bỏ về ngay. Anh Phong "rầy" tôi quá.

Nàng vẫn không thay đổi ý kiến:

- Được, thầy Hai cứ để "em" đi bộ.

Đây là lần đầu tiên anh nghe tiếng "em" từ miệng Tchô Phay. Lối xưng hô thân mật ấy buộc chặt hai cuộc đời từ phút đó.

Tchô Phay lại lững thững quay đi. Sâm đổi ý, nhảy xuống đường cùng đi bộ với nàng. Cả hai đi bộ được một đoạn, đến con dốc thứ ba, một chiếc xe hàng từ phía Đà Lạt đổ về Sài Gòn. Tiếng cười của hành khách khiến Sâm đỏ mặt. Anh vùng vằng nhảy lên xe, đòi trở về Túc Trưng. Bấy giờ, Tchô Phay mới chịu lên xe. Đường xóc, nhiều đoạn làm xe chòng chành. Tchô Phay và Sâm mấy lần mất thăng bằng phải níu vào nhau. Cả hai cùng cười. Họ đi dưới ánh nắng chiều rớt từng khoảng nhỏ trên lưng con bò phèn. Trên đầu, lá rừng đổ từng trận rào rào...

Lý Văn Sâm ở lại vùng Túc Trưng, Định Quán chừng ba tháng. Anh trở về Biên Hòa. Năm đó, bà Đặng Thị Út sức khỏe yếu. Tuổi già, như mọi bà mẹ Việt Nam khác, bà muốn con trai lớn có vợ để bà được ẵm bồng cháu nội. Anh Sâm giới thiệu Tchô Phay, người cần cù, ít nói, hiền lành. Bà Út ưng ý lắm. Đám cưới không thành đám nhưng Tchô Phay và Lý Văn Sâm thành đôi vợ chồng. Đích thân ông Cả đưa con gái về nhà chồng bằng xe ngựa.

Anh lấy vợ không có gì lạ nhưng việc vợ anh là một người con gái dân tộc đã trở thành câu chuyện đồn thổi khắp cái thị xã Bình Trước nhỏ bé này, nhất là đám bạn bè từng học cùng lớp với anh. Hồi đó, nhiều người có ấn tượng xấu về đồng bào dân tộc. Họ gọi Tchô Phay là "Mọi", đồn nàng có bùa ngải. Ngay trong nhà anh Sâm vẫn có nhiều lời ong tiếng ve. Họ hàng ai tới nhà ông Huề cũng chạy lên dòm mặt vợ Sâm. Họ khinh rẻ ra mặt và không ai xem nàng là con dâu trong nhà. Duy chỉ có bà Huề và cô em út là những người tỏ ra thân thiết.

Tình cảm của bà Huệ đối với con dâu càng thêm khăng khít từ ngày bà trở bệnh nặng. Trong nhà, chỉ có Tchô Phay là người săn sóc bà chu đáo nhất. Bà Huệ bị bệnh phổi nhưng nàng không sợ lây. Nhiều lúc anh Sâm thấy vợ nằm kế bên mẹ đọc tiểu thuyết cho bà nghe.

Càng thương con dâu, bà Huệ càng sốt ruột muốn có cháu. Song, không rõ vì sao Tchô Phay chẳng sinh nở được. Bà Huệ nhờ người đi mua các loại thuốc bổ như *Lục vị địa hoàn*, *Sâm bổ thận hoàn* của hãng Nhị Thiên Đường cho nàng uống vẫn không thấy tầm hơi gì.

Năm 1942, bà Đặng Thị Út mất. Năm sau, ông mất theo. Cảnh nhà sa sút. Trước và sau những biến cố đó, Lý Văn Sâm đã là người giang hồ lãng tử, rày đây mai đó. Tình yêu của nàng đối với anh không mất nhưng những chỗ dựa tình cảm trong nhà không còn. Sau ba năm làm người phố thị, Tchô Phay trở về Định Quán nuôi người em mù lòa. Tiếp theo là những ngày sóng gió của dân tộc. Lý Văn Sâm và Tchô Phay bất tin nhau.

Những năm về sau, lúc ở chiến khu Đ, Lý Văn Sâm nhiều lần cố tìm nhưng vẫn không tin tức gì.

Gần năm mươi năm sau, năm 1997, xã Bình Lợi (Bình Long và Lợi Hòa), quê nội Lý Văn Sâm, làm lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, ông cùng nhà văn Hoàng Văn Bỏ về quê. Lễ xong, Lý Văn Sâm đi dần vào làng tìm lại người xưa cảnh cũ. Họ hàng không còn được mấy người. Lý Văn Sâm gặp một ông già, trạc tuổi ông, tên Kiển. Chuyện văn bằng quơ, bỗng ông Kiển chỉ tay về Dốc Chùa, một cái am nhỏ, gần với miếu hơn chùa, nói với Lý Văn Sâm:

- Có một người tu không hẳn tu, cạo đầu đến chùa này. Tôi thấy bà ta lạ lắm, hay ra trước mả mẹ anh Hai khấn vái. Không biết bả là gì của anh ?

Lý Văn Sâm nghe lạnh toát cả người. Ông khấn thầm: Em còn sống thì mẹ nghìn đời!

Ông Kiền đi khỏi, Lý Văn Sâm lẳng lặng vào Dốc Chùa. Khi hỏi thăm tin tức về Tchô Phay, bà kia trả lời ông mình không hề quen biết và cho rằng câu chuyện của ông kể có lẽ là truyền thuyết. Chẳng hỏi được gì thêm vì xem chừng người đàn bà nọ có ý lảng tránh. Đến cuối năm 1998, có người tặng lại cho Lý Văn Sâm bản thảo ba tập truyện vừa, trong đó có *Vợ tôi, người dân tộc thiểu số*, ông viết vào năm 1954. Tác phẩm này là phiên bản mới tình đầu Lý Văn Sâm - Tchô Phay. Có điều, trong truyện, Lý Văn Sâm đã hư cấu hoàn toàn kết cục câu chuyện tình nhiều nước mắt kia. Trong truyện, sau khi có chồng, Tchô Phay vẫn ở Định Quán. Sau đó, ông Cả mất, còn chồng nàng lãnh việc đi buôn bán ở Sài Gòn. Dù bị bạn bè chế giễu hết lời, anh vẫn hết mực yêu thương Tchô Phay. Noel 1943, ở Biên Hòa, anh cùng với nhóm bạn bè cũ kéo nhau ra bờ sông Đồng Nai đờn ca. Cuộc vui giữa chừng, em chàng chạy ra báo tin "chị Hai" xuống kiếm. Chàng mắc cỡ với bạn bè vốn nhiều ác cảm với Tchô Phay nên đã thẳng tay đuổi vợ về. Gần sáng hôm đó, chàng về tới nhà thì biết tin vợ đã quay về Định Quán trong đêm bằng xe bò của những người buôn chuyến. Sau đó, Tchô Phay đem em trốn biệt vào rừng bởi "nàng ghê sợ cái xã hội văn minh với những tình cảm bội bạc. Xã hội đó đã đẻ ra một thằng con trai như tôi, một thằng con trai sớm thương, chiều ghét".

*
* *

Là người giàu lãng mạn nhưng Lý Văn Sâm lại sớm ý thức về bản thân mình, một thanh niên đang sống trong một đất nước nô lệ. Vì thế, dù có địa vị xã hội như thế nào đi nữa, anh cũng là người mất tự do. Năm 1934, lần đầu tiên Lý Văn Sâm chứng kiến cảnh một thằng Tây bạt tai cha mình. Ngày đó, ông Lý Văn Huê đang làm công

cho chủ Tây. Cậu con trai mới 13 tuổi đã ngạc nhiên hỏi cha vì sao bị Tây đánh mà không phản ứng lại. Ông Huệ đáp rằng, thằng Tây là chủ, đến nước còn mất thì bị đánh như vậy vẫn là nhẹ, nhiều người còn bị đày, bị giết chết nữa kia. Anh Sâm rất đau lòng và thấy đó là nhục. Từ đó, anh quyết định sẽ không làm việc cho Tây và thực tế, mãi sau này dù học trường Tây, nhưng Lý Văn Sâm chưa một ngày làm công cho chúng. Sau lần đó, anh lần mò tìm hiểu số phận, hoạt động của những người bị Tây đày hoặc giết chết. Anh bắt đầu chớm có ý nghĩ thoát ra cuộc sống nô bộc đối với bọn chủ Tây.

Bỏ học vĩnh viễn, Lý Văn Sâm làm nhiều nghề, ở nhiều nơi. Nhưng nơi anh gắn bó nhiều hơn cả vẫn là xã Bình Trước. Đây là giai đoạn rất khó khăn đối với Lý Văn Sâm, không phải về tiền bạc mà là tư tưởng. Sau này, nhà văn viết: *Giai đoạn này là một khoảng tháng ngày bế tắc, đầy bi kịch trong đời tôi, một anh trí thức tiểu tư sản chưa nhận được đường đi.* Anh viết lách cũng là cách để giải tỏa bớt sự nặng nề của tâm hồn và tham gia các hoạt động ngoài xã hội là để thoát khỏi sự cô đơn ấy.

Từ năm 1943, Lý Văn Sâm rủ rê ba người bạn: Lương Văn Lựu, Nguyễn Văn Lý và Huỳnh Sanh mở một nhà sách mang tên *Sông Phố*, nằm ở góc đường Gallimard (nay là đường Quang Trung) và đường Nguyễn Hữu Cảnh (nay là đường Cách mạng tháng Tám). Đây là văn phòng của luật sư Lê Văn Trá. Bốn người bạn chỉ thuê một căn, dài độ mười sáu mét, rộng bốn mét đủ để các anh gom sách báo cũ của mình lại cho mượn. Riêng sách, có độ gần một ngàn năm trăm cuốn, phần nhiều là truyện Tàu, tiểu thuyết xã hội. Báo chí bằng tiếng Pháp bày ra bán cho lính Pháp ở Thành Kèn. Vậy mà, nhà sách *Sông Phố* lúc nào cũng có người đến mượn sách, hoặc đứng xem tại chỗ. Thanh niên học sinh đến *Sông Phố* vì có dịp làm quen với Nhứt Lưu (Lương Văn Lựu) và Trọng Khanh (Lý Văn Sâm), hai nhà văn của tỉnh đã đăng ít nhiều tác phẩm trên các báo trong Nam, ngoài Bắc.

Nhà sách *Sông Phố* tồn tại đến ngày toàn quốc kháng chiến. Đây không đơn thuần là nhà sách mà đúng như nhiều người nói, đó là "văn đàn", một hình thức tập hợp, trao đổi về sáng tác văn chương. Thành viên của nhóm là những thanh niên trí thức của thị xã Biên Hòa. Lương Văn Lựu tuy sáng tác không nhiều, nhưng đã có thơ, truyện ngắn đăng trên báo từ năm 1942, sau này chuyên chú vào việc biên soạn bộ sách *Biên Hòa sử lược* gồm 4 tập. Huỳnh Sanh sau này là nhà thầu khoán, đã có công cất nên các trường tiểu học Đồ Chiểu (nay là Trường THPT Chu Văn An), Nguyễn Khắc Hiếu, Trịnh Hoài Đức vào những năm 50. Còn Nguyễn Văn Lý khi tham gia văn đàn là sinh viên trường kiến trúc, con trai bác sĩ Nguyễn Văn Hoài. Tên nhà sách do chính Lý Văn Sâm đặt. Đó là tên khúc sông Đồng Nai dài độ bốn cây số, chảy ngang qua thành phố Biên Hòa, khởi đầu từ đuôi Cồn Gáo thoải thoải và chấm dứt ở cái mỏm nhọn Cù Lao Phố. Lý Văn Sâm đặt tên cho khúc sông quê hương và sau đó lấy làm tên của nhóm văn chương Bình Trước.

Trong giai đoạn có lúc Lý Văn Sâm cho là "bi kịch", anh không chỉ rày đây mai đó, tìm cách "xa đời". Tình cảnh đất nước trước mắt, với nhiều nỗi thống khổ, lẫn nỗi nhục của bao người dân xung quanh khiến Lý Văn Sâm không thể làm ngơ. Anh kiếm tìm và đã gặp gỡ...

Những năm 40, "thị xã Biên Hòa như một trái núi lửa, bị dồn nén lâu ngày, bỗng gặp thời cơ phụt lửa". Trước đó, nhiều nhóm cộng sản đã về các vùng thuộc tỉnh Đồng Nai gây dựng phong trào. Các "anh lớn" như Hoàng Minh Châu, Nguyễn Văn Ký, Hồ Văn Đại, Nguyễn Văn Tàng, Nguyễn Văn Lành (tức Lưu Nam) đã móc nối, tuyên truyền cách mạng cho Lý Văn Sâm, một trong những thanh niên trí thức hiếm hoi của Biên Hòa ngày đó.

Trong số những chiến sĩ cộng sản được Lý Văn Sâm gọi là "anh lớn", thân thuộc nhất là Nguyễn Văn Ký, Nguyễn Văn Lành, Hồ Văn Đại và Nguyễn Văn Nghĩa. Bà Lê Thị Trừ, vợ ông Nguyễn Văn

Ký kể: Ông Ký là đảng viên cộng sản từ năm 1932, hoạt động ở Cao Lãnh, cùng ông Phạm Hữu Lầu là Bí thư Xứ ủy Nam Bộ. Bị lộ, ông Ký lên Biên Hòa mở tiệm may ở Dốc Sỏi (nay là đường Phan Đình Phùng) nhằm làm bình phong để tiếp tục hoạt động. Lý Văn Sâm là một trong những thanh niên đầu tiên ở Biên Hòa được ông Ký tuyên truyền, giác ngộ cách mạng. Nhiệm vụ mà anh Ký, anh Đại, anh Châu giao cho Lý Văn Sâm là ban đêm đi dán truyền đơn Việt Minh tại chợ Bình Trước, ngay trước mũi của bọn lính Nhật khát máu. Còn nhà Lý Văn Sâm khi đó là kho than được các anh chọn làm nơi in và cất giấu truyền đơn Việt Minh. Với Nguyễn Văn Ký, anh Sâm có một kỷ niệm nhớ đời. Một buổi tối, anh và anh Nguyễn Văn Ký đang dán truyền đơn ở đầu chợ Bình Trước thì nghe sau lưng mình có bóng người. Thành phố tắt đèn. Người đứng sau lưng hai anh rọi đèn pin có dán giấy xanh ở mặt kính vào vào tờ truyền đơn đang có cơ bị tróc vì dán hồ sơ sịa. Người ấy đưa tay dán lại tờ truyền đơn giúp rồi nói nhỏ vào tai các anh: "Đi lẹ lên mấy cha nội". Đó là Cai Tây (Võ Văn Tây), người cảnh sát mã tà mà bất cứ ai ở Biên Hòa khi gặp đều phải giật mình. Về sau, Lý Văn Sâm kể lại chuyện này với lời nhận xét: *Kể lại chuyện này tôi muốn nói là Cách mạng có sức thuyết phục to lớn và ai ai cũng thấy mình đáng yêu trong cái thời điểm mà lịch sử vỗ vai gọi đúng tên mình. Người Biên Hòa là như vậy đó* (Lý Văn Sâm - *Người Biên Hòa với ngày Nam Bộ kháng chiến*, báo Văn nghệ Đồng Nai, số 11/tháng 9.1990).

Các anh lớn còn ảnh hưởng đến những sáng tác của Lý Văn Sâm thời kỳ này. Anh Nguyễn Văn Tàng (sau này là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chánh tỉnh Biên Hòa) là người "đầu trò" cho một nhóm thanh niên mới lớn ở Biên Hòa bàn nhau tổ chức buổi biểu diễn cải lương để gây quỹ từ thiện. Lý Văn Sâm đã viết vở cải lương đầu tiên của mình mang tên *Hối hận*, song anh không dám đứng tên tác giả mà để anh Tàng đứng tên. Còn các anh Ký, anh Lành, anh Đại đã góp nhiều ý kiến mang tính chủ đề cho những sáng tác truyện

đường rừng của Lý Văn Sâm. Trong truyện đường rừng đầu tay *Kòn Trố*, Lý Văn Sâm còn biến các anh Lành, Đại thành nhân vật. Mỗi thân tình đó gắn bó gắn như suốt đời với Lý Văn Sâm, bởi vậy, sau này khi phải khai lý lịch, ông luôn kể những người *bạn thân thiết nhất*.

1. *Nguyễn Văn Ký, thợ may, nguyên Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa cũ, chết năm 1952.*

2. *Phạm Văn Thuận, hoạt động cách mạng ở xã Bình Ý, tỉnh Biên Hòa cũ, nguyên Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Thủ Biên và Phước Long trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Hiện công tác ở Ủy ban Thanh tra trung ương.*

3. *Hồ Văn Đại, thợ may, nguyên Trưởng ty công an tỉnh Thủ Biên. Hiện nay là Cục phó Cục Hậu cần Công an ở phía Nam.*

4. *Nguyễn Văn Tư, tức Bửu, viên chức tòa án Pháp và ngụy quyền Mỹ, đã về hưu trước 30.4.1975, 5 năm...*

(Bản khai năm 1978)

Đến ngày nổ ra tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, Lý Văn Sâm đã là đoàn viên Thanh niên Tiền phong của tỉnh đi cướp chính quyền.

*
* *

Nhân dân Nam Bộ nói chung, người Biên Hòa nói riêng, hưởng hòa bình, độc lập vồn vện 1 tháng, 28 ngày. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, thực dân Pháp gây hấn, nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, Gia Định. Nam Bộ kháng chiến bùng nổ mở đầu cho cuốn sử toàn quốc kháng chiến và toàn bộ giai đoạn chín năm trường kỳ chống Pháp. Trong thời gian ngắn ngủi của hoà bình, chính quyền cách mạng ra sức củng cố và chuẩn bị kháng chiến. Lý Văn Sâm được bố trí làm cán bộ tuyên truyền của tỉnh Biên Hòa, mà trực tiếp là Ban Tuyên truyền quận Châu Thành (đơn vị hành chính mới của thị xã Biên Hòa). Cái tên Sông Phố lại có dịp gắn bó với Lý Văn Sâm, bởi

bây giờ nó "đã trở thành cái tên in bằng chữ đỏ trên tờ tuần tin tức của quận":

Lúc bấy giờ tôi mới hai mươi tuổi, tóc còn mượt xanh, ngọn lửa hăm hở cháy đỏ trong lòng. Tôi được Ban Tuyên truyền huyện phân công giữ một chân biên tập trong tờ tuần tin tức được gọi là tờ báo của huyện. Tôi chuyên làm thơ đả kích, thỉnh thoảng có viết một ít văn xuôi...

Tờ *Sông Phố* được đánh máy thành nhiều bản ra đều đặn mỗi tuần hai số và phân phát nhuyển đến từng cán bộ, người dân. Khi kháng chiến bùng nổ, một bộ phận lớn đồng bào Biên Hòa đã cùng các cơ quan hành chính, quân sự... theo sông Đồng Nai, rút lui về Tân Uyên. Tàu lớn, tàu nhỏ tấp nập xuôi ngược dòng sông thân yêu trong niềm lưu luyến vô bờ. Ban biên tập *Sông Phố* lúc ấy gồm sáu người vừa nam vừa nữ được chia làm hai bộ phận. Bốn người theo Ban Tuyên truyền huyện dời lên Cù lao Rùa. Hai người, Lý Văn Sâm và Xuân, con bác Năm Trừu, ở lại có nhiệm vụ bám sát thị xã, tiếp tục làm việc cho tới khi có lệnh mới.

Anh Sâm và Xuân được phân công ở lại đều có lý cả. Một người được coi là quen công việc, giỏi viết lách. Một người rất thông thạo địa hình, địa vật nơi bộ phận bám trụ. Nhưng rồi, cả hai cũng được lệnh rút khi thực dân Pháp chiếm thị xã và Ủy ban nhân dân tỉnh ra lệnh "tiêu thổ kháng chiến". Trước khi rời thị xã, Lý Văn Sâm và Xuân đã "thịt" được hai tên Phòng Nhì của Pháp bằng lựu đạn ở đầu chợ Cá. Vậy mà, hai "chiến sĩ" vẫn ám ức không còn lựu đạn để "làm ăn" thêm !

Về tới ấp ba, làng Tân Thành (nay là phường Bửu Long), Xuân dẫn Sâm về nhà mình. Từ những ngày đầu kháng chiến, bác Năm Trừu dự định cho Xuân gia nhập đoàn Văn công tỉnh. Người nghệ sĩ mù nuôi ý định gửi tiếng sáo cũng là tiếng lòng của mình đi theo hồn nước với đứa con trai độc nhất. Gặp lại hai đứa, bác Năm rờ rẫm khắp mình mẩy thấy nguyên vẹn cả mừng bởi đêm qua nghe

tiếng súng nổ phía chợ bác lo quá. CƠM nước xong, anh Sâm nói với bác Năm:

- Chưa thành lập được Văn công, bác Năm à. Tụi cháu đang lo công việc cho tờ báo của huyện mình đây. Nói là báo nhưng thực ra chỉ là tờ tin tức thôi.

Bác Năm tỏ vẻ hài lòng và còn dặn thêm hai anh em phải coi chừng tụi "rờ sọc" (*recherche*: lính kín) ở dưới xóm Lò Heo. Nếu có động tĩnh gì cả hai phải trốn ra cái "hang rắn thần" ở miếu Ông Bình Vôi. Ông già còn tiết lộ: chẳng có rắn rồng gì đâu. Ngày trước, bác gái và cô của Xuân đào để bác Năm trốn tụi tề.

Từ đó, chi nhánh báo *Sông Phố* ở Tân Thành có thêm hai cộng sự tin cẩn là bác Năm và cô Sáu. Sâm và Xuân bắt tay vào việc ngay tại miếu Ông Bình Vôi. Chuyện CƠM nước có hai "cộng sự" lo.

Cô Sáu có chồng làm thợ mộc ở xóm Lò Heo. Cứ vài hôm, cô lại đến thăm bác Năm và anh em Sâm một lần. Ngoài việc tiếp tế, cô Sáu còn cung cấp đầy đủ tin tức thị xã cho hai anh. Bấy giờ, tờ *Sông Phố* đã biến thành tờ "thông tin" hẩn hoi, với hai trang giấy lớn.

Chiếm xong thị xã, quân Pháp liền cho những cánh lính nhỏ thọc ra các nơi thăm dò du kích. Riêng bọn Phòng Nhì lần mò theo tung tích tờ *Sông Phố*. Bác Năm và cô Sáu khuyên anh em Sâm chuyển ra Cồn Gáo ẩn náu cho chắc ăn. Ở đó, hai anh vẫn được cô Sáu chu toàn CƠM nước. Có điều cả hai phải nuốt CƠM vắt với muối tiêu. Nhưng hai hôm đầu, cô Sáu phát CƠM đều đặn. Qua hôm thứ ba, các anh nhin đói. Từ ngày thứ tư, Sâm để ý thấy một cô gái người nhỏ thó ngày nào cũng lội sông mò ra Cồn Gáo tiếp CƠM. Cô gái không nói năng một tiếng gì, chỉ nhoẻn miệng cười. Hai anh em nghi trên bến chắc có động nên cô Sáu đổi người.

Vào một đêm đầu tháng Tư, có tiếng sáo diều dặt từ bến Rạch Rớ theo gió bay ra. Anh em Sâm biết là mật hiệu của bác Năm. Nửa đêm đó, cô Sáu chèo xuồng ra Cồn Gáo đón hai người. Thay vì ghé

vào xóm Lò Heo, cô Sáu lại đưa Sâm và Xuân về phía làng Tân Hạnh. Cô bảo:

- Từ bây giờ, tụi bây rút về Cù lao Rùa luôn. Thế nào anh Năm và tao cũng tìm cách lên thăm. Không ở nhà lâu được nữa đâu. Động ổ rồi. Thiếu chút nữa thì cậu Sáu và tao đã bỏ mạng. Thằng Phước "Tây lai" nhận nước tao ở ngang cái ao vệt trước nhà. Dượng Sáu bây nóng ruột chửi mắng ồm tỏi. Nó cầm gân bò bổ vào đầu phun máu...Càng đánh, ổng càng chửi dữ, chẳng kể gì ráo. Dượng tụi bây lì lợm đến như tao còn ớn hướng gì thằng Phước!

Nghe kể về dượng Sáu, Sâm và Xuân càng sốt ruột cho bác Năm. Cô Sáu ấp úng mãi mới kể tiếp:

- Chúng lục lọi khắp nhà anh Năm. Có ý muốn lục soát cái hang rắn thần đằng trước nhưng chẳng mống nào dám chun vô. Chúng chỉ dám dùng cây sắt nhọn thọt vào và quậy từng hốc nhỏ mà thôi. Chúng tra anh Năm đủ điều. Thấy ảnh lắm lì không nói gì chúng bèn rưới dầu lên đầu và hăm thiêu sống. Lại còn dọa dùng dùi sắt nung lửa chọc vào đôi mắt mù của ảnh nữa. Ba thằng Xuân chỉ cười gằn, thách chúng châm quẹt. Thằng Phước gặng hỏi: Ông chết, bỏ nghề thổi ống tiêu lại cho ai? Bỏ vườn bưởi lại cho ai?

Cô Sáu càng kể, Sâm và Xuân càng lo lắng. Cô trấn an:

- Yên trí. Ảnh còn sống nhăn. Hồi hôm, ai thổi ống tiêu bây biết không? Ảnh đó. Ảnh bị trận đòn này không biết có qua nổi không. Tao lo cho ảnh quá. Già yếu rồi!

Nói đến đây, cô Sáu nín bật. Trên đầu Sâm và Xuân, con trăng lưỡi liềm mảnh khảnh trôi lênh bênh giữa tấm mây mỏng. Con trăng giống hình cái dấu móng tay của người khổng lồ bấm vào da trời. Sâm dòm xuống cái lưng khom khom của Xuân càng nhớ, càng thương bác Năm, người đã yêu anh như một đứa con ruột thịt. Xuân giống bác Năm như khuôn đúc. Giờ này chắc cậu ta đang chết điếng trong lòng.

Xuông cặp bờ, cô Sáu dặn riêng Xuân:

- Nhớ ghé thăm má má mày một chút, nghen Xuân!

Liền đó, cô Sáu trao cho Sâm một chiếc nóp cũ. Giọng cô thì thâm tha thiết:

- Con Nghĩa trao cho tao cái nóp của nó và ra dấu bảo tao đem ra cho thằng Hai mày.

- Nghĩa nào vậy cô? - Sâm ngạc nhiên hỏi.

- Không biết thật à? Con nhỏ hằng ngày tiếp tế cơm vắt cho tụi bây chớ còn ai vào đó nữa! Nó bị cầm tù ngày lọt lòng mẹ.

Anh cũng sờ không nói nên lời. Cô Sáu còn dí dỏm nói thêm:

- Mạnh giỏi về, tao làm mai nó cho mày nếu mày không chê nó tật nguyên. Con nhỏ nghèo mà dễ thương lắm. Cho mày chiếc nóp đó, nó phải chịu ngủ trần, muỗi cắn cả tháng mới bỏ ống dành dục tiền sắm lại cái khác được.

Xuân vẫn sụt sịt khóc từ nãy giờ. Cô Sáu mắng yêu: Con trai gì động một chút đã mủi lòng. Nhưng rồi chính cô cũng kéo chéo khăn rằn trùm vai chụm vào mắt.

Đêm chia tay đầy băng khuâng. Sâm và Xuân đội ánh trăng lười liềm rời xa chốn bao năm từng gắn bó. Nhiều năm sau này, Sâm mới được biết bác Năm Trừu mất cách cái đêm ấy đúng một tháng. Người con gái cầm tên Nghĩa đã bị Tây hãm đến chết. Không biết cô có mang xuống tuyến đài cả nỗi hối tiếc vì chưa sắm được chiếc nóp mới thay cái cô đã tặng cho Sâm?

*

* *

Rời Biên Hòa, Lý Văn Sâm đi về phía Tân Hòa, Tân Tịch, Lạc An...- vùng căn cứ kháng chiến của cả tỉnh. Tình hình lúc này thật căng thẳng. Sau khi chiếm thị xã, thực dân Pháp ra sức xây dựng bộ máy chính quyền tay sai từ tỉnh xuống huyện, xã, mở các cuộc càn

quét ra vùng ven thị xã, đồn điền cao su. Liên tục các ngày 15 tháng 3 và 18 tháng 4 năm 1946, chúng mở các đợt hành quân lớn cả thủy, lục, không quân đánh vào Lạc An (Tân Uyên). Khi ấy, trên địa bàn Biên Hòa cũng đã hình thành Chiến khu Đ và Chiến khu Rừng Sác (Phước An).

Người mà Lý Văn Sâm tìm gặp là Huỳnh Văn Nghệ, lúc đó đang là Phó chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, kiêm Ủy viên quân sự, Chỉ huy trưởng Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Với anh Tám Nghệ, từ lâu, Lý Văn Sâm đã hết sức ngưỡng mộ. Nổi danh là võ tướng nhưng Huỳnh Văn Nghệ là người nặng lòng với văn chương. Những ngày đầu thành lập chiến khu Đ, bằng uy tín và tấm lòng của mình, Huỳnh Văn Nghệ đã mời gọi nhiều văn nghệ sĩ, trí thức từ thành vào căn cứ kháng chiến, nơi ông gọi bằng cái tên cũng rất...văn chương: *Chiến khu Xanh!* Không những thế, Huỳnh Văn Nghệ còn sáng tác hẳn một tập thơ mang tên *Thơ Đồng Nai*. Nhiều văn nghệ sĩ, trí thức được Huỳnh Văn Nghệ mời vào Chiến khu Xanh không phải để cầm súng, vót chông mà trước hết là để họ chứng kiến sức mạnh quật khởi của nhân dân, hiểu hơn về kháng chiến. Còn Lý Văn Sâm là trường hợp khác, anh đang vừa là cán bộ tuyên truyền của tỉnh vừa là người cùng quê với ông. Sau này, hồi tưởng lại, Lý Văn Sâm đã viết những dòng tha thiết: *Trong từng bước thăng trầm của chiến khu Đ đều có mặt anh Tám Nghệ. Chiến khu Đ đối với anh đã thành một lãnh địa đặc biệt trong tâm hồn anh: Tâm hồn chiến sĩ và thi sĩ (...)* Ở cái thời "hăng máu" của những năm tuổi trẻ, tôi được dịp quen anh Tám, rồi được dịp hoạt động chung với anh trong suốt thời gian đầu kháng chiến chống Pháp ở Mỹ Quới, Võ Sa, dốc Bà Nghĩa, Tân Hòa, Tân Tịch, Lạc An v.v.. Năm 1992, có nhà báo hỏi Lý Văn Sâm chuyện văn chương, nhà văn đã trả lời thẳng thắn: *Tôi thì không có gì đáng nói. Tôi chính là học trò của các anh Bình Nguyên Lộc và Huỳnh Văn Nghệ.*

Làm anh cán bộ tuyên truyền của tỉnh, Lý Văn Sâm phải đi nhiều nơi. Địa bàn chiến khu Đ xuất phát từ một vùng chỉ có 5 xã của quận Tân Uyên ngày càng được củng cố và rộng thêm. Thực dân Pháp cũng liên tục mở nhiều cuộc càn quét hòng bóp nghẹt kháng chiến. Tháng 5 năm 1946, Lý Văn Sâm về làng Bình Long với mục đích tìm Huỳnh Văn Nghệ thì đụng phải trận càn lớn của quân Pháp. Cả làng Bình Long bị đốt sạch, lửa cháy suốt ngày đêm. Anh bị bắt nhốt vào bót Cây Đào (xã Tân Phú) cùng với hàng chục dân làng. Tại đây, giặc Pháp tha hồ tra tấn và giết người theo kiểu trung cổ. Chính anh Sâm đã chứng kiến cảnh chúng giết người anh ruột của nhà văn Hoàng Văn Bôn một cách man rợ bằng cách cắt cổ bởi chiếc liềm cắt cỏ. Lý Văn Sâm không hiểu vì sao giặc không giết anh theo kiểu đó, hay chúng nghĩ anh là một trí thức khi trả lời chúng bằng tiếng Tây?

Bị giam ở bót Cây Đào mấy hôm, quân Pháp đưa Lý Văn Sâm về khám Biên Hòa, nằm cách căn nhà cũ của anh độ mấy căn. Tại đây, Lý Văn Sâm gặp một người bạn cũ đang làm phiên dịch. Quản ngục là một tên Tây Chà-và lai. Nó bảo Lý Văn Sâm lạy hấn thì được tha. Người bạn cố thuyết phục nhưng anh cương quyết không chịu. Bị giam độ một tháng, Lý Văn Sâm được tha nhưng phải ở ngay tại thị xã, dưới sự quản thúc của một tên Tây. Sau này, anh mới được biết mẹ vợ đã nhờ ông Đoàn Bá Kỳ, người trước đây tính bỏ tiền mua lại lò than của gia đình ở Trị An, lãnh ra bởi ông này rành tiếng Pháp lại quen thân với tên Lecorps.

Bị quản thúc ở Biên Hòa, Lý Văn Sâm cùng với Lương Văn Lựu mở lại Nhà sách Sông Phố. Lần này, các anh chỉ chuyên bán những tờ báo như *Thống Nhứt*, *Việt Bút*... Nhà sách rộng, anh Sâm và anh Lựu cho người bạn tên Huỳnh Văn Mạnh mượn một góc mở tiệm hớt tóc. Bán sách nhưng lòng Lý Văn Sâm lại ở muôn phương. Tết năm 1947, anh tìm cách về Bình Long nhưng không qua mắt được sự dòm ngó của tên Tây chuyên theo dõi. Người "anh lớn" Nguyễn Văn Ký, lúc này là Phó bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa, phụ trách an ninh, tìm

cách liên lạc Lý Văn Sâm. Nhưng tình hình nội thành càng lúc càng khó khăn, mọi động tĩnh đều rất dễ bị lộ.

Một hôm, Lý Văn Sâm đang ở nhà sách thì cô Hoa, con một người lính mã tà đến bảo: Một lát nữa, ba tôi đến bắt anh! Nghe vậy, Lý Văn Sâm bèn nói với Mạnh và Lý Văn Mô, cậu em ở phụ xếp sách, báo, mình đi uống cà phê và trốn luôn. Khi lính mã tà đến, tìm không thấy Lý Văn Sâm, chúng bèn bắt Mạnh và Mô đưa về nhốt ở bót Tân Ba. Chúng định đem cả hai ra bắn nhưng may tên quan Tây d' Adrian có "mèo". Em của "mèo" nó lại là bạn đánh cờ với Mô bảo chị xin hộ.

Trốn ở Biên Hòa vài ngày coi bộ không xong, Lý Văn Sâm tìm về Sài Gòn.

*
* *

Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định những năm 1946, 1947 thật phức tạp và khắc nghiệt. Sau khi chiếm lại Sài Gòn, thực dân Pháp liên tục mở rộng vùng tạm chiếm, thiết lập bộ máy tay sai. Sau nhiều lần thất bại trong cuộc vận động trí thức Sài Gòn hợp tác, tháng 2 năm 1946, Cédille, Thống đốc Nam Kỳ, lập nên "Hội đồng tư vấn Nam Kỳ" gồm 12 người, có 8 người Việt (trong đó có đến 7 người mang quốc tịch Pháp) và bầu Nguyễn Văn Thinh làm Thủ tướng cái gọi là "Cộng hòa Nam Kỳ". Đến tháng 6 năm đó, chính phủ "Cộng hòa Nam Kỳ tự trị" do bác sĩ Nguyễn Văn Thinh làm Thủ tướng ra đời. Nhưng tới ngày 10.11, Nguyễn Văn Thinh treo cổ tự tử, Pháp đưa Lê Văn Hoạch lên thay. Từ ngày có bình phong là "Cộng hòa Nam Kỳ", Pháp thẳng tay đàn áp phong trào yêu nước và cách mạng. Hoàng Tấn, bạn thân thiết với Lý Văn Sâm, một người trong cuộc, đã kể lại thời đó:

Tình hình Sài Gòn lúc này vô cùng phức tạp. Sau khi Nguyễn Văn Thinh treo cổ tự tử, Pháp nặn ra Lê Văn Hoạch, Thủ tướng bù

nhìn thứ hai, với cái quái thai "Nam Kỳ quốc". Bên cạnh đó, các bè phái chống phá cách mạng ra sức hoạt động. Những kẻ bán nước cầu vinh núp dưới danh nghĩa các tôn giáo cũng ngóc đầu nổi dậy. Vùng ven thì nào Bình Xuyên, nào Đệ tam sư đoàn đang chờ cơ hội bắt tay với địch.

Theo lệnh của Thủ tướng bù nhìn Lê Văn Hoạch, một bọn lâu la đầu trâu mặt ngựa, tỏa đi khắp nơi, lùng những người Bắc để đánh đập, giam cầm và làm nhục. Giữa chợ Thái Bình, bốn năm thằng du thủ du thực vừa tóm lấy một thanh niên vừa quát: A, thằng Bắc kỳ đây rồi ? Mà có phải là thằng Bắc kỳ không ? Anh thanh niên chưa kịp trả lời thì bọn chúng đưa ra tờ giấy trên có ghi tên Tân Sơn Nhứt và bắt anh thanh niên đọc. Không phải người miền Nam, anh nọ đọc "Tân Sơn Nhất". Thế là cả bọn xúm vào vừa hô: Đả đảo Bắc kỳ xâm lược, vừa đấm vừa đá anh túi bụi và sau đó giải anh đi. Điều khôi hài là tất cả bọn bốn, năm tên đó lại là người bắc chính cống...

Lúc này bọn địch ngày càng nhúng tay sâu vào máu. Chúng không từ bỏ một tội ác nào, kể cả mổ bụng lấy gan nhắm rừu, chặt đầu người cầm đầu gây và dùng làm bóng đá. Sông Sài Gòn loang máu đỏ. Nhất là đoạn kinh Thị Nghè và bến đò Bình Quới Tây sang Thủ Đức. Xác của bọn địch đủ sắc màu bị ta trưng trị. Xác của những chiến sĩ cách mạng bị địch sát hại. Nhiều chiếc bao bố đựng xác đồng bào yêu nước bị địch theo danh từ lữ quỹ dữ "mò tôm". Giữa thanh thiên bạch nhật tại Sài Gòn, chúng muốn bắt ai thì bắt, giết ai thì giết.

Giữa đêm bọn mặt thám mã tà lùng sục từng nhà và bắt bất cứ ai chúng tình nghi là tham gia kháng chiến. Vây ráp thường xuyên xảy ra ở khắp nẻo đường mỗi sáng. Biết các chiến sĩ biệt động và cán bộ hoạt động nội thành thường lấy các khu lao động để hoạt động, bọn chúng đã man khủng bố những nơi này bằng cách cho tay chân đi đốt như Xóm Lá. Quần thể dân cư bị nạn đầu tiên là Khánh Hội, Vĩnh Hội, sau lan đến Bàn Cờ, Cầu Muối... Một nỗi kinh hoàng

khủng khiếp gieo vào lòng nhân dân lao động mỗi khi màn đêm sụp xuống. Những tiếng rú man rợ của đoàn xe cơ giới. Những tiếng đủ các loại súng ngắn, súng dài nổi lên, khi thì lẻ tẻ, khi thì liên hồi. sáng ra ngoài đường phố, trong các hẻm, người ta lại thấy dăm ba xác chết của những người không may là nạn nhân của giặc. Đêm nào cũng có cháy, không nơi này thì nơi khác. Có đêm 12 đám cháy một lần...

Thực dân Pháp càng khủng bố thì phong trào đấu tranh của nhân dân Sài Gòn - Gia Định càng mạnh mẽ. Bên cạnh các hoạt động vũ trang vẫn diễn ra đây đó, nổi lên là các cuộc biểu tình, đình công và mặt trận văn nghệ, báo chí công khai. Đến ngày 10 tháng 10 năm 1946 thì tổ chức "Báo chí thống nhất" chính thức được thành lập, tập hợp đông đảo các tờ báo và văn nghệ sĩ, báo chí đấu tranh đòi thống nhất đất nước, đòi dân sinh, dân chủ. Thực dân Pháp và chính quyền tay sai để ra vài tờ báo phản động như: *Phục Hưng, Tiếng Loa, Tiếng Gọi, Quốc Hồn, Quần Chúng* thì báo chí Thống Nhất là cả một rừng, từ: *Tin Điện, Tân Việt, Nam Kỳ, Việt Bút, Justise, Sud, Trung Lập, Dư Luận, Lên Đảng, Dân Quyền, Dân Thanh, Ánh Sáng, Thời Báo, Tân Sanh, Sài Gòn Mới, Lendemains, Độc Lập, Văn Hóa đến Nay Mai, Ngày Mai, Quốc Hồn, Lẽ Sống, Sự Thật, Tân Dân, Tân Tiến, Điện Báo, Việt Nam, Sanh Hoạt, Đoàn Kết, Tiếng Chuông rồi Thần Chung, Thi Văn Hiện Đại, Công Lý, Thế Giới v.v..* Phong trào báo chí Thống Nhất có đủ các loại báo, nhật báo, tuần báo, nguyệt san, tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Pháp, Hoa văn. Ngay cả số lượng phát hành cũng áp đảo. Trong khi tổng phát hành của 2 tờ nhật báo phản động *Phục Hưng* và *Tiếng Gọi* chỉ 4.000 tờ thì 4 nhật báo quan trọng hàng đầu của phong trào (*Tin Điện, Nam Kỳ, Kiến Thiết, Tân Việt*) là 58.000 tờ. Hoặc tờ tuần báo phản động *Bình Dân* chỉ 1.500 tờ/kỳ trong khi các tờ *Việt Bút* và *Justice* là 25.000 tờ/kỳ.

Báo càng bán chạy thì các nhà văn, nhà báo hoạt động lại càng khó khăn. Không ít nhà báo, nhà văn đã bị bắt giam, thậm chí

bị giết, nhiều tờ báo bị đình bản, bị đóng cửa.

Lý Văn Sâm đã gia nhập làng văn, làng báo Sài Gòn trong bối cảnh bộn bề và phức tạp ấy.

Xuống Sài Gòn, Lý Văn Sâm tìm đến báo *Việt Bút*, tờ báo anh đã đăng khá nhiều sáng tác khi còn ở Biên Hòa. Chủ báo *Việt Bút* lúc bấy giờ là Nguyễn Kim Bắc, có bút hiệu Trường Hận. Lý Văn Sâm đến, xưng tên tuổi và xin làm ở báo. Nguyễn Kim Bắc bàn với vợ là bà H., rồi nói:

- Anh khỏi phải đi đâu, cứ ở luôn đây. Tôi sẽ lo *carte* (giấy nhà báo) cho anh...

Lý Văn Sâm cùng lúc viết cho nhiều tờ báo: *Việt Bút*, *Văn Hóa* (của Dương Tử Giang), *Tiếng Chuông* (của Đinh Văn Khai), *Lẽ Sống* (của Ngô Công Minh)...

Làm báo *Việt Bút* ít lâu, Lý Văn Sâm trở thành người nhà của ông Nguyễn Kim Bắc và thành viên của ban biên tập. Thấy nhà báo Việt Quang cũng đang ở tình trạng không nhà như mình khi trước, anh bàn với Nguyễn Kim Bắc cho tá túc luôn. Vợ chồng ông Bắc đồng ý ngay, dù nhà họ không sang giàu gì. Được ít lâu, xảy ra vụ tư tình giữa bà H. và Việt Quang, ông Nguyễn Kim Bắc "mời" Việt Quang đi nơi khác. Nhưng buồn cho ông chủ báo *Việt Bút* là sau đó bà vợ ông cũng bỏ nhà theo người tình luôn. Lý Văn Sâm vẫn tiếp tục ở nhà ông Bắc một thời gian nữa.

Dạo này, bạn bè văn chương, báo chí của Lý Văn Sâm khá đông, từ Dương Tử Giang, Hoàng Tấn, Tam Ích, Thiên Giang, Trúc Khanh đến Nam Quốc Cang, Triệu Công Minh, Vũ Tùng, Thẩm Thệ Hà, Mai Văn Bộ, Quốc Ấn, Đỗ Thiếu Lăng... Tất cả đều hăng hái viết lách và cùng tiếng nói phản kháng chế độ thực dân - tay sai, đòi độc lập, thống nhất, dù phải ở nhờ, ở tạm, lo trốn tránh mật thám, mã tà. Trong hoàn cảnh khó khăn, các nhà văn, nhà báo càng yêu thương, đùm bọc nhau.

Một trong những người bạn thuở ấu của Lý Văn Sâm là Hoàng Tấn. Thi sĩ họ Hoàng sinh năm 1920 ở Hà Nội. Trước năm 1945, Hoàng Tấn đã xông pha nơi trường văn trận bút, kết bạn với Nguyễn Bính, Thâm Tâm, Trần Huyền Trân. Anh đã từng vào ra Sài Gòn mấy bận và ở lại đất phương Nam khi nhân dân vùng này cướp chính quyền rồi tiến hành kháng chiến. Giữa năm 1946, họ Hoàng đang ở Thủ Dầu Một thì được phân công trở lại Sài Gòn hoạt động hợp pháp. Khi anh về lại Sài Gòn thì nhà cửa đã mất sạch, bèn tìm về nhà của Trúc Khanh ở Xóm Lá, Trường Đua Phú Thọ. Hoàng Tấn hằng hái tham gia phong trào báo chí Thống Nhất, kết bạn với Dương Tử Giang, Vũ Tùng, Việt Quang... Một hôm, Trúc Khanh và Hoàng Tấn rủ nhau đến *Việt Bút* để xem Nguyễn Kim Bắc có "com-măng" gì không. Chính tại tòa soạn của tờ báo này, Hoàng Tấn đã gặp rồi quen thân với Lý Văn Sâm. Khi nhà Trúc Khanh bị Tây đốt cháy, cả gia đình chỉ kịp bỏ cửa chạy lấy người. Trúc Khanh đành về nương náu nhà cụ thân sinh. Còn Hoàng Tấn lại bơ vơ. Gặp lúc Nhà xuất bản Nam Việt của Đinh Xuân Hòa in cho một loạt *sách bạn trẻ*, như *Vụ đói năm Ất Dậu*, *Mẹ cũng chết vì Tổ quốc*, *Vụ lụt năm Kỷ Mão*, *Vụ bão năm Canh Thìn* v.v., Hoàng Tấn bèn sang căn hộ nhỏ ở Ngã tư Bình Hòa. Đây là căn hộ nằm sâu trong dọc lối đi khúc khuỷu nhìn ra đường xe điện chạy Gò Vấp - Hóc Môn, Thủ Dầu Một. Nhà lợp ngói, vách gỗ, năm căn chạy dài. Một mình ở căn hộ đó thì quá rộng, Hoàng Tấn rủ Lý Văn Sâm về ở chung. "Họ Lý cười ngỏn nghễn, chấp nhận ngay: Mình đang thiếu một mái nhà, thiếu một ngọn đèn!" Từ đó, hai nhà văn nghèo thêm gắn bó. Điều lạ là cả hai viết càng lúc càng sung sức. Hai anh không chỉ chia ngọt sẻ bùi trong cuộc sống đời thường mà còn bàn bạc, thảo luận với nhau từng tác phẩm định viết. Nhiều tác phẩm Lý Văn Sâm thường có lời đề từ trích từ thơ Hoàng Tấn. Ngay như cuốn sách đầu tiên của Lý Văn Sâm được Nhà xuất bản Nam Việt in vào đầu năm 1948, *Mười lăm năm hận sử*, Hoàng Tấn là người viết bài Tựa với lời lẽ thật nồng nàn:

Với lối văn riêng biệt, niềm kín bao la một ý niệm tranh đấu - tranh đấu ngay trong thời kỳ lệ thuộc - đài văn học Việt Nam hẳn đã dành cho ông một chỗ ngồi xứng đáng.

Ngược lại, họ Lý đã gợi ý Hoàng Tấn nhiều đề tài. Chẳng hạn cuốn truyện vừa *Bên kia phòng tuyến Pháp...* Hoàng Tấn đã viết sau khi Lý Văn Sâm trao cho anh một tập truyện ngắn của Guyde Maupassant và bảo cậu hãy viết một truyện tương tự.

Điều hẳn nhiên là cuộc sống hai chàng văn sĩ nghèo đang dần thân vào con đường tranh đấu không chỉ có niềm vui sáng tác. Khu vực các anh ở lúc này còn nguy hiểm hơn Xóm Lá, bởi đây là địa bàn hoạt động của những người kháng chiến, quân Pháp và tay sai thường xuyên bố ráp, rình mò. Mỗi sáng, chúng lừa tất cả thanh niên trong xóm ra Ngã Tư rồi cho một tên mật thám hoặc phản bội trùm trong bao bố có khoét lỗ hồng nhìn ra. Hễ bao bố gạt đầu người nào thì chúng bắt người đó. May mà các anh rất được dân thương. Dãy phố Lý Văn Sâm và Hoàng Tấn ở gần năm căn trông ra đường Hàng Tỉnh (nay là đường Lê Quang Định), căn nào cũng có cổng sau lưng vào một dãy phố khác nhiều căn hơn. Mỗi sáng giặc ruồng, các cụ bà thường chặn ở đầu chúng vào và cứ theo ám hiệu của các cụ, hễ chúng xét căn này, các anh luồn sang căn khác.

Một buổi tối, sau khi ăn cơm xong, Lý Văn Sâm vui vẻ mặt buồn rầu cho Hoàng Tấn hay chiều nay đến tòa soạn *Việt Bút*, nhận được thư nhà. Vợ anh báo tin, lúc này ở quê bọn tề o ép quá, mong anh sớm tìm cách giải quyết. Nghe Sâm kể, Tấn sốt sắng:

- Thì ông cứ cho bà ấy và cháu lên đây cùng chung sống, thêm vui cửa vui nhà có sao. Vả lại, nhà có đàn bà con nít, hình thành một gia đình, đỡ bị chúng dòm ngó.

Tuần sau, vợ và con gái Lý Văn Sâm khăn gói từ Biên Hòa xuống Sài Gòn ở chung với chồng. Hoàn cảnh khó khăn chồng chất, nhưng chính giai đoạn này Lý Văn Sâm viết được nhiều tác phẩm gây được tiếng vang trong lòng độc giả. Truyện Lý Văn Sâm gần gũi

với cuộc sống thực ở thị thành như đoạn đầu của một trường ca của Hoàng Tấn mà anh đã lấy làm đề từ cho cuốn tiểu thuyết *Cỏ mọc hoa hèn*:

*Ở đây cỏ mọc hoa hèn
Cỏ tràn ngô hẹp, hoa chen lối lành
Đùng mớ một mái đoản đình
Chẳng ai say rượu lâm hành ở đây
Lấy đâu men để mà say?
Lấy đâu quế để hồng cay cuộc đời.*

Năm 1988, Hoàng Tấn nhớ lại những ngày gian khổ ấy vẫn không hết bài ngùi: *Trong góc một khu vực chỉ ổn ã khi có những chuyến xe điện ngược chiều ấy, chúng tôi đã sống những ngày thiếu cơm thiếu áo, thật vừa lãng mạn, vừa sôi động...*

Lý Văn Sâm và Hoàng Tấn ở chung với nhau tại Ngã Tư Bình Hòa cho đến cuối năm 1948 thì Hoàng Tấn có lệnh trở về chiến khu Đ. Hôm chia tay, tại bến xe, có Trúc Khanh, cả vợ chồng Hoàng Tố Nguyên. Gia đình Lý Văn Sâm đông nhất, có cả Tuyết Mai (Lý Thị Châu) và Lý Văn Mô. Các anh hẹn với nhau thế nào rồi cũng gặp lại ở chiến khu, nhưng trải qua bao biến cố, gần ba mươi năm sau, ngày hòa bình, hai người bạn thân mới có dịp ngồi nhắc lại chuyện xưa.

Một người bạn văn thân thiết khác của Lý Văn Sâm thời kỳ gian khó này là Dương Tử Giang.

Dương Tử Giang là bút danh của Nguyễn Tấn Sĩ, sinh ngày 15.3.1915, tại Nhơn Thạnh, Bến Tre. Trước năm 1945, Dương Tử Giang đã dứt khoát rời bỏ ghế công chức Sở quan thuế về Sài Gòn để dấn thân vào làng văn, làng báo. Với nhiều bút danh khác nhau, Dương Tử Giang cộng tác với báo *Thanh Niên* (Huỳnh Tấn Phát chủ biên), *Tri Tân* (Hà Nội), rồi *Thanh Niên Mới* (Hoàng Phố làm Chủ nhiệm), *Ngày Mai* (Trúc Khanh)...Sau khi kháng chiến chống Pháp bùng nổ, Dương Tử Giang vừa cộng tác với nhiều tờ báo trong phong

trào báo chí Thống Nhút, vừa tự mình đứng ra làm chủ nhiệm, kiêm chủ bút nhiều tờ báo khác như: *Văn Hóa, Văn Nghệ, Em...* Dương Tử Giang tả xung hữu đột ở làng văn, làng báo Sài Gòn khiến nhiều anh em coi anh là "Triệu Tử Long".

Biết danh tiếng nhau từ lâu nhưng tới giữa năm 1947, Lý Văn Sâm mới có dịp tay bắt mặt mừng Dương Tử Giang. Bởi hồi này, báo *Văn Hóa* của Dương Tử Giang và báo *Việt Bút* của Nguyễn Kim Bắc, nơi Lý Văn Sâm vừa ở trong ban biên tập vừa làm "thầy cò", in chung Nhà in Thành Mậu của ông Nguyễn Kim Kỳ ở Gia Định. Giữa nhóm anh em thợ nhà in, nhà văn Tam Ích giới thiệu:

- Đây là anh Dương Tử Giang, còn đây là anh Lý Văn Sâm.

Thế là hai anh quen nhau. Dương Tử Giang bắt tay cười với anh Sâm xong lại gò lưng phụ xếp báo với công nhân nhà in. Anh mặc quần xà lỏn rằn, lưng trần, mồ hôi nhễ nhại, mặt lem luốc mực in. Sau lưng Dương Tử Giang, một tay mặt thám bát Bà Chiêu đang rình. Sâm nghĩ tới cảnh *Hồng Môn hội yến* với một Phan Khoái trông có vẻ thô lỗ, cục mịch, song trung can, nghĩa khí, đang dùng mã tấu xắt thịt ăn ngấu nghiến trước cặp mắt nể sợ của Hạng Võ. Hôm đó, cả hai ở lại nhà in. Gần trưa, một bà cụ xách chiếc gà-men thức ăn đi vào, Dương Tử Giang giới thiệu: Má tôi. Anh nói ngắn gọn rồi mời Sâm cùng ăn cơm, uống cà phê đen và ăn chuối. Mẹ Sĩ nhìn Sâm bằng đôi mắt hom hem mà rất sáng. Người bạn nào của anh cũng đều được bà thương yêu như con trai của mình. Bà hỏi anh Sâm:

- Mà mấy tuổi, đôi bạn gì chưa?

Anh Sâm thưa, mẹ lại nói:

- Mà có nhiều chỗ giống thằng Sĩ quá!

Mẹ nói giống đây không phải là hình dáng, mặt mũi, vì anh Sĩ cao to hơn anh Sâm nhiều. Giống nhau là ở chỗ cả hai "cùng thơ, lại cùng nghèo" như một câu thơ Nguyễn Bính đã viết và cùng chí hướng nữa.

Phong trào báo chí Thống Nhứt ngày một phát triển mạnh mẽ, bên cạnh việc ra đời của nhiều tổ chức văn hóa, báo chí như Liên đoàn văn hóa cứu quốc Nam Bộ, Hội nhân quyền, Nhóm nghiên cứu văn hóa Mácxít, Nghiệp đoàn ký giả chuyên nghiệp Nam Bộ... Báo chí tìm cách đăng tin tức kháng chiến, mĩ mai, đả phá các trò chính trị của Pháp. Ngược lại, thực dân Pháp và chính quyền lỏng lẻo, tìm đủ mọi cách bóp nghẹt báo chí. Lấy cớ báo chí thông tin vụ đoàn công xa của "chánh phủ Lê Văn Hoạch" bị phục kích và thiệt hại nặng ở Trung Lương (Mỹ Tho), làm chết Tổng trưởng báo chí Tạ Minh Long và nhiều quan quân Pháp, nhà cầm quyền Sài Gòn ra lệnh đóng cửa một loạt 17 tờ báo thuộc phe Thống Nhứt. Lý Văn Sâm và Dương Tử Giang xoay sang viết tiểu thuyết. Nhưng chẳng bao sau, Lý Văn Sâm bị bắt giam vào khám lớn vì tờ *Cộng Đồng* do anh làm quản lý đăng tin chiến sự Việt Minh. Trong khám, cùng với nhiều đồng bào và chiến sĩ yêu nước, Lý Văn Sâm đã tham gia cuộc tuyệt thực kéo dài 9 ngày để chống chế độ khắc nghiệt của bọn cai ngục khiến chúng phải nhượng bộ.

Lý Văn Sâm được ra khám ít lâu thì đến lượt Dương Tử Giang bị bắt giam vào tù ba tháng vì đăng trên tờ *Văn hóa* bài *Quyền tối thượng của nhà văn*. Bài báo thóa mạ quân viễn chinh xâm lược Pháp vì thế bọn sảng-đá nhân cơ hội đó đón đường hành hung, cướp luôn cả tiền bạc và đồng hồ đeo tay của anh.

Mùa xuân năm Kỷ Sửu (1949), nhiều tờ báo đồng loạt loan tin chào mừng Dương Tử Giang mãn hạn tù. Vừa ra khỏi khám lớn, anh Giang khoe với Sâm:

- Tao có một tuồng hát bội mới làm, ngon lắm!

Dương Tử Giang tháo cuộn giấy tròn chi chít chữ viết chì, giấu từ trong khám đem ra ngoài. Hai anh chụm đầu bên một ngọn đèn. Sĩ nói:

- *Chuồng báo*, không một trụ nào khỏi bị tao điểm danh. Mà coi còn sót ai không?

Thì ra, vở *Chuồng báo* nói lên sự say mê tiếng tăm của những cây đa, cây đề, trong làng báo Sài Gòn, cứ lo vỗ ngực xưng tên, chèn ép, hất cẳng hại ngấm lẫn nhau, chẳng khác gì loài hổ báo trong chuồng, không hay biết chính mình cũng bị giam nhốt. Trong vở này, các ông, các bà chủ báo bị Dương Tử Giang châm biếm dữ dội. Khi đăng ở phần phụ trương trên tờ *Điện Báo* do Dương Tử Giang chủ trương, *Chuồng báo* gây một chấn động mạnh trong làng báo. Ngay như bà B.T. ức lắm mà cũng đành chếp miệng, khen anh Giang táo bạo và là một ngòi bút có duyên. Còn mấy tay "cặp-răng" mỗi khi gặp anh hay ghẹo:

- Thầy Hai viết hay giết báo vậy, thầy Hai?

Câu đùa ấy có một phần sự thật bởi vì tờ báo nào qua tay Dương Tử Giang lâu lắm là được mười số rồi bị đóng cửa, bởi anh nói toàn chuyện hóc búa, không lấy gì làm hài lòng "giới nhà nước". Đời làm báo của Dương Tử Giang nợ nần chồng chất, mẹ anh phải hốt hụi non để có tiền in cho con. Chị Giang cầm quần, bán áo đi chợ hàng ngày. Cũng như Sâm, anh Giang thường thức sáng đêm để viết tiểu thuyết kiếm tiền trong căn phố chật hẹp gần chùa Phật Ấn, bên tai là tiếng khóc ồn ào của trẻ con...Bữa nọ, Dương Tử Giang đến nhà trọ của Lý Văn Sâm và Hoàng Tấn, gặp cả Việt Quang và Trúc Khanh cũng đang ở đó. Anh báo một tin không vui:

- Mình phá sản thêm lần nữa. Chưa trang trải xong tiền nợ chủ nhà in và anh em công nhân. À, mà từ sáng đến giờ mình đã có hạt cơm nào trong bụng đâu, vậy "tam vị anh hùng" hãy vì kẻ Sĩ này khao châu phở cà phê được chăng?

Lý Văn Sâm là "chủ" bữa tiệc hôm đó. Câu chuyện đời thường của các văn nghệ sĩ này chính là nguồn cảm hứng để Lý Văn Sâm viết vở kịch ngắn *Đi chợ Tết*.

*
* *

Giữa năm 1947, Lý Văn Sâm có cuộc gặp mừng đến ứa nước mắt. Đó là lần tri ngộ giữa anh và "Thầy Tư" Trần Hữu Trang. Hồi này, anh làm báo *Việt Bút*. Còn anh Tư hồi đầu cuộc kháng chiến làm chủ tịch xã nhà. Sau đó, do yêu cầu công tác, tổ chức phân công anh trở về Sài Gòn hoạt động trong Mặt trận Liên Việt Thành, chuyên lo việc vận động và tập hợp lực lượng trong giới nghệ sĩ sân khấu. Chính anh Tư là người chủ động đến báo *Việt Bút* tìm Lý Văn Sâm, bởi khi đó anh vừa mới trốn khỏi Biên Hòa, chưa dám đi lại nhiều ở Sài Gòn. Khi đó, anh Tư đang là Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Ái hữu và là "chính ủy" của đoàn cải lương *Con Tằm*. Nhiều đêm, Lý Văn Sâm theo Trần Hữu Trang đến các rạp xem biểu diễn tuồng. Có hôm, anh Sâm theo anh Tư đi coi đêm Đại hội cải lương gồm toàn những nghệ sĩ quen biết của khán giả Sài Gòn và Lục tỉnh như: Ba Vân, Năm Châu, Việt Hùng, Văn Chung, Phùng Há, Hai Nử, Thanh Hương. Đêm đó là vở diễn *Đời cô Lựu*. Anh Tư là soạn giả và đã xem không biết bao nhiêu lần nhưng tới màn chót, khi Minh Luân đâm chết Hội đồng Thăng thì khán giả vỗ tay gần bể rạp. Lý Văn Sâm ngồi kế bên Trần Hữu Trang ở hàng ghế đầu. Lúc ấy, anh thấy Trần Hữu Trang cúi mặt giấu những giọt nước mắt.

Trần Hữu Trang thường khuyến khích Lý Văn Sâm viết kịch. Viết và đăng báo xong, anh Tư kiếm chỗ cho kịch bản của Lý Văn Sâm được cơ hội chào khán giả. Hai vở *Vàng* và *Sâu lệnh* lên sân khấu chính là nhờ có bàn tay của Trần Hữu Trang.

Cũng nhờ Trần Hữu Trang, các vở kịch của Lý Văn Sâm thường được diễn ở rạp Nguyễn Văn Hảo, rạp hát lớn nhất tại Sài Gòn. Mỗi khi tác phẩm được lên sân khấu, Lý Văn Sâm có cảm tưởng văn chương của mình đến gần với công chúng, nhất là những người dân nội thành đang mong ngóng ngày thống nhất. Riêng vở *Sâu lệnh* mô tả một tổ chiến đấu theo lệnh cấp trên. Đúng giờ G, ngày N, cuộc tấn công bắt đầu. Nhưng tới giờ chót có "sâu lệnh" (lệnh ban ra rồi rút lại, thay bằng lệnh mới). Do ở xa, tổ chiến đấu vẫn cứ theo lệnh cũ

mà thi hành. Tuy có trắc trở, nhưng người của "đảng" đã phải tới kịp để không xảy ra hậu quả gì lớn. Mặc dù được gói ghém trong câu chuyện tình duyên song ý đồ tuyên truyền cho kháng chiến vẫn rất dễ lộ ra. Bởi vậy, nhạc sĩ Lê Thương đã dày công cải biên *Sầu lạnh* thành vũ kịch, có múa, có ca.

Sau khi xem vở *Sầu lạnh* về, Lý Văn Sâm bảo Hoàng Tấn:

- Văn nghệ là phải hiện thực. Nếu viết xa rời thực tế quá thật không ổn, nhà xuất bản họ không chịu in, độc giả cũng không ai đọc. Mình đang thử nghiệm phản ánh hiện thực trong chuyện vừa mới hình thành trong đầu, nhưng nghĩ lại thấy khó quá, dù vậy cũng phải ráng. Dự kiến truyện đó phản ánh đúng thực trạng của người bạn tôi hai năm trước và sẽ lấy tên là *Nắng bên kia làng*.

Ít lâu sau, ý định của Lý Văn Sâm đã thành hiện thực. Trên các báo Thống Nhất hồi đó, một loạt truyện ngắn: *Ngoài mưa lạnh*, *Ngàn sau sông Dịch*, *Thêm một ngọn đèn*, *Một cốt truyện mới*, *Nắng bên kia làng*, *Rửa hờn...* của anh được đăng tải. Người đương thời đọc thấy đây chính là những chuyện đang xảy ra ở chung quanh mình, thậm chí của chính mình, ngay trong vòng kiểm tỏa của chính quyền thực dân - tay sai. Các tác phẩm mới không lâu sau đó được Nhà xuất bản *Sống Chung* hay *Nam Việt* in thành tập truyện, dày độ một trăm năm mươi trang.

Tuy cùng sống và sáng tác nhưng không phải bất cứ bạn văn nào cũng biết "chuyện kín" của Lý Văn Sâm thời kỳ này. Lúc anh về Sài Gòn chưa bao lâu thì một hôm có anh Nguyễn Văn Thơm (thường mang tên khác là Trần Danh Tuyên), người của Công an Sài Gòn - Gia Định đến móc nối. Từ đó, Lý Văn Sâm trở thành cán bộ điệp báo ngay trong lòng địch. Nhờ quan hệ rộng và có danh tiếng trong làng văn, làng báo Sài Gòn, Lý Văn Sâm đã khéo léo khai thác được nhiều thông tin quý giá cho kháng chiến, nhất là những thông tin về các "nhân vật" trí thức phản động đang muốn ngoi lên làm chính khách "quốc gia".

Từ cuối năm 1949, tình hình chính trị vùng Sài Gòn - Gia Định - Chợ Lớn ngày một phức tạp. Ngày 8.3.1949, Tổng thống Pháp đã ký Hiệp ước Elysée với Bảo Đại và ráo riết đưa ông ta về nước. 19.4, chúng tôi tổ chức khai mạc Hội nghị Nam Kỳ và tới ngày 1.7 năm đó đã đề ra chính phủ bù nhìn mới Nam phần Việt Nam do Bảo Đại làm Quốc trưởng, Nguyễn Văn Xuân làm Thủ tướng. Mặt khác, đế quốc Mỹ bộc lộ rõ mưu đồ can thiệp vào chiến trường Việt Nam, khi ngày 17.3.1950, phái hai tàu chiến Sticken và Anderson cập cảng Sài Gòn. Tình hình đó đã khiến cho hàng trăm ngàn đồng bào Sài Gòn biểu tình, phản đối. Kết hợp với cuộc đấu tranh công khai, lực lượng vũ trang Việt Minh đã tiến hành hàng loạt các vụ tấn công trong và ngoài nội thành. Hệ thống tháp canh De Latour dọc các tuyến Quốc lộ 1 Sài Gòn - Biên Hòa, Quốc lộ 15 Sài Gòn - Vũng Tàu bị lực lượng vũ trang Khu 7 đánh phá bằng mìn FT. Tại Sài Gòn, kho cầu Ông Lãnh bị đốt, lửa cháy suốt đêm đến sáng. Những tổ trinh sát của Công an đã vào tận hang ổ để giết tên Bazin, trùm mật thám Đông Dương; giết tên chủ bút tờ báo tiếng Pháp phản động De La Chevrotière khi y trên đường từ tòa soạn trở về... Chính quyền tay sai lập tức phản ứng bằng cách khủng bố, bắt bớ hàng loạt cán bộ lãnh đạo, cơ sở cách mạng, các nhân sĩ trí thức thân kháng chiến. Những nhà tù khảm lớn Sài Gòn, Chí Hòa, Hạnh Thông Tây, Thủ Đức... chật ních chính trị phạm. Trước nguy cơ bị lộ và có thể bị bắt lần nữa, tháng 5.1950, tổ chức đã rút Lý Văn Sâm ra chiến khu.

*
* *

Để gia đình, gồm vợ, con gái và cô em út, ở lại Ngã Tư Bình Hòa, Lý Văn Sâm vào chiến khu, nhưng thực ra là vùng ven Sài Gòn. Thời gian này, do bị truy nã gắt gao, nhiều nhà văn, nhà báo như Mai Văn Bộ, Vũ Tùng, Triệu Công Minh, Hoàng Tố Nguyên... cũng đã được chuyển vào bưng biển. Hoàng Tấn đã về chiến khu Đ trước đó.

Còn Dương Tử Giang thì trở ra cùng một lượt với Lý Văn Sâm, nhưng lại về hướng miền Tây.

Nơi Lý Văn Sâm hoạt động là Phòng công an Sài Gòn - Chợ Lớn. Bởi lúc này có sự sắp xếp về tổ chức, Ty công an đã đổi tên thành Phòng công an Sài Gòn - Chợ Lớn; Phòng điệp báo chuyển thành Ban điệp báo, do Trần Kim Lang là Trưởng ban. Đến cuối năm 1952, thi hành chủ trương củng cố, kiện toàn tổ chức, giản chỉnh bộ máy Sở công an Nam Bộ và Phân sở công an phân liên khu miền Đông, hai bộ phận của Sở công an Nam Bộ (Phân sở Phân liên khu miền Đông và Sài Gòn - Chợ Lớn) sáp nhập lại, lấy tên là Ban sưu tập 1, do Tạ Quang Hảo (tức Ngô Văn Khát, Tám Khát), một cán bộ chủ chốt của Công an tỉnh Thủ Biên làm Trưởng ban. Lý Văn Sâm trở thành cán bộ của Ban sưu tập 1 (Phân sở Công an miền Đông Nam Bộ).

Toàn bộ quá trình hoạt động của Lý Văn Sâm trong suốt thời gian dài ở ngành Công an trước và sau năm 1954 đến nay vẫn ít người biết đến. Đương thời, Lý Văn Sâm cũng chẳng mấy khi nhắc tới, ngoài đôi dòng sơ lược trong các bản Sơ yếu lý lịch. Chúng tôi có tìm thấy trong cuốn *Lịch sử Công an nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh* (in ronéo, 2 tập, năm 1993) nhiều đoạn nói về hoạt động của Ban sưu tập 1, đơn vị mà Lý Văn Sâm là "cán bộ nghiên cứu", thậm chí ghi rõ tên Lý Văn Sâm:

Số cán bộ điệp báo và có khả năng làm công tác điệp báo của Công an Sài Gòn - Chợ Lớn sát nhập vào Ban sưu tập 1 gồm có: Anh Thanh, Lý Văn Sâm, Nguyễn Văn Thơm (Năm Thơm), Trần Hưng Nghiệp (Ba Hiếu), Nguyễn Văn Châu (Ba Thái), Minh Tường, Tư Rô; về sau có thêm các anh Lê Văn Khánh (Sáu Bé) và vợ; chị Dung; từ năm 1954 thêm anh Nguyễn Lập Việt (tức ba Hoài), vợ chồng anh Tám Cỏ...

*(Lịch sử Công an Thành phố Hồ Chí Minh,
Tập 1 (1945-1954), tr.71).*

Tuy nhiên, cuốn sách này lưu ý, vì tính chất đặc thù của công tác điệp báo, nên không thể nói hết và nói rõ nhiều chi tiết, mặc dù "Phải ghi ơn sâu sắc những người lập những chiến công âm thầm ấy".

Xa thành phố nhưng vì nhiệm vụ và cũng vì tình cảm gắn bó với bao bạn bè, đồng chí còn đang ở lại, Lý Văn Sâm vẫn thường xuyên theo dõi tin tức Sài Gòn. Người anh quan tâm hơn cả là Trần Hữu Trang. Anh vui vì biết "thầy Tư" vẫn "giữ vững ngọn cờ soái trên trận địa sân khấu và là trung tâm đoàn kết của giới". Lúc này anh Tư đã xây dựng được một đoàn hát mới, đoàn Phước Chung. Đoàn này bằng hiệu nhỏ nhưng cung cách tổ chức hoàn toàn khác, lấy chủ nghĩa tập thể làm nguyên tắc sống và hành nghề như có lần Trần Hữu Trang đã trả lời phỏng vấn của ông giám đốc báo *Mới*, Phạm Văn Tươi: *Chúng tôi bỏ lối đề cao cá nhân cũ kỹ trước kia, vì sân khấu là một nơi làm việc tập thể...*

Năm 1954 là năm cuối của cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp xâm lược Việt Nam lần thứ hai. Sau tết Quý Ty (1953-1954) không lâu, vừa dứt cơn sốt nhẹ, buổi chiều trời mát dịu, Lý Văn Sâm ra ngồi câu cá giải khuây bên bờ sông Vàm Cỏ Tây. Gần chỗ anh ngồi có một quán cà phê núp dưới bóng cây ô môi. Màu đỏ của hoa ô môi nổi bật trên màu xanh của lá. Bỗng anh nghe có tiếng máy bay gầm rú ở xa. Cùng lúc ấy, Lý Văn Sâm chợt thấy chiếc xuống ba lá hai chèo đang vội vã đâm ngay vào ngọn xẻo tắc, gần quán ô môi. Người ngồi đầu xuống, anh nhìn rất rõ, không ai khác chính là Huỳnh Tấn Phát. Sau lưng anh Phát là hai người đàn ông và một phụ nữ. Cả ba đều che kín nửa mặt. Anh Sâm vội đứng thẳng lên, nhưng lại phải ngồi xuống ngay vì máy bay đã sà tới.

Cặp mắt của một trong hai người đàn ông lạ che mặt ngồi trên xuống hình như đang mở thật to để nhìn Lý Văn Sâm cho rõ. Anh mừng rỡ kêu lên:

- Anh Tư!

Người đàn ông đó vội cúi mặt xuống, rồi như chẳng đếm xỉa gì tới anh nữa cho tới khi máy bay qua khỏi và chiếc xuồng hối hả tách bến. Anh Sâm chỉ thấy mỗi anh Huỳnh Tấn Phát vẫy tay, mỉm cười. Lòng Sâm buồn bã. Mặt sông nặng trĩu bóng cây màu chì. Tự dưng anh nhớ tới lớp cô Lan chôn xác bướm trong vỏ cải lương Lan và Điệp của Trần Hữu Trang:

Ôi, cánh hoa rụng tả tơi vì gió đập

Xác bướm khô ôm ấp bởi tình lang!

Nhìn hoa lan mà ruột quặn trăm chiều

Trông hồ điệp, lệ giòng tuôn mấy lượt.

Anh Tư đã "cắt đứt tơ lòng" với anh Sâm như cô Lan kia đã làm với Điệp hay vì nguyên tắc kỷ luật của tổ chức trong chiến tranh? Câu hỏi ấy cứ khiến Sâm băn khoăn mãi. Khi vào thành, sau hiệp định Genève, Lý Văn Sâm nhắc lại với Trần Hữu Trang. Anh Tư cười mỉm rất đáng yêu, thay cho lời giải thích.

Trước ngày Hiệp định Genève được ký kết, Lý Văn Sâm thường ở vùng Đức Hòa (Long An). Đây là vùng căn cứ kháng chiến ở ngoại vi Sài Gòn. Lúc này, Đức Hòa thuộc tỉnh Chợ Lớn, tiếp giáp với huyện Củ Chi, phía đông là huyện Hóc Môn và Bình Chánh, phía nam giáp huyện Bến Lức, tây giáp với sông Vàm Cỏ Đông nằm ngăn cách huyện Đức Huệ. Cuối năm 1953, địch đã mở nhiều trận càn lớn vào Đức Hòa nhưng bị lực lượng địa phương cùng với quân chủ lực của Phân liên khu miền Đông đánh bật. Chuẩn bị cho cuộc vào thành lần hai, Lý Văn Sâm cùng nhiều đồng chí khác dự các khóa học tập chính trị đặc biệt. Trong hội nghị cũng như sinh hoạt, một vấn đề thường được bàn bạc là làm cách nào để giữ tròn khí tiết nếu kẻ địch trả thù. Thời gian còn lại, Lý Văn Sâm ngồi ở một tiệm چاپ pho thuộс xã Mỹ Quới Tây, viết ba truyện vừa: *Vợ tôi - người dân tộc thiểu số*, *Nước lên* và *Một chuyện oan cừ*. Cuốn *Một chuyện oan cừ* đề cập vấn đề khí tiết của người kháng chiến khi phải đối mặt với

sự trả thù khốc liệt. Dĩ nhiên, Lý Văn Sâm đã khéo léo lồng chủ đề ấy vào một câu chuyện mang dáng dấp đường rừng, xảy ra hồi những năm bốn mươi ở vùng Võ Đông, Biên Hòa. Truyện vừa *Vợ tôi - người dân tộc thiểu số*, Lý Văn Sâm kể chuyện riêng của mình, thậm thoát đã trên mười năm. Còn *Nước lên lấy bối cảnh* trận lụt vùng Long An, Đồng Tháp vừa mới xảy ra, nhưng chủ đề phản ánh sức mạnh quật khởi của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Pháp, không ai có thể ngăn cản ngọn triều đang lên.

Viết xong ba truyện vừa, Lý Văn Sâm đưa cho anh em trong đơn vị đọc. Mọi người bảo anh, cứ cất đó, khi vào thành sẽ tìm cách in. Sau này, vào thành, Lý Văn Sâm đưa cho Nhà xuất bản *Năng Mới* (của Bảo Việt, tức Hương Nam). Ba truyện vừa đó đã có cuộc phiêu lưu kỳ lạ và mãi tới năm 1988 mới trở về với chủ của nó trong hình hài ban đầu là những tập vở học trò, giấy kẻ ô...

Hiệp định Genève được ký kết ngày 20 tháng 7 năm 1954. Lý Văn Sâm không theo đoàn cán bộ xuống tàu tập kết ra Bắc. Anh đi ngược về nội thành Sài Gòn theo sự phân công của tổ chức, bắt đầu những tháng ngày gian khổ và phức tạp mới mà chính anh cũng chưa thể hình dung hết...

*
* *

Sài Gòn sau Hiệp định Genève phức tạp không kém gì năm 1945 - 1946, lúc thực dân Pháp tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai. Việc chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu mới đã được chuẩn bị từ những ngày chúng ta chuyển quân tập kết như bàn bạc, phân công người ở lại, tổ chức các hình thức đấu tranh...Mười ngày sau khi hiệp định được ký, tổ chức "Phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn" được thành lập, đứng đầu là các nhà trí thức yêu nước: Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Giáo sư Phạm Huy Thông, Kỹ sư Lưu Văn Lang...Phong trào đã nhanh chóng lan ra 21 tỉnh Nam Bộ và

Huế. Hàng loạt cuộc biểu tình hoan hô hiệp định Genève, đòi tổng tuyển cử, thống nhất đất nước diễn ra. Tiểu ban Văn nghệ - Báo chí của Thành ủy Sài Gòn - Chợ Lớn đã cử gần 200 cán bộ về tăng cường lực lượng ở thành để đấu tranh chính trị công khai bằng tiếng hát, ngòi bút, đặt bên cạnh hai tổ chức vốn đã có sẵn từ trước: Nghiệp đoàn ký giả Nam Việt và Hội ái hữu ký giả Việt Nam.

Sự chuẩn bị của lực lượng kháng chiến quả không lằm. Trước ngày ký Hiệp định Genève, từ tháng 4 năm 1954, cơ quan MAAG (*Military Assistance Advisory Group* - Phái đoàn cố vấn viện trợ quân sự) do O' Daniel cầm đầu đã đến Sài Gòn. Tiếp đến, ngày 8 tháng 6, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm, một quan lại phong kiến từng làm tay sai cho Pháp, Nhật về Sài Gòn. Và, một tháng sau, ngày 7 tháng 7, Diệm đã lên làm "Thủ tướng" để đi đến thành lập "nước Việt Nam cộng hòa" với ý định vĩnh viễn chia cắt đất nước. Cùng lúc đó, những chiếc tàu há mồm từ miền Bắc hối hả đưa gần 900.000 người, đa số theo Công giáo, vào Nam. Trên một phần tư số dân di cư đó đã ở Sài Gòn. Rồi các cuộc đấu súng ngay trên đường phố Sài Gòn giữa Diệm với các giáo phái kinh chống lại. Khói lửa ngút trời từ Tân Sơn Nhất đến Xóm Củi, bao nhiêu tai vạ đổ xuống hết dân nghèo. Khắp nơi diễn ra các cuộc bắt bớ, khủng bố của chính quyền tay sai. Lần này, ác liệt và thủ đoạn gấp bội phần so với những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Suốt hai tháng 11 và 12 năm 1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đã mở phiên tòa xét xử "Phong trào bảo vệ hòa bình Sài Gòn - Chợ Lớn", bắt bớ, giam cầm hàng loạt các nhân sĩ trí thức, ký giả từ Nguyễn Hữu Thọ, Phạm Huy Thông, Nguyễn Văn Dưỡng đến Ái Lan, Hương Lan, Trần Thanh Thế, Nguyễn Văn Mai, Trần Ngọc Sơn...

Trở về Sài Gòn, Lý Văn Sâm là người không nhà. Anh gặp lại Dương Tử Giang cũng mới về từ miền Tây. Dương Tử Giang vẫn hăng hái như ngày nào, mượn ngay manchette tờ *Công Lý* do anh Nguyễn Sĩ Hồng làm chủ nhiệm để làm cơ quan ngôn luận cho nhóm

anh em kháng chiến cũ. Báo ra được tới số 3 thì bị tịch thu ngay tại nhà in. Dương Tử Giang làm tiếp tờ *Điện Báo* rồi *Tiểu thuyết thứ Năm*...Tờ báo này chết, anh Giang chạy cho có tờ khác để làm. Mẹ anh vẫn là người mượn tiền cho con ra báo.

Lý Văn Sâm viết nhiều báo, với nhiều bút danh khác nhau, khi thì *Đào Lê Nhân*, *Bách Thảo Sương*, *Người nghệ sĩ*, có lúc nguy trang bằng những tên: *Dương Phương Hiền*, *Lã Bất Vy*...

Bấy giờ, Lý Văn Sâm thường không có nơi ở cố định. Có lúc, anh ở nhà anh Năm Răng, đường Pasteur. Tại đây, anh gặp lại chị Lê Thị Trừ, vợ của "anh lớn" Nguyễn Văn Ký, Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa ngày trước. Chị Trừ cho biết, sau khi bị trúng bom của thực dân Pháp ở chiến khu Đ, anh Ký bị thương nặng. Tổ chức đã liên hệ bí mật đưa anh Ký về Sài Gòn, điều trị ở Nhà thương Nguyễn Văn Thỉnh (nay là Bệnh viện Phạm Ngọc Thạch), nhưng bệnh quá nặng, anh đã qua đời vào tháng 4 năm 1952. Những kỷ niệm của Lý Văn Sâm với anh Ký thời kỳ tiền khởi nghĩa và những năm đầu sau Cách mạng tháng Tám vẫn như mới hôm qua. Bây giờ, đã ba mươi ngoài, không còn trẻ người non dạ gì nữa, nhưng với anh Ký, anh Thuận, anh Đại...anh luôn là "cậu em nhỏ".

Ở nhà anh Năm Răng không lâu, Lý Văn Sâm phải "chạy" nơi khác vì sợ lộ. Những chỗ quen biết đến trú, anh đều xin một nơi kín đáo để ngồi viết. Dù biết anh đang sống bất hợp pháp, các chủ nhà vẫn lo bảo vệ. Lý Văn Sâm và các đồng chí cùng hoạt động hồi đó thường hẹn gặp nhau trao đổi tại tiệm phở KH.(theo nhà văn Thế Phong, đó là tiệm phở Kim Hồng, số nhà 150), nằm trên đường Hiền Vương (trước năm 1954 mang tên *Mayer*, nay là Võ Thị Sáu). Có lúc, Lý Văn Sâm viết truyện ngay trong tiệm bởi hồi đó tiệm phở có những ngăn riêng cho khách đến ăn. Ở tiệm phở KH. có một cô gái đẹp, tính tình tốt. Cô được mọi người, dĩ nhiên có cả anh Sâm, thương mến. Một hôm, đang ngồi viết, anh được cô HK. lại bảo nhỏ: "Trốn ngay. Đi lối này". Lý Văn Sâm giật mình, thoáng ngạc nhiên, bởi từ trước tới

nay giữa anh và cô HK. chưa chuyện trò gì nhiều, việc làm của anh càng bí mật hơn. Chẳng lẽ cô HK. nhìn người, đoán chừng ? Tuy vậy, anh Sâm vẫn vội vã theo cô ra cửa sau trốn thoát. Sau này, anh biết mật thám đã theo dõi mình đến tận tiệm phở KH. và định bắt. Anh thoát được là nhờ tình thương của quần chúng. Trở về thành phố sau năm 1975, Lý Văn Sâm có tìm tới tiệm phở KH. Tiệm phở vẫn còn, có cả một phụ nữ lớn tuổi, tóc điểm bạc. Lý Văn Sâm nhận ngay ra đó là cô HK. hơn hai mươi năm về trước. Bà ta không nhận ra Lý Văn Sâm dù nhiều lần nhà văn đến đây. Một lần, không kiềm lòng được, Lý Văn Sâm đã đến gặp, nhắc lại chuyện cũ và cảm ơn người đã từng giúp mình thoát hiểm ngày xưa. Bấy giờ, "cô" HK. mới nhớ ra...

Nhà của Trúc Khanh, Thẩm Thệ Hà, Anh Huy, Thầy Tư Bình Hòa...đó là tất cả những nơi Lý Văn Sâm thường trú ngụ.

Một hôm, Lý Văn Sâm đột ngột tìm đến nhà Bình Nguyên Lộc. Năm, bảy năm rồi hai anh mới gặp lại nhau. Bình Nguyên Lộc ôm chầm lấy Sâm, rơm rớm nước mắt. Rồi, suốt buổi chiều và buổi tối hôm ấy, hai anh em bồi hồi ôn lại những chuyện ấm lạnh. Các cháu gái, cháu trai nhà anh Tuấn (tên thật Bình Nguyên Lộc là Tô Văn Tuấn) cứ quần quýt, say mê nhìn người chú mới từ khu kháng chiến về. Anh Bình Nguyên Lộc mừng khi nhận ra Sâm khỏe mạnh và trẻ trung hơn xưa. Còn Lý Văn Sâm lại sung sướng bởi Bình Nguyên Lộc vẫn giữ nguyên cốt cách và tâm hồn của một nhà văn tiết tháo. Trên tường nhà anh vẫn treo bức tranh lụa thủ ấn họa của họa sĩ Tú Duyên với hình tượng người anh hùng bất khuất Trần Bình Trọng trong tư thế hiên ngang, dong dạc tuyên bố: "Thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc". Ở bàn viết, vẫn chậu sứ con cổ hữu với chùm lá xanh nõn, tượng trưng màu xanh thiêng liêng của đất nước và cái lối thanh khiết trong đời sống và sự nghiệp viết lách của anh Tuấn. Nhiều năm sau này, khi không gặp nhau, Lý Văn Sâm vẫn nhớ kỹ những hình ảnh triu mến đó và càng thấy thương Bình Nguyên Lộc. Anh vẫn ở đó, tại chỗ đứng mà mình lựa

chọn, cầm chắc ngòi bút và giữa bạo quyền, bạo lực, cố giữ cho lương tâm thiên về một hướng. Còn hôm nay, tại nhà anh Tuấn, Lý Văn Sâm bỗng nhiên nhớ tới bài thơ *Trời nổi phong yên* của Thẩm Thệ Hà viết năm 1947, trong đó có những câu:

*Từ buổi thành đô thất thủ rồi
Về đây buồn lắm bạn lòng ơi!
Đêm nằm nghe súng miền xa vọng
Mà ngỡ phong yên dậy khắp trời.*

Tiếng lòng của nhà thơ dường như muốn nói rằng: Dù phải sống trong cảnh đời đau thương, căm giận, lòng vẫn nhớ mong về một khung trời cao rộng, lo lắng băn khoăn về nỗi bom đạn giặc cứ làm cho khắp trời dậy gió và khói. Anh Sâm còn nghĩ xa hơn là "phong yên" kia do giặc Mỹ nhóm lên trên quê hương không những "dậy khắp trời" mà còn xoáy lốc vào tâm hồn của mỗi người cầm bút. Và, vấn đề là làm sao để dập tắt cơn lốc đang xoáy đau tâm hồn các anh đang tìm đến một chân trời chói chang ánh sáng?

Đêm ấy, quả rất vui. Bình Nguyên Lộc lạc quan cho rằng chiến tranh chấm dứt hẳn rồi, bóng dáng ngoại xâm không còn nữa, ngọn gió thái bình đã tỏa ngát khắp nước. Anh Tuấn bàn là hôm nào sẽ đưa Lý Văn Sâm về cái bến đò nổi liền Bình Long và thị trấn Tân Uyên. Anh sẽ cho Sâm ăn trái thanh long của vườn nhà. Cao hứng, Lý Văn Sâm bàn với anh Tuấn nên chuộc lại cái vườn cây ở xóm nhà thờ, rồi cất một cái nhà mát ngó ra sông Đồng Nai, làm "gác đón gió". Trong cái nhà thủy tạ ước mơ ấy, hai nhà văn cùng quê sẽ chung sức viết một cuốn tiểu thuyết dài...

Bình Nguyên Lộc là người cả tin. Lý Văn Sâm không quá ngây thơ về tình hình chính trị đất nước như thế, nhưng trong lúc nhà văn cùng quê mà anh xem như người anh đang có nhiều mơ ước bản thân anh cũng thấy băng khuâng. Nào ngờ, những dự định ấy chẳng bao giờ hai anh thực hiện được.

Hồi ấy, trong đoàn người từ miền Bắc di cư vào Nam, có nhà văn Vũ Bằng. Lý Văn Sâm và Vũ Bằng đã quen biết nhau từ trước năm 1945, khi anh gửi ra *Tiểu thuyết thứ Bảy* những sáng tác đầu tiên. Từ đó, kẻ Bắc, người Nam, thư từ qua lại thân thiết. Trong thâm tâm, Lý Văn Sâm luôn nghĩ, không có Vũ Bằng, con đường văn chương của mình không như bây giờ. Những lời động viên, góp ý chân tình buổi ban đầu của Vũ Bằng đã có tác dụng dẫn đường. Vào lại thành, hoàn cảnh mỗi người mỗi khác. Lý Văn Sâm, hẳn Vũ Bằng biết là "cộng sản" nằm vùng. Còn Vũ Bằng, tuy không hiểu nhiều về "con người chính trị" của anh nhưng Lý Văn Sâm vẫn giữ nguyên tình bạn xưa cũ. Một hôm, Vũ Bằng đang ngụ ở Phú Nhuận, đến Tân Định tìm Lý Văn Sâm. Họ Vũ rủ anh Sâm đi ăn thịt chó, ngồi nói chuyện văn chương. Đôi lần sau đó, hai anh gặp nhau, cũng chỉ nói chuyện văn chương.

Sau năm 1975, Lý Văn Sâm gặp Vũ Bằng thường xuyên hơn. Cho đến trước ngày Vũ Bằng mất (8.4.1984), cách nhìn, cách đánh giá của nhiều người đối với Vũ Bằng - một nhà văn "di cư", vẫn không mấy thiện cảm. Riêng với Lý Văn Sâm, cảm tình vẫn nguyên vẹn. Đôi lần, tác giả *Thương nhớ mười hai* tìm đến Lý Văn Sâm. Dạo đó, họ Vũ đang sống quá nghèo khổ lại có nhu cầu "hút" (thuốc phiện) như ngày trước. Ai chẳng biết nghiện thứ ấy là điều không hay, nhưng Lý Văn Sâm vẫn chiều bạn, dầm dúi đưa một ít tiền. Chuyện này Lý Văn Sâm ít kể với ai. Có lần nhà văn kể cho Nguyễn Khải nghe những kỷ niệm của mình với Vũ Bằng và khẳng định: Không có Vũ Bằng thì cũng không có Lý Văn Sâm! Lời khẳng định đó, nhà văn Nguyễn Khải cho rằng hơi quá. Còn với Lý Văn Sâm, đó lại là một sự thật. Đầu năm 2000, do công sức kiếm tìm của anh Văn Giá, bạn đọc cả nước biết Vũ Bằng là một chiến sĩ tình báo, đã được tổ chức đưa vào Nam năm 1954. Chúng tôi đem tin này nói với Lý Văn Sâm, khi ấy nhà văn đã tám mươi tuổi. Ông tỏ vẻ thật sung sướng cho người bạn văn quá cố và tuyệt nhiên không nói gì thêm về mình, một nhà văn

hiếm hoi đã có những cảm tình đặc biệt với Vũ Bằng lúc không ít người ngại nhắc đến.

*
* *

Tháng 10 năm 1955, mật thám của chính quyền Ngô Đình Diệm bắt cóc Dương Tử Giang ngay tại tòa soạn báo *Duy Tân* khi anh Giang đang cúi cúi sửa morasse. Khi ấy, Lý Văn Sâm đang làm báo *Nhân Loại* thì được tin báo động. Hằng ngày, anh vẫn ăn cơm sáng ở nhà một người bạn đồng hương trên đường Pasteur, bị địch rình mò rất rát, đành phải "chạy" nữa. May nhờ có ông Phan Văn Chấn đùm bọc và che giấu, anh về tạm ẩn ở Nhà in Ban Mai do ông làm chủ. Ngày đêm, Lý Văn Sâm ở luôn trên lầu nhà in và nghĩ thế nào mình cũng bị bắt, bởi chính quyền tay sai đang có chủ trương đánh vào tất cả những người kháng chiến cũ. Dầu vậy, anh vẫn không thể bỏ ngòi bút.

Đến khi Sài Gòn chuẩn bị làm báo tết Bính Thân (1956), nhà báo Việt Quang đang làm báo *Ban Mai* lên tìm Lý Văn Sâm và đề nghị anh viết một truyện ngắn cho "mức". Năm đó, nhà báo Huyền Nhi, vợ của nhà báo Nguyễn Ang Ca, định ra một đặc san lấy tên là *Xuân Dân Tộc*. Anh Việt Quang là người chạy bài.

Việt Quang ra về, nằm trên lầu Nhà in Ban Mai, Lý Văn Sâm nhìn ra cửa sổ và theo dõi dòng người xuôi ngược trên đường phố bằng cặp mắt thêm thuổng. Anh nghĩ: Ước gì mình cũng được đi lại thoải mái như những người khách qua đường kia !

Đêm đến, dưới ánh đèn điện lù mù đỏ chạch, Lý Văn Sâm nằm gác tay lên trán suy nghĩ một cốt truyện mới. Anh tự hứa với mình sẽ viết được một truyện thật "mức" như Việt Quang đã kỳ vọng. Anh còn nghĩ: Sớm muộn gì địch cũng bắt mình nên một khi đã hạ bút thì ngòi bút phải sắc như lưỡi kiếm thép xia thẳng vào mặt chúng. Kẻ địch mà Lý Văn Sâm nhắm vào thời điểm ấy là Ngô Đình Diệm.

Họ Ngô là tổng thống bù nhìn của Mỹ đã được chủ đưa về nước, bày trò phế truất Bảo Đại rồi lên ngôi tổng thống bằng một cuộc bầu cử gian lận có mật vụ và cảnh sát làm áp lực với cử tri.

Nghĩ lan man tới đó, Lý Văn Sâm tự nhủ: Thế là có truyện rồi!

Anh bắt đầu viết. Nhân vật chính trong truyện ngắn là một con khỉ chuyên môn làm trò nhảy múa. Người giật dây là một tên thầy Tào. Thầy Tào làm nghề Sơn Đông mãi võ, bán đủ thứ thuốc cao đơn hoàn tán. Ngày kia, con khỉ sống khỏi tay chủ và trốn trong một cái tháp cũ đổ nát. Đêm đêm, nó hiện hình trên đỉnh đồi và cầm một cái chuông lớn trong tay rung lên thành một chuỗi tiếng leng keng ghê rợn kéo dài. Con khỉ muốn tự phong mình là thần thánh để nhân dân phải tôn sùng và cúi rạp mình trước quyền uy khỉ đột của nó.

Ấn ý của truyện thật ra chẳng mấy ai không đoán được. Cái tháp đổ là hình tượng của chế độ Ngô Đình Diệm. Con khỉ chính là vị "tổng thống" của chế độ ấy. Thầy tào là chủ Mỹ. Khỉ rung chuông để tự quảng cáo cho mình, nhưng nhân dân nào có sợ.

Lý Văn Sâm đặt nhan đề cho truyện ngắn là *Chuông rung trên tháp đổ* và ký bút danh Bách Thảo Sương. Bách Thảo Sương là tên loài cỏ mọc ven biển, gió bão thế nào nó cũng chia mũi ra. Anh Sâm lấy bút danh này phần vì thích loại cỏ "ngoan cố" kia, phần vì thoáng nghe mọi người nghĩ đó là tên phụ nữ, ít bị để ý. (Nào ngờ, trên một tờ báo trước đó, Dương Tử Giang vô tình đã loan báo cho bạn đọc theo kiểu quảng cáo là Lý Văn Sâm sắp có một tác phẩm với bút danh Bách Thảo Sương. Mật vụ đã ghi tên ấy vào sổ đen).

Truyện ngắn *Chuông rung trên tháp đổ* có thể dừng ở đây, nhưng Lý Văn Sâm thấy chưa đủ "mức", bèn thêm vào hai nhân vật đại diện cho khối nhân dân bất khuất. Đó là một cặp vợ chồng trẻ mới cưới. Họ lái một chiếc xe du lịch và trên đường về thăm quê, dừng lại dưới chân ngọn đồi Ma Thiên Lãnh. Chiều xuống, trăng lưỡi liềm treo trên cành cây cao. Bỗng đôi vợ chồng son nghe tiếng chuông

lạnh lạnh từ cái tháp cổ trên đỉnh đồi rớt vào không gian nghe ghê rợn, ma quái. Người vợ hỏi chồng về tiếng chuông kỳ quái kia. Người chồng kể cho vợ nghe lai lịch của tiếng chuông nọ và nói con khi cầm cái chuông trong tay đã trở thành giống quỷ kể từ khi thoát khỏi thầy Tàu. Kể xong, người chồng mang cây súng săn hai nòng căn dặn vợ ngồi chờ rồi chạy như bay một mình lên đỉnh Ma Thiêng Lãnh. Hai phát súng nổ khô khan. Tiếng chuông tắt ngấm.

Từ đó, nhân dân quanh vùng Ma Thiêng Lãnh trở về cuộc sống yên lành. Câu chuyện con quỷ tự phong mình là thần thánh trở thành chuyện...khi.

Chiều chiều, khói bốc lên cao khỏi mái tranh. Bữa cơm chiều đang đợi những chàng tiểu phu mang củi về với gia đình. Tiếng hát cất lên êm ái từ những dòng suối:

Phượng về đất Bắc

Loan ở lại phương Nam

Suốt đời Phượng vẫn nhớ Loan

Nhớ nhau xin lấy giang san làm dấu.

Hôm sau, Lý Văn Sâm đưa ngay Chuông rung trên tháp đổ cho Việt Quang. Cả hai cười sung sướng.

Truyện ngắn "nguy hiểm" trên được đăng ngay ở tờ Xuân Dân Tộc. Nhiều nhà văn, nhà báo đọc và thán thán phục Lý Văn Sâm. Sơn Nam kể, chỗ nào anh em cũng bàn luận: "Thằng cha Sâm gan thật"!

Niềm vui thú của Lý Văn Sâm và anh em kháng chiến cũ đang cầm bút chưa trọn hai ngày, sáng sớm 23 tháng 11 năm 1956, anh bị bắt ngay ở Tân Định.

*
* *

Gần hai tháng kể từ ngày Dương Tử Giang bị bắt, Lý Văn Sâm thăm nghĩ hay là chúng không để ý tới mình nữa dù anh biết trong

làng văn, làng báo bấy giờ chẳng thiếu gì các tên chỉ điểm. Sáng sớm 23 tháng 11, anh dậy sớm, không từ biệt chủ nhà, khẽ khàng mở cửa ra đi khi trời còn giăng đầy sương. Chờ chuyển xe đồ đầu tiên lên Tủ, anh ghé vào quán cà phê chú Sồi, ngon nổi tiếng ở Tân Định. Vào quán, Sâm hơi chột dạ, dường như có ánh mắt quen. Anh đang định đổi bàn thì "người quen" đã kéo ghế ngồi sát, tay gỡ cặp kiếng đen. Anh Sâm nhận ra ngay tức thì: Sĩ, tên chỉ điểm đội lột nhà báo. Sự thể đã quá muộn. Hai người lạ mặt mặc thường phục tiến tới, ghì chặt lấy anh và đưa lên chiếc tờ-rắc-xông gần đó. Ngay trên đường đến bót Catinat, bọn mật vụ đã đánh anh tơi bời khi anh nói biết chứ không quen Nguyễn Tấn Sĩ. Nhưng đó mới chỉ là đòn giáo đầu.

Vào bót Catinat, Lý Văn Sâm bị còng tay giải đến trước mặt tên Chánh mật thám Đỗ Kiến Nhượng. Thấy anh tới, Nhượng chìa ra tờ *Xuân Dân Tộc* có đăng truyện ngắn *Chuông rung trên tháp đổ* và hỏi:

- Bách Thảo Sương là anh, phải không?

Anh Sâm nghiêm mặt gật đầu. Nhượng hỏi tiếp:

- Một truyện ngắn nguy hiểm. Anh bị bắt vì cái truyện ngắn nguy hiểm đó. Anh biết không? Tại sao anh dám động đến Tổng thống của chúng tôi? Anh ở tù rục xương, anh biết không? Đồ ngu đại.

Những ngày sau đó, anh nếm đủ các ngọn đòn tra tấn. Chúng hỏi anh đủ điều, từ tổ chức hoạt động đến những nhà văn, nhà báo là cộng sản "nằm vùng". Tất cả, anh đều trả lời không biết, không quen. Nghĩ vì sơ hở của mình mà bạn phải vào khám, Dương Tử Giang cứ phân trần. Nhưng Sâm nào trách bạn, bởi đây không phải lần đầu tiên anh vào tù và bọn mật thám nào chẳng biết anh, có điều chúng phải tìm cho được bằng chứng chắc chắn mà truyện ngắn *Chuông rung trên tháp đổ* là bằng chứng quá tốt.

Những ngày nặng nề cứ chậm rãi trôi qua. Một sáng, trái với lệ thường, chỉ mỗi mình anh được quần ngục gọi. Dương Tử Giang tỏ

ra lo lắng. Lý Văn Sâm nghĩ không lẽ mình bị chúng đưa đi thủ tiêu như đã làm với một số chính trị phạm khác ? Chiếc còng số 8 thật lỏng lẻo so với cổ tay nhỏ và quá gầy của anh. Anh Sâm được giải lên xe với hai tên áp tải mặc thường phục, súng ngắn lặn lưng. Xe chạy vòng vo một hồi rồi đi vào đường Tự Đức, đỗ trước một biệt thự vương giả. Thì ra, chúng đưa anh đến trụ sở P.S.E (*Police Spéciale de l'Est* - Ty cảnh sát đặc biệt miền Đông). Lý Văn Sâm bị đẩy vào phòng số 4, rộng mênh mông, khắp nơi trong phòng bày những dụng cụ tra tấn. Hai tay mật vụ tha hồ quần thảo anh đủ điều. Chúng hỏi có điều anh biết, có điều thật tình anh không liên quan hoặc mới nghe lần đầu như:

- Có phải anh cùng với anh Mai Lâm định ám sát Ngô Đình Diệm vào ngày 1 tháng Giêng năm 1956?

Anh Mai Lâm quả là người của Ban ám sát, thuộc Công an Đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn, nhưng việc làm của anh, anh Sâm không biết.

Tương kế tựu kế, anh Sâm bắt bẻ:

- Tôi bị bắt từ ngày 23 tháng 11 năm trước làm sao có thể bàn bạc ám sát tổng thống với một người không quen mà các ông gọi là Mai Lâm vào tháng Giêng năm nay được.

Thấy anh nói có lý, hai tên mật vụ sau một hồi to nhỏ với nhau bèn chạy đi hỏi sếp của chúng là Võ Hoàng Bá, Phó ty. Qua cách trao đổi của chúng, anh biết được có lẽ địch đã nhận được những tin tình báo giả. Lý Văn Sâm được đưa trở lại bót Catinat. Hôm đó, anh chưa có dịp gặp lại một người quen cũ tên là Tống Đình Bắc, Trưởng ty đặc cảnh.

Thấm thoát, Lý Văn Sâm đã ở bót Catinat ba tháng. Một buổi sáng, trời còn chưa tỏ, cánh buồng giam xích mở. Bọn cai tù xuất hiện, chúng đọc tên rành rọt và cứ hai người đôi, từng chiếc còng siết chặt. Hơn mười cặp như thế, trong đó có anh và Nguyễn Tấn Sĩ. Bọn

chúng lừa tất cả lên một chiếc ô tô bít bùng. Những tên mật vụ ngồi cùng với tù nhân vũ trang súng ngắn, súng dài như sẵn sàng bắn bất cứ lúc nào. Lúc đầu, anh tưởng chúng đưa anh em đi thủ tiêu. Nhưng lần lần, qua lời bọn áp giải, anh biết mình bị đi đày ở một nơi khác:

- Anh được đưa về Trung tâm huấn chính Biên Hòa là phước đức cho anh. Lên đó, anh được ăn uống sung sướng, được học chính trị đảng hoàng và nếu anh sớm "giác ngộ quốc gia" sẽ được trả sớm về gia đình.

Một tay mật vụ râu quai hàm có đeo thánh giá bằng vàng tây lấp lánh trên ngực cười nhe răng trắng, nói với anh như vậy.

- Biên Hòa!

Anh đang được trở về quê hương mình trong một hoàn cảnh thật đỡ khóc đỡ cười. Chiếc xe chở anh đi thuộc loại lớn, có vách thép bít bùng bốn phía, loại ô tô chỉ dành riêng cho những hạng tù nhân được xếp vào loại có "phương hại nghiêm trọng đối với nền an ninh quốc gia". Anh ngồi suy nghĩ và nhớ đủ thứ, nhất là những ngày còn nhỏ, tay chấp sau lưng lưng thưng đi dạo quanh sân trường trước giờ vào lớp học.

Chiếc xe tù lướt qua hai cây cầu sắt bắt qua Cù Lao Phố. Qua lỗ tò vò nhỏ li ti trên vách, anh dướn to mắt nhìn sông nước và đón những tia gió ngọt ngào cố lách vào xe, như vuốt ve, xoa nắn các vết thương tra tấn còn hằn trên mặt và trên ngực anh.

Con sông quê hương đã tắm mát anh trong nhiều tháng, nhiều năm. Con sông ấy cũng đã chứng kiến những sự kiện chính trị sôi động và bao bước thăng trầm của lịch sử. Nó đã tiễn anh đi những ngày mùa thu tháng Tám đáng ghi nhớ. Trên bờ sông, cùng với anh em, đồng chí, anh đã nổi dậy cướp chính quyền trong tay phát xít Nhật và bọn tay sai. Tay anh cầm cờ đỏ sao vàng, miệng hét lớn: "Chánh quyền đã về Việt Minh". Vậy mà, bây giờ anh lại ngồi co ro trong chiếc xe bít bùng vách thép như ngồi trong một thứ nhà mồ

để đi vào cõi chết. Sông ơi, sông có biết nỗi lòng ta?

Khi xe queo vào cổng chính của trại giam, Lý Văn Sâm nhìn thấy bóng dáng má vợ và đứa con gái chín tuổi đứng ở lề đường gần cầu Săng Máu. Vợ anh đã đi lấy chồng. Nhưng con gái và bà ngoại cháu vẫn dành cho anh những tình cảm thiêng liêng nhất.

*
* *

Trung tâm Huấn chính Biên Hòa, còn gọi là Nhà tù Tân Hiệp, nằm cách trung tâm thành phố Biên Hòa độ hai cây số về hướng Hồ Nai, nằm bên Quốc lộ 1, ở phía đối diện với Bệnh viện tâm thần. Địa bàn này nay thuộc phường Tân Tiến. Phía đông giáp với cụm dân cư của phường; tây giáp rạch Đồng Tràm; nam giáp đường xe lửa xuyên Việt; bắc giáp Quốc lộ 1 và một nhánh nhỏ của rạch Đồng Tràm.

Cho đến trước năm 1975, Tân Hiệp là một ấp nhỏ, khi thuộc xã Tân Phong, lúc nhập về xã Bình Trước. Sau khi đảo chính Pháp, Nhật lập một đồn nhỏ để bảo vệ cầu Săng Máu. Thực dân Pháp trở lại xâm lược Việt Nam, đồn Tân Hiệp biến thành trại giam tù binh. Đến thời Mỹ - Diệm, trại giam này được mở rộng, xây dựng quy mô, trở thành một trong sáu trại giam lớn của chúng ở miền Nam: Thủ Đức, Chí Hòa, Phú Lợi, Tân Hiệp, Côn Đảo và Phú Quốc.

Nhà tù Tân Hiệp nằm trên khu đất hình chữ nhật, rộng tới ba ngàn sáu trăm tám chục mét vuông. Cách nó không xa, chừng một cây số, về hướng nội ô, chính quyền Diệm đặt Bộ tư lệnh sư đoàn dã chiến số 4, sân bay Biên Hòa và các cơ quan đầu não của tỉnh. Tuy nhiên, Nhà tù Tân Hiệp không thuộc quyền quản lý của chính quyền sở tại mà do Nha cảnh sát và công an Nam phần trực tiếp phụ trách.

Bố trí bên trong Nhà tù Tân Hiệp gồm nhiều dãy nhà. Từ cổng chính đi vào, sau lưng cột cờ ở giữa sân là dãy văn phòng ban giám đốc trại giam (gồm phòng: y tế, giám đốc, nhân viên, đại diện tù nhân). Sau dãy văn phòng là nhà ở của viên chánh giám thị nhà tù

và khoảng đất rộng làm sân vận động. Ở phía cổng, bên trái lần lượt là: đồn canh; kho vũ khí; các trại giam tù nhân: A, B và C; khu nhà ăn, nhà bếp. Bên phải, lần lượt là: phòng ngủ của lính bảo an canh gác ban đêm; nhà đèn; nhà ở viên giám đốc nhà tù; các trại giam: E, D, G và trại giam nữ; giếng nước; nhà tắm; khu vệ sinh.

Nhà tù Tân Hiệp được bao bọc chung quanh bởi hai lớp kẽm gai chằng chịt trên các trụ gỗ và chín tháp canh. Trên mỗi tháp canh đều có trang bị súng trường Mas 36, tiểu liên Mas 49, trung liên F5. Riêng cửa nhà tù bằng thép dày, rộng bốn mét, cao hai mét tư. Bên kia đường, trước cổng chính là nhà thăm nuôi cho thân nhân tù các loại.

Việc bố trí tù nhân ở các trại theo từng loại hằn hoi. Trại A dành cho tù là người của các giáo phái và lực lượng đối lập với Diệm như cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên, đảng Đại Việt và những ai đã chịu tố cộng do nhà tù tổ chức. Trại B giam tù nhân từ các nơi chuyển đến để chờ phân loại, lập hồ sơ đưa đi các trại khác. Trại ngoại khóa giam nữ tù nhân. Trại C là nơi ở của gia đình lính bảo an bảo vệ nhà tù. Các trại E, D, G giam giữ tù nhân là cán bộ, chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước ở các tỉnh Nam Bộ. Mỗi trại chưa đến hai trăm mét vuông, mái lợp tole fibro-ciment, xung quanh đóng vách ván, nền xi măng, các bên có cửa sổ đóng màn sắt. Từng trại đều có cửa ra vào ở hai đầu làm bằng gỗ, dĩ nhiên có khóa cẩn thận. Vậy mà, đến cuối năm 1956, Nhà tù Tân Hiệp có tới 1872 tù nhân. Các trại E, D, G đều gần 400 người.

Vào năm 1955 - 1956, hệ thống tổ chức quản lý Nhà tù Tân Hiệp có: ban giám đốc do Nha cảnh sát - công an Nam phần bổ nhiệm, gồm giám đốc Huỳnh Văn Tín (thiếu úy), Phó giám đốc Huỳnh Công Thưởng; Chánh giám thị Nguyễn Văn Huê, Giám thị trại giam Đặng Trọng Lịch; văn phòng có hai nhân viên công an và một tài xế cho giám đốc, cũng là công an.

Bảo vệ Nhà tù Tân Hiệp có đến ba trung đội lính bảo an, gồm

168 người thuộc Nha bảo an Nam phần, Tỉnh đoàn bảo an Biên Hòa, Tỉnh đoàn bảo an Gia Định. Tất cả đều dưới quyền chỉ huy của Thượng sĩ Nguyễn Văn Huệ (trưởng đồn) và Trung sĩ Đặng Đức Tài (phó đồn). Kho vũ khí của lực lượng Bảo an không thiếu thứ gì, từ trung liên 24-29, tiểu liên Thompson, súng trường Mas, đến súng phóng lựu, lựu đạn. Mỗi ca gác của lính bảo an gồm ba mươi lính, từ mười bảy giờ bốn mươi phút ngày hôm trước đến mười bảy giờ bốn mươi phút ngày hôm sau. Trên tất cả các tháp canh đều có đèn chiếu sáng bảo vệ quanh rào. Đường dây điện thoại của Nhà tù Tân Hiệp nối liền với Bộ tư lệnh Sư đoàn dã chiến số 4 để sẵn sàng ứng phó khi có tình huống xảy ra.

Sinh hoạt thường ngày trong Nhà tù Tân Hiệp cũng được bố trí khá quy củ. Công việc nhà bếp buổi sáng được giám đốc nhà tù giao cho viên giám thị cùng với lính bảo an đưa độ hai mươi tù nhân, chủ yếu là lực lượng giáo phái đã qua "tổ cộng", tiến hành từ năm giờ sáng. Sáu giờ mười lăm phút, theo tiếng kèn, tất cả tù nhân tập hợp trước trụ cờ để nghe giám thị chỉ định công việc trong ngày, khi thì học "tổ cộng", lúc làm vệ sinh, lao động vườn rau v.v.. Buổi chiều, sau giờ cơm, công việc tuần tự như ban sáng đến mười tám giờ, tù nhân phải xếp hàng vào trại. Hằng đêm, từng trại đều có công an và lính bảo an đến kiểm lại tù nhân.

Nói chung, Nhà tù Tân Hiệp được chính quyền Sài Gòn tổ chức bài bản, giám sát chặt chẽ với mục đích rõ ràng là tiêu diệt ý chí đấu tranh của các chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước, tôn vinh chế độ Ngô Đình Diệm.

*
* *

Lý Văn Sâm bị đưa vào Nhà tù Tân Hiệp giữa lúc tình hình chính trị ngày một xấu thêm. Đã quá thời hạn hai năm kể từ ngày ký Hiệp định Genève. Lúc này không ai nghĩ Mỹ và Diệm - Nhu có ý

định thi hành hiệp thương, tổng tuyển cử nữa.

Bên ngoài trại giam, viên tướng Phòng Nhì Mai Hữu Xuân mở trận càn đẫm máu kéo dài nhiều ngày lấy tên là "Chiến dịch Trương Tấn Bửu" đánh vào các chiến khu, cơ sở cách mạng ở đồn điền cao su. Bên trong trại giam, tên lính kín, Đại úy, Trưởng ty đặc cảnh miền Đông, Tống Đình Bắc tha hồ ra lệnh tra khảo, truy bức tư tưởng, thậm chí giết lén tù chính trị. Ngày nào cũng có xe chở bọn mật vụ P.S.E từ Sài Gòn lên đầy ắp trước nhà tên giám đốc, chủ ngục Huỳnh Văn Tín. Chúng mang súng đạn, các dụng cụ tra tấn: ma trắc, chày vỗ, dây điện, còng nhôm, còng sắt...Độ mười hôm có một chuyến đi đày Côn Đảo, Phú Quốc; nửa tháng một lần xáo trộn các trại để cách ly những người chúng cho là cộng sản sang trại khác. Các loa phóng thanh đặt trước mỗi trại ra rả suốt ngày đêm về sự ưu việt của "chánh nghĩa quốc gia" và chửi mắng, nói xấu đủ điều về cộng sản.

Trưa hôm đó, trời nóng nực nắng lửa, quan quân Nhà tù Tân Hiệp nhận nhịp. Cánh cửa nhà tù đột ngột mở rộng để đón "ngài trưởng ty đặc cảnh miền Đông" Tống Đình Bắc lên "thanh tra". Những chính trị phạm nghĩ tới chuyện chẳng lành khi tên trùm lính kín này "ghé thăm". Bắc đi trên chiếc tắc-xông màu da lươn, có bốn xe Jeep hộ tống. Mười phút sau, Bắc dẫn đầu một đoàn tùy tùng rảo qua các trại E, D, G. Đây là các trại luôn đáng gờm đối với Bắc vì giam những người cộng sản. Hôm nay, Bắc diện bộ collet séc-kín trắng, áo ca rô màu gạch tôm, nhưng cổ lại không đeo cravate. Đầu hấn đội kết trắng có đính ba bông mai vàng và đi giày màu da cam đánh bóng nhẵn. Sát sau lưng Bắc là Loát (Huỳnh Văn Loát, còn gọi Bùi Loát), một kẻ từng đi kháng chiến nhưng nửa chừng đào ngũ, theo Tây. Loát rất được Trần Bá Thành tin nhiệm, cử vào ban điều khiển các lớp "tổ cộng". Theo sau Bắc và Loát là Huỳnh Văn Tín, Huỳnh Công Tường và toàn thể bộ sậu nhà tù.

Từ trong trại D nhìn ra, Lý Văn Sâm thấy Tống Đình Bắc đi chậm rãi, ra vẻ ung dung. Hai tay hấn thọc vào hai túi áo xề xệ. Mắt

láo liên, miệng nhếch cười xã giao. Tới trại D, Bắc bước vào một cách thản nhiên. Anh Bửu Điện, đại diện trại, không nén nổi lo sợ. Mặt thất sắc, miệng anh hô: "Nghiem". Gần bốn trăm tù nhân nhưng chỉ có lọt chột độ mười người đứng dậy. Các tay quản ngục xụ mặt. Mồ hôi lấm tấm rịn ra trên trán Tổng Đình Bắc. Chột nhìn thấy Lý Văn Sâm, hấn hơi chựng lại. Anh không hiểu Bắc nghĩ gì nhưng để ý trông gót giày của hắn nghiêng trèo treo trên nền xi măng.

Tổng Đình Bắc và Lý Văn Sâm không lạ gì nhau. Hắn là con trai thứ ba của ông Tổng Đình Đề. Ông Đề làm nghề gác khám Biên Hòa từ trẻ đến già. Bây giờ thì "lão vệ Đề" đã về hưu. Hồi còn đi học ở Trường tiểu học tỉnh lỵ, anh Sâm là bạn thân của Tổng Đình Kinh, anh lớn của Bắc. Kinh hiền lành, thích đá banh, đá dế. Chính Kinh là người đã tìm ra vùng đất "Trung tâm huấn chính" bây giờ có vô số hang dế. Ngày trước, đây vốn là cái bãi tha ma của những tù nhân bạc số. Sâm, Kinh và có lẽ cả Bắc, không nghĩ hai mươi mấy năm sau, hai mẫu đất tây gồ ghề mỗ mả lại là cái nền của một nhà tù khổng lồ. *Những người sống hiện đang chết dần chết mòn trong một cái địa ngục được dựng lên trên địa ngục những người tù đã chết.*

Hồi nhỏ, nhiều lần hai anh em Kinh và Bắc đã rủ Lý Văn Sâm đi bắt dế ở cái bãi tha ma này. Anh nhớ rõ, một buổi sáng trời trong, khi đang lúi húi moi sâu vào một hang dế bỗng nghe có tiếng Bắc la lớn:

- Á ngộ, coi kìa!

Anh nó ngóc đầu lên hỏi:

- Gì vậy.

Lý Văn Sâm cũng ngược mặt lên dòm về hướng anh em Kinh đang nhìn. Một vệt khói mờ như hình một con rắn đang bay giữa trời. Sâm sững sốt kêu lên:

- Rồng! Rồng bay tụi bây à!

Ít lâu sau, anh Sâm lại nghe ba kể một câu chuyện là lạ, ăn

khớp với chuyện "rồng bay" bữa nọ. Chuyện là, trên mỏm núi Võ Đắc có một hang dơi sâu như miệng núi lửa. Cứ vài ba năm thì có một lần dơi rời núi Võ Đắc bay về một hang khác, trên chóp núi Gia Nhang. Dơi bay nhiều vô kể, thành một vệt dài tựa như con rồng. Người dân bản xứ, phần nhiều là đồng bào dân tộc, sợ hãi không dám nhìn lên trời và cho đó là điềm chẳng lành. Chuyện rồng bay từ thuở nhỏ đã ám ảnh anh Sâm rất lâu. Đến lúc viết văn, anh đã hư cấu thành một truyện vừa mang tên *Rồng bay trên núi Gia Nhang*. Chuyện hoàn toàn hư cấu, chỉ dựa vào một kỷ niệm nhỏ thời thơ ấu. Vậy mà, khi đọc truyện, Tống Đình Kinh cảm động lắm. Năm 1949, Kinh có viết cho Sâm lá thư nói về cảm xúc của mình khi đọc *Rồng bay trên núi Gia Nhang*. Ngoài việc nhắc lại kỷ niệm ngày xưa đi bắt dế, Kinh còn cho biết: "Còn thằng Bắc thời bây giờ nó đã đi theo nghề làm cò lính kín rồi mày à!"

Từ dạo ấy, anh Sâm không có dịp gặp lại anh em nhà Kinh, trừ đôi lần lúc ở bót Catinat, chạm mặt Bắc. Thế nhưng, những lần chạm mặt bất ngờ ấy, anh Sâm đều nhìn thấy đôi mắt nó trốn đôi mắt anh như trốn một nỗi ám ảnh không vui.

Lý Văn Sâm kể chuyện anh em nhà Kinh cho Dương Tử Giang nghe. Anh Sĩ nghe xong, hơi lo và bảo:

- Tốt hơn là nên tránh mặt nó. Coi chừng nó thấy mày vài lần nữa nó chướng mắt, "làm bậy".

Biết vậy, nhưng trốn đi đâu khi bây giờ Bắc lại chạm mặt anh Sâm một lần nữa? Anh vẫn nhìn thẳng vào mắt nó. Còn Bắc, hần chẳng hề ngó ngay anh một lần. Chẳng biết vì lý do đó hay không mà Bắc dừng lại ở trại D không lâu. Hần kéo lâu la xuống trại giam các nữ tù, bỏ qua luôn trại G?

Ngày chiều hôm đó, Tống Đình Bắc trở về Sài Gòn. Dương Tử Giang và Lý Văn Sâm cũng như tất cả đảng viên ở các trại liên nhận được sự nhắc nhở của Đảng ủy (bí mật) nhà tù: Tuyệt đối

không để một sơ hở gì có thể khiến cho địch làm hỏng việc lớn. Coi chừng kỹ lưỡng bọn thằng Liên, thằng Huy đang đánh hơi, theo dõi nơi viết mấy tờ kiến nghị vừa rồi để lập công với Tổng Đình Bắc.

Trước năm 1956, trong Nhà tù Tân Hiệp đã có một chi ủy Đảng bí mật. Đến tháng 2 năm 1956, số đảng viên bị địch bắt ở các nơi về nhiều, đã tìm cách móc nối thành lập lại và sau đó hình thành Đảng bộ, do anh Nguyễn Trọng Tâm, cán bộ của Ban binh vận Xứ ủy miền Nam làm Bí thư. Các trại E, D, G và trại bệnh đều có chi bộ. Lý Văn Sâm và Dương Tử Giang được giao phụ trách công tác tuyên huấn. Anh em tù cộng sản còn tổ chức học bổ túc văn hóa, đưa người ra vào Ban đại diện công khai, giám sát cả chế độ ăn uống v.v..Tuy nhiên, vẫn có không ít trường hợp manh động, khiến bọn tay chân quản ngục dòm ngó.

Huy và Liên là hai gã Đại Việt, làm tay chân cho quản ngục ngay từ lúc còn ở bót Catinat. Đạo đó, cả hai thường hay lân la tới chỗ Lý Văn Sâm và Dương Tử Giang. Lên Nhà tù Tân Hiệp, Liên và Huy quay lưng, tìm cách hại ngầm, đánh phá anh em các phái khác. Gặp người quen, chúng không nhìn mặt. Ban đầu, quản ngục bố trí chúng ở các trại A, B và C giam tù nhân các giáo phái. Ở đó, "dễ thở" hơn các trại "Việt cộng". Chưa đầy một tháng, tất cả đều đi học lớp "tổ cộng". Nhờ luồn lọt, chúng lại được bọn chúa ngục cho lên ăn, ở trong một căn phòng đặc biệt. Ngủ trên ghế bố, thích thì được ra ăn cơm quán, đi nhà xí dành cho công an và giám thị.

Nhìn bọn thằng Huy, thằng Liên, Dương Tử Giang có lần nói với Lý Văn Sâm:

- Ra tù, thế nào tao cũng viết một cuốn tiểu thuyết lấy tên là *Rẽ phân đôi ngã*. Mà coi, súng đạn, đô la, những nhu cầu thấp kém và nhận thức không đến nơi đến chốn của con người có sức hủy hoại tâm hồn không nhỏ.

Hôm chạm mặt thằng Bắc, trọn đêm, Lý Văn Sâm trần trọc

mãi, không ngủ được. Anh hơi lo. Bây giờ, anh đâu còn là bạn cùng quê với nó nữa. Anh trở thành cái gai nhọn đâm vào mắt nó. Tới lúc nào đó thằng Bắc sẽ tìm cách xóa mất hình bóng anh để không còn thấy nhức mắt nữa. Càng nghĩ, anh càng nặng trĩu trong đầu, nhất là không làm sao xóa được hình ảnh thằng Bắc ăn mặc đồm dáng, đi đứng bảnh chòe trên các hành lang nhà tù. Không xa, tiếng xe lửa tốc hành chạy ra hướng Phan Thiết lúc nửa đêm rít lên những hồi còi nghe thật ghê rợn.

Nằm kế bên Lý Văn Sâm là anh Bảy Thơ. Thấy Sâm cực cựa mãi, anh Bảy cũng không ngủ được. Mái trại là lớp xi măng ép mỏng. Ban đêm, các anh có cảm giác nằm trong một cái nồi úp miệng trên mặt đất, cộng thêm cái nóng ghê gớm như ở trong lò thiêu xác.

Anh Sâm quen thân với anh Bảy Thơ từ lúc còn ở bót Catinat. Ngày đó, vừa gặp anh, Sâm đã thấy mến. Bảy Thơ có đôi mắt sáng và hiền, cái miệng cười móm lộ đồng tiền. Thấy Sâm ốm yếu, anh Bảy đã nhường từng tia nắng mỏng lọt qua ô cửa nhỏ có chấn song sắt trên nóc bót để sưởi ấm bộ ngực bị thương tích tím bầm của anh. Anh Bảy vốn quê ở Thủ Dầu Một. Hồi kháng chiến chín năm, anh là cán bộ văn phòng Ủy ban hành chính tỉnh. Vợ anh là một cô giáo trẻ. Giữa năm 1955, vợ anh sinh đứa con thứ hai. Cuối năm, do một kẻ phản bội khai báo, anh Bảy bị bắt dính với bốn mươi người khác. Rồi anh bị đẩy lên Nhà tù Tân Hiệp trước Lý Văn Sâm hai tháng. Hôm anh và Dương Tử Giang bị áp tải lên Biên Hòa, bọn quản ngục đã đưa cả hai vào trại D, chung với anh Bảy Thơ. Ở trại này, anh Bảy là chi ủy phụ trách hai tổ Đảng sinh hoạt rất kín đáo.

Hôm mới vào trại D, Lý Văn Sâm được xếp ngay vào tổ rửa cầu tiêu. Anh Bảy là người điều khiển tổ này. Những người trong tổ được lựa chọn khá kỹ. Ngoài các anh Bảy Thơ, Thạch, Thừa, Tân, Kỳ Lân và anh Sâm còn có một cậu bé mười lăm tuổi là Phạm Quang Cường. Cậu bé là con út của một gia đình thợ may. Khi còn ở bót Catinat, anh Sâm đã bày vẽ cho Cường cách chống đỡ những trận

đòn ác liệt. Mỗi lần ở phòng tra tấn trở về, Cường đều bị chết giấc cả tiếng đồng hồ. Anh Sâm là người phải vực Cường rất lâu cậu mới tỉnh lại được. Cầm nghĩa, Cường nhận anh làm ba nuôi. Nhưng Cường là cậu bé gan dạ. Trước khi được bổ sung vào tổ anh Bảy, Cường từng làm giao liên giữa các trại và nhận nuôi cơm nước cho những trại bị đóng cửa dài ngày. Vì thế, Cường đã phải trả giá bởi những trận đòn nhừ tử.

Tổ rửa cầu tiêu ngoài nhiệm vụ làm vệ sinh chung, còn thêm một sứ mạng nữa là nhận chỉ thị, tài liệu bên ngoài chuyển vào qua con đường trại tù nữ. Khi thấy bọn thằng Huy thường hay rình rập, để đánh lạc hướng, anh Bảy định đổi Sâm qua tổ dây cỏ của anh Ba Thuấn. Anh Ba ít bị chúng dòm ngó. Nhưng tổ này đã có Dương Tử Giang. Đổi như thế, chúng càng sinh nghi. Cuối cùng, anh Sâm vẫn ở tổ cũ. Đêm đêm, anh lại được nằm giữa anh Bảy và Cường, lại được nghe tiếng ngáy đều đều của cậu bé gan dạ, được thấy cặp mắt siêng thức đêm của anh Bảy miên man nhìn ngọn đèn đỏ chạch như con mắt độc nhất của loài quỷ khổng lồ trong truyện thần thoại Hy Lạp. Anh Bảy còn tin tưởng giao cho anh Sâm nhiệm vụ sao chép lại những tài liệu của lãnh đạo bên ngoài gửi vào một cách bí mật.

Giữa chốn địa ngục trần gian, Lý Văn Sâm càng thấy quý sự yêu thương, đùm bọc của anh em, đồng chí. Sau một đêm trần trọc, sáng ra, anh được miễn một phiên công tác. Anh Bảy Thơ bảo Cường ra quán giám thị Năm mua cho anh một tô cháo lòng heo và một ly cà phê đen. Anh Bảy còn pha trò:

- Làm một chầu "củ ninh" cho lợi nghĩnh.

Chả là, cà phê ở quán giám thị Năm đáng còn hơn thuốc ký ninh trị sốt rét nên anh Bảy gọi đùa là "củ ninh". Dầu sao, nó vẫn là cà phê!

Anh Bảy ngồi ngẫm ngợi một hồi rồi chỉ vào ly cà phê:

- Những trận tra khảo chí tử của quân thù chẳng nhằm nhò gì.

Có khi ba thứ quý này nó lại làm chúng ta mất lần khí tiết nếu không cảnh giác.

Lời nói giàu triết lý ấy chẳng phải không có cơ sở. Ở quán giám thị Ba có món chả giò rất hấp dẫn. Quán giám thị Năm có món cháo lòng béo ngậy. Còn giám thị Chín lãnh nấu cơm tháng cho những ai không ăn được cơm tù. Anh Sâm còn nghe đồn, cái phòng kín nhà tay công an Sáu Hích thỉnh thoảng có "em út" ở ngoài vào "làm ăn". Ngoài nghề mật vụ, Sáu Hích kiêm thêm nghề "ma cô". Mấy đứa con gái con bọn giám thị thì may quần áo tây, pyjama để bán. Mắt các cô liếc dọc liếc ngang sắc như dao cau. Chính Tổng Đình Bắc đã nhiều lần nói với đàn em của nó: "Cộng sản cũng là người, nên cũng có những điểm yếu. Biết đánh trúng vào những điểm yếu đó thì họ sẽ thay đổi lập trường".

Hằng tuần, gia đình các tù nhân được thăm nuôi hai lần, thứ ba và thứ sáu. Bọn giám thị, công an vừa có dịp hốt bạc, vừa thực hiện được mưu mẹo của trùm lính kín Tổng Đình Bắc là làm cho "Việt cộng nhão tinh thần", "quen ăn không quen nhìn", dần hồi rã rời hàng ngũ.

Tuy nhiên, tinh thần cảnh giác luôn thường trực ở những anh em tù cộng sản. Anh Dương Tử Giang sáng tác hẳn một bài thơ, lấy nhan đề *Giữ dạ sắt đĩnh*, phổ biến ngầm, nhưng rộng rãi ở các trại E, D và G:

*Tàn bạo nào ngăn được bất bình?
Một dòng máu đỏ, một niềm tin.
Khảo tra không nhụt lòng gang thép
Lừa mị đâu mềm dạ sắt đĩnh
Máu lệ dẫu chan hỏa ngục thát,
Tâm hồn vẫn rực lửa bình minh.
Con đường tranh đấu con đường sống
Mãi mãi bên nhau vẹn nghĩa tình.*

Còn anh Huỳnh Văn Trị, nguyên Chủ tịch Ủy ban hành chính huyện Xuân Lộc, làm bài thơ mỉa mai cay độc lời khuyến dụ về chốn "thiên đường của những con người lầm đường dân tộc" mà bọn chúa ngục thường rêu rao:

*...Mặt trời đâu, sao chẳng thấy mặt trời?
Chỉ thấy lổm chổm rào gai nhọn hoắt.
Ở đây làm gì có mây ngũ sắc?
Chỉ có máu người tù rục rở sắc hồng.
Chúng bảo đây là thiên đường,
Ta thét vào mặt chúng: đây quả là địa ngục
Địa ngục này, có ngày ta dẫm nát
Tìm về mùa xuân riêng của lòng ta.*

Lý Văn Sâm từ lâu đã không làm thơ nữa. Thế nhưng, anh Bảy Thơ và anh Ba Thuấn phân công anh làm một bài thơ bình vận để phân hóa và giác ngộ bọn lính trại giam. Bữa nọ, thấy có người lính bảo an ngày ngày cầm cái búa lon sắt đánh leng keng vào cái keng sắt treo gần cửa lớn Nhà tù Tân Hiệp báo giờ giấc theo lịch của trại, bèn nảy ý làm bài thơ *Dùi sắt và keng sắt* :

*Dùi sắt và keng sắt
Cùng một gốc sanh ra
Ni tấc tuy có khác
Anh em chung một nhà
Khi đánh vào keng sắt
Có nghe keng kêu đau?
Nằm trong tay kẻ ác
Dùi lại vui được sao?
Bọn Mỹ - Diệm độc địa
Nắm chặt lấy thân dùi
Biến dùi thành bội nghĩa*

*Hành hạ người cùng nòi
Anh lính gác trại ời
Có vui chi thân dùi?
Kể dùi chung gốc sắt
Anh nhớ chẳng anh ời!*

Bài thơ được sao chép thành nhiều bản theo lối chữ in để kẻ địch không tìm ra tổng chữ. Một bản vô tình lọt vào tay cô gái tên Diệu, con đầu của giám thị Năm. Cô đứng bán quán giúp cha mẹ cô. Hàng ngày, Diệu đạp xe đạp, mặc áo dài trắng đi học trường con gái Biên Hòa. Bài thơ *Dùi sắt và kể sắt* lại được cô Diệu chép thành ra hàng trăm bản và đem trao tận tay những người vợ lính. Địch truy tìm gắt gao tác giả bài thơ đó. Nhiều người bị tình nghi là tác giả bị đưa đi tra tấn ở bót công an Biên Hòa. Trong số đó có cả Phạm Quang Cường. Thừa biết tác giả nhưng Cường không hề hé răng khai nửa lời. Khi địch đưa Cường từ bót công an Biên Hòa về Nhà tù Tân Hiệp, quần áo rách bươm. Vậy mà, Cường vẫn nhìn anh Sâm với ánh mắt mừng rỡ. Ánh mắt ấy, cùng với ánh mắt của cô Diệu, anh Sâm mãi không quên. Người làm ra thơ và những ai sao chép, đọc nó đã không sợ đổ máu. Thơ vẫn là thơ. Và lửa thơ không bao giờ tắt. Rất tiếc, sau năm 1975, từ chiến khu trở về, nhà văn Lý Văn Sâm đã không tìm lại được anh Cường và cô Diệu. Trong bài viết *Chuyện kể từ một bài thơ* (đăng báo *Văn nghệ Đồng Nai*, số đặc biệt, ra ngày 2.9.1985), sau khi nhắc lại kỷ niệm cũ, nhà văn đã viết:

Cô Diệu bây giờ ở đâu?

Cháu P.Q.C. bây giờ ở đâu?

Lịch sử rất hào phóng. Lịch sử sẽ không bao giờ quên những người con của Tổ quốc có công dù lớn dù nhỏ đối với nhân dân và cách mạng.

Sau đó không lâu, anh em thấy thằng Loát thì thụp với tay Tín, Giám đốc Nhà tù Tân Hiệp. Các anh phán đoán thế nào cũng sẽ có một lớp tổ cộng mới.

Quả đúng như vậy. Mở màn đợt khủng bố, chúng bóc một số khá đông tù chính trị đày ra Côn Sơn và Phú Quốc. Nhiều trí thức yêu nước như giáo sư Lê Văn Huân, nhà văn, nhà báo Ái Lan, bà kỹ sư Phạm Văn Lang...bị đưa đi đợt này. Mỗi khi chúng đến, trại nào cũng có người bị kêu tên. Anh Sâm nhìn mình có tên trong danh sách đợt này, nhưng mãi tới khi ba chiếc xe lớn nổ máy, vẫn không thấy gọi tên. Nhà thơ Dương Tử Giang nói với anh:

- Không đi chuyến này cũng đi chuyến sau thôi. Hồi hộp chi cho mệt, mệt.

Trước lúc các anh chị bị đẩy lên xe, Lý Văn Sâm để ý thấy có cô Trần Thị Minh S. còn quay lại vẫy tay chào mọi người. Mắt cô vẫn sáng và nụ cười cứ đẹp một cách đáng kính. Cô đã nhìn anh khá lâu, bằng ánh mắt dịu dàng. Anh biết, cái nhìn ấy chỉ riêng đối với anh.

Minh S. là cô gái thợ may người Bắc, bị bắt và gán là "hoạt động Việt cộng" bởi tội "cô đẹp quá". Khi đó, cô mới mười chín tuổi. Trong một chuyến bị đưa đi tra tấn ở P.S.E., bọn chúng đã còng chung cô và anh Sâm, giải trên một chuyến xe Jeep. Có lần, S. bị đổ nước chết giấc rất lâu. Anh Sâm vừa lật đật, vừa vụng về quơ mớ giấy trong sọt rác rồi xin bọn công an hơi ấm cho cô. S. bị chúng đưa lên Nhà tù Tân Hiệp trước anh một tháng. Hôm gặp nhau tại quán giám thị Chín, S. mua tặng anh một tập vở trăm trang. Về trại, Sâm giở ra thấy có bài thơ nhỏ:

Hai người chung một cái còng

Hai người chung uống một thùng nước vô

Hai người không giống cảnh đời

Sau cơn hoạn nạn thành đôi bạn bè.

Gặp lại ở quán giám thị Năm, anh Sâm cũng mua một tập giấy biểu cô. Trong đó, anh ghi bài thơ họa:

Vì sao bị trói bị còng?

Vì sao phải uống chung thùng nước vô?

Mỗi người riêng một cuộc đời

Sa vào địa ngục thành đôi chim bằng.

Minh S. đi rồi, Lý Văn Sâm nhận được một thẻo giấy nhỏ. Thăng Cường lén cầm đến đút kín vào tay anh. Cô S. từ già anh bằng hai câu thơ:

Nói gì đây, buổi phân kỳ?

Bền gan thì ắt có ngày gặp nhau.

Được tin sau chuyến này, chúng hốt tiếp số tù cũ, Lý Văn Sâm sốt ruột hỏi anh Bảy Thơ:

- Chừng nào mình "ra" anh Bảy?

Bảy Thơ trả lời:

- Chín mười rồi. Anh biết đó. Chỉ còn đợi ý kiến lãnh đạo bên ngoài nữa thôi.

Anh Bảy còn nói:

- Chắc phải hành động sớm thôi. Để lâu lộ chết.

Số là, từ sau đợt dịch hốt nhiều cán bộ đưa đi đày, Đảng ủy Nhà tù Tân Hiệp đã thống nhất vạch ra chủ trương phá khám để sớm trở về hoạt động cách mạng. Các anh đã âm thầm chuẩn bị lương khô, thuốc men, kể cả chăm lo sức khỏe. Các trại đều có đội bóng chuyền, điền kinh...thi đấu với bọn bảo an, giám thị, công an. Bọn chúa ngục thấy không khí "chung sống hòa bình" như vậy tỏ ra hí hửng. Tổng đại diện của trại là anh Nguyễn Văn Chuộng đề nghị xuất số tiền ăn dư của anh em làm một bữa liên hoan, chúng ưng thuận ngay. Đêm liên hoan, tay Thượng, Phó giám đốc Nhà tù Tân Hiệp, chệnh choáng hơi men nói oang oang: "Ước gì đêm nào cũng vui như đêm nay. Hết mây đen trời lại sáng tỏ. Chị Hằng có cái gương mặt dễ thương quá". Hôm ấy là đêm rằm, thằng chúa ngục nói năng như "nhà thơ". Nhưng nói xong, hần lăm lét nhìn anh em tù cộng sản và liếc mắt kiểm tra vòng rào công an và bảo an đang bao quanh các anh.

Huỳnh Công Thưởng thời Pháp đã là trùm lính kín tỉnh Trà

Vinh. Bây giờ, cung cách và giọng lưỡi của nó vẫn là một tay mật thám.

Được vài hôm yên ả, lại có tin phái đoàn nhà báo đến thăm viếng trại giam theo sáng kiến của Nghiệp đoàn ký giả Sài Gòn. Trong đoàn có ba nhà báo vốn quen biết với Dương Tử Giang, Lý Văn Sâm từ trước: Quốc Vũ, Nguyễn Ang Ca và Phan Văn Chấn. Các tay bồi bút "quốc gia" thuộc các báo *Tự Do*, *Cách Mạng Quốc Gia* giam ở trại A và B được gọi lên gặp phái đoàn trước. Sau đó mới tới phiên các nhà báo: Dương Tử Giang, Lý Văn Sâm, Trần Ngọc Sơn, Anh Tín. Khi các anh bước vào phòng thăm thì tay Trưởng đã ngồi sẵn để giám sát.

Nhà báo Nguyễn Ang Ca tay bắt mặt mừng:

- Các anh vẫn khỏe, hả?

Lý Văn Sâm buột miệng trả lời:

- Ở tù mà khỏe gì anh?

"Phó Trưởng" nhíu mày tỏ vẻ khó chịu. Nguyễn Ang Ca rụt rè hơn trước. Anh báo cho các anh biết là mình đang chuẩn bị làm báo tết và rất tiếc năm nay vắng mặt những cây bút quen thuộc. Trưởng liếc nhìn Lý Văn Sâm, vẻ dò xét. Đột nhiên, nó quay sang hỏi anh:

- Năm nay có cái truyện ngắn nào như chuyện *Chuông rung trên tháp đổ* ký tên Bách Thảo Sương, đăng trên *Xuân Dân Tộc* của bà Huyền Nhi, vợ ông Ca đây nữa không? Các ông coi, trí nhớ tôi khá chớ.

Cuộc gặp mặt chẳng có gì vui. Khi phái đoàn ký giả từ giã các anh, bọn thằng Liên, thằng Huy nhận mật lệnh của phó Trưởng theo sát "tù cộng sản" từng cử động nhỏ.

*
* *

Chứng giữa tháng mười một năm 1956, hay tay Đại Việt Liên - Huy chủ tọa một cuộc họp lén ở trại A. Nhưng như lần trước, biên bản cuộc họp của nhóm Đại Việt bị bộ phận phản gián của anh em tù kháng chiến bắt được.

Tuồng chữ trong biên bản là của Nguyễn Liên. Biên bản được sao làm nhiều bản bằng giấy than đánh máy. Ngoài các tên Liên, Huy, Kim và Hữu, trong cuộc họp mật này còn có Tô Văn, bồi bút báo *Cách Mạng Quốc Gia*. Lần này, chúng bàn phối hợp chuẩn bị dọn đường cho "Khóa cải huấn Nguyễn Trãi" của Bùi Loát trong dịp trước tết Bính Thân một tháng.

Tay chân bọn Đại Việt làm cái việc thất đức này vốn có nguyên do của nó. Ngày trước, cả đảng của chúng gửi gắm ảo tưởng vào Bảo Long, con Bảo Đại, sẽ từ nước ngoài về phát "cờ phục quốc" và chiến khu tưởng tượng của chúng là vùng Ba Lòng ở miền Trung. Song, ảo tưởng kia đã tan biến tức thì. "Công ty Bảo Long" chỉ là một trò ảo thuật của tay phù thủy CIA. Khổ cho chúng phải vào tù, khi Diệm - Nhu mở đợt thanh trừng các giáo phái, do chính Frederick Nolting (Đại sứ Mỹ tại Sài gòn) giật dây. Bây giờ, bọn chúng phải ra sức "lập công chuộc tội" để sớm hưởng "lượng khoan hồng" của chính quyền Diệm. Bởi vậy, không lạ trong biên bản chúng cố tình tâng bốc các "quan quản ngục" Tín, Thượng. Sĩ diện của bọn thằng Huy, thằng Liên không còn khi chúng ca tụng câu nói liều mạng của Huỳnh Văn Tín trong buổi chiều nãy lửa Mười chín tháng Năm là "lời tuyên chiến cứng rắn của ngài thiếu úy giám đốc". Thực ra, buổi chiều hôm đó, mặt Tín cắt không còn giọt máu. Tín đã lùi từng bước trước làn sóng sắp tràn ngập "phòng giám đốc". Anh em đòi hấn phải trả ngay tức khắc đồng chí Vi, trưởng trật tự nhà ăn bị chính Tín ra lệnh cho nha trảo bắt cóc chở đi P.S.E. trước đó mười lăm phút. Mãi tới lúc có xe vòi rồng điều từ Sở chữa lửa Biên Hòa đến cùng với lính chủ lực, bảo an và hầu hết các lực lượng đàn áp của trại giam Tín mới cởi áo ra hăm he làm dữ. Nhưng cả đến lúc ấy, Tín cũng chỉ dám

đứng xa xa mà rán gân cổ hét lên một câu yêng hùng: "Ba Tín này thề ngã gục dưới cột cờ ăn thua đủ chứ không để các người làm lộng đâu!". Tay xếp bót mật thám Pô-lô ngày xưa dù nay đã đeo lon thiếu úy vẫn chưa hoàn hồn. Hắn đã từng bị lực lượng công an Việt Minh khu Sài Gòn - Chợ Lớn khử huyệt hồi năm 1951.

Biên bản của nhóm thằng Liên còn có phần "báo công" là đã mách cho Phó ty đặc cảnh miền Đông Võ Hoàng Bá bắt kỹ sư Lê Văn Thả đem tra tấn ở bót Catinat bằng cách vu khống ông viết báo chuyển ra ngoài đăng báo *Tiến Thủ*. Nực cười là chúng nhận định rằng "đã có sự rạn nứt, phân hóa trong hàng ngũ bọn trí thức Việt cộng". Chúng cho là chúng đã thu thắng lợi trong trường hợp hai cán bộ Việt cộng ở Bạc Liêu và Rạch Giá là Phan Văn Phỉ và Nguyễn Văn Đính (tức Hoàng Quế Ngô, chủ nhiệm báo *Tiến Lên*) ly khai khỏi hàng ngũ cộng sản, trở về với "chánh nghĩa quốc gia".

Anh Sâm biết "tú tài Đính" có "xung phong" đăng tên vào sổ học viên "tổ cộng" ngay từ khi thằng Loát mở "khóa cải huấn" đầu tiên tại Trung tâm huấn chính Biên Hòa. Còn Tư Phỉ có ý đi từ lâu nhưng cũng làm ra vẻ có đấu tranh tư tưởng một thời gian rồi mới trốn sang trại A. Trước khi đi, Tư Phỉ đã bộc lộ quan điểm của mình trong hai bài thơ Nỗi lòng Từ Thứ gọi là thông cảm với Từ Thứ vì hiếu với mẹ bất đắc dĩ bỏ Lưu Bị, về với Tào Tháo. Tư Phỉ vốn thuộc truyện Tàu nên thường kiếm những mẫu người như "Quan Công hàng Hớn bất hàng Tào", như "Hàn Tín lòn tròn sau làm nên việc lớn"...để tâm sự với cậu học trò Dương Văn Chánh mà anh ta nhận làm con nuôi trong thời gian ở cùng trại với Lý Văn Sâm. Tội nghiệp cho Chánh, lúc Tư Phỉ trốn sang trại A, cậu ta buồn rất lâu và thường cúi mặt như cảm thấy mình có tội vì đã chọn nhầm một ông "cha nuôi" như Tư Phỉ.

Một buổi sáng có cơn mưa trái mùa, hơi đất ở sân trại bốc lên nồng nặc. Anh Bảy Thơ bảo Cường đứng gác ở cửa sổ rồi đưa cái biên bản "mật nghị" của nhóm Đại Việt cho Lý Văn Sâm xem. Anh Sâm hỏi:

- Làm sao chớp được, giỏi vậy anh Bảy?

Anh Bảy chỉ cười, vẻ bí mật. Trông anh nghiêm nghị mà không già chút nào. Anh nhận định:

- Tụi nó muốn xây một địa ngục ngay trong linh hồn và trái tim chúng ta bằng mọi cách, mọi giá. Nhưng bọn bất tài, vô hạnh có khôn quỉ đến đâu cũng không mò ra trái bom nổ chậm nằm ngay trong âm mưu đen tối của chúng. Đúng giờ giắc, trái bom sẽ nổ. Chúng nó sẽ bị chôn vùi trong địa ngục chứ không phải tụi mình.

Đạo này, vở cải lương *Nợ nước thù nhà* do anh Dương Tử Giang soạn sắp hoàn thành. Anh Giang rủ Lý Văn Sâm soạn một ít bài ca miện để ca. Các bài lớn, kể cả phần vũ bộ, Dương Tử Giang lãnh hết vì anh rất rành hát bộ. Lúc ở Chi hội Văn nghệ Nam Bộ, Dương Tử Giang là "bầu" của một gánh hát bộ kháng chiến.

Vở *Nợ nước thù nhà* chỉ gói gọn trong một màn độ ba mươi phút. Chuyện kể: Một nông dân tên Trần Quốc Lão nghe anh hùng Lê Lợi dấy binh ở Lam Sơn bèn bàn với vợ cho con trai lớn là Trần Tuấn Kiệt đi theo nghĩa quân để trả thù nhà. Anh con trai thứ hai là Trần Quốc Long đã bị giặc Minh chém chết trước sân nhà. Tuấn Kiệt có ý do dự chưa muốn đi vì bận bịu thê nhi. Bà Trần Quốc Lão thương con trai và con dâu đang bụng mang dạ chửa nên muốn giữ con ở lại ít lâu rồi hẵng đầu quân. Nhưng Ngọc Phụng, vợ Tuấn Kiệt, có quan điểm khác: "Khi giặc chiếm hết đất nước thì hạnh phúc gia đình cũng sẽ không còn". Chị còn dọa chồng nếu không khứng theo nghĩa quân thì chị sẽ quên sinh. Theo chị, tình nhà, nợ nước phải vẹn cả đôi bề. Mâu thuẫn được giải quyết. Trần Tuấn Kiệt hăm hở lên đường trước ly rượu tiễn đầy chí khí của Trần Quốc Lão.

Soạn xong vở cải lương, anh Dương Tử Giang bàn với anh em việc phân vai. Vai khó nhất, nhân vật Trần Quốc Lão, anh Giang đảm trách. Cậu con trai Trà Vinh tên Phụng, vóc người nhỏ nhắn như con gái, lãnh vai Ngọc Phụng. Còn bà lão? Nhìn qua nhìn lại, anh Giang

quay sang Lý Văn Sâm: "Nội dòm cái bộ vó của mày cũng đủ thấy mày giống bà già lắm rồi". Nhạc sĩ Văn Thủy, tác giả *Tiếng rao cô hàng chè*, lo nhạc đệm. MÀN, phồng bằng bao bố và phấn son, trang phục anh em kiếm đủ cả. Chỉ còn đợi ra mắt khán giả nữa thôi. Đùng một cái, các anh nhận được tin mật báo, bọn quản ngục xỏ lá, mặc dù đã hứa sẽ cho các trại "chơi chút đỉnh văn nghệ", nhưng vẫn rình rập để "bắt tại trận" trại nào có "làm văn nghệ". Chúng quyết tâm chộp cho được anh Dương Tử Giang, người mà bọn thằng Liên báo là "đầu nậu văn nghệ".

Mặc cho chúng rình rập, Đảng ủy nhà tù vẫn chỉ thị cho chi ủy các trại cứ tiến hành công tác văn nghệ bên cạnh việc học văn hóa, học vẽ, học đàn...

Vở *Nợ nước thù nhà* được "công diễn" đúng theo lòng mong mỏi của "khán giả mộ điệu" ở trại D. Trước giờ mở màn, Dương Tử Giang dặn kỹ: "Chết thì chết, không bỏ cuộc". "Toàn ban nam nữ" của "gánh hát" gật đầu sẵn sàng.

Vở diễn tới hồi gay cấn nhất, Ngọc Phụng dọa tự tử nếu chồng không đầu quân giết giặc, bỗng ồ khóa trại D kêu lắc cắc. "Trần Quốc Lão" trừng mắt ngó ra phía cửa, cất giọng ca xàng xê: "Kìa quân sâu dân một nước đã đến rồi...". Dương Tử Giang chỉ "cương" tới đó thì tiếng ào ào át lời ca của anh. Cửa trại mở gấp. Có lẽ bọn chúng rình rập sẵn bên ngoài từ lâu nên khi cửa bật mở thì cả bọn đã ập vào bắt anh Dương Tử Giang, anh Sáu Lộ và Phụng. Mấy tay công an chìa súng ngắn vào sườn các "diễn viên", còn bọn giám thị lo việc còng tay. Thằng Liên lấp ló ngoài cửa. Nó có cái bốt đỏ trôm trôm trên mặt. Anh em ghét hăng ngày gọi là thằng "Liên Bến Hải" để xía xói bộ mặt nửa đỏ nửa trắng theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng của nó. Trong bóng tối, nó càng cố thu người xuống cho xứng với tâm địa hèn hạ.

Trận này, anh Sâm thoát. Vai bà lão chỉ xuất hiện ở sân khấu một thoáng ngắn. Lại không phải hóa trang nhiều, chỉ cái khăn quấn

đầu thôi. Ngồi trong trại, thấy bọn chúng ập vào, anh lẹ tay nhét cái khăn rằn qua phía Phạm Quang Cường. Cường lập tức giấu kín cái khăn. Vả lại, chúng đâu dám đứng lâu trong trại bởi rất sợ anh em tù nhân thành linh "đánh úp". Vừa còng tay anh Dương Tử Giang, anh Sáu Lộ và Phụng, chúng vội vàng rời khỏi trại.

Chín giờ đêm hôm ấy, chúng chở các "diễn viên" chính của tuồng *Nợ nước thù nhà* mặt còn nguyên son phấn, rào quanh một vòng chợ Biên Hòa để làm nhục.

Ba hôm sau, con gái Lý Văn Sâm vào thăm cha đã kể lại câu chuyện đêm hôm ấy.

Người chứng kiến đầy đủ cảnh chúng chở các tù nhân cộng sản rào quanh chợ Biên Hòa là cô giáo Nở. Ngày xưa, cô Nở là bạn học với anh Sâm, bây giờ là cô giáo của con gái anh. Khi chiếc xe Jeep lột mai của thằng hai Sóc phơ và thằng công an Sáu Hích chở bộ ba diễn viên của vở *Nợ nước thù nhà* chạy vào đường Henry Bataille (nay là đường Cô Giang), một trong những con đường chính của thị xã Biên Hòa, không khi buổi chợ đêm trở nên huyền ảo. Hầu hết khách ngồi trong hai tiệm nước Hải Nam lớn của hai con đường đã đổ xô ra hè để được thỏa mãn tò mò. Nhiều ông khách còn mang cả choàng hót tóc cũng học tốc nhảy ra khỏi tiệm cắt tóc *Au chie Bataille* của anh Tám Tạo, miệng tíu lia:

- Gì đó?

- Cái gì vậy?

Quang cảnh ồn ào như những lúc báo động có máy bay thả bom. Khi vỡ lẽ, mọi người đều ngỡ ngàng và chắc lưỡi, chửi thề tụi công an và tỏ lòng thông cảm với các "diễn viên".

Cô giáo Nở ban đầu tưởng trong số diễn viên đó có Lý Văn Sâm. Bởi hồi trước, mỗi lần ông đốc Vĩnh (đốc học trường tỉnh lý) ham cải lương ở trường con trai bày ra hát hóng, kịch cớm thế nào cũng bắt anh Sâm và cô Nở làm đào kép chính. Khi anh Sâm thủ vai

"ông Ký" trong vở cải lương *Nội các ông xuội râu*, cô Nở làm "bà Ký" ròm.

Cô Nở kể tiếp chuyện đêm hôm nọ với con gái Lý Văn Sâm:

- Cái ông nhà báo tên Sĩ hay ghé nhà bà cô trò đó...Ổng ngồi giữa, cánh tay bị còng kẹp cứng vào cánh tay của hai người tù khác ngồi hai bên. Đằng sau có một chiếc xe Jeep nữa theo canh. Mặt ông Sĩ có vết râu nhưng cô vẫn nhận ra. Còn hai người kia mặt trắng. Ngộ là "cô gái đực rựa" ngực cũng có độn nổi堂堂 hoàng mà coi vẫn lịch sự như ai vậy. Khi vào đường Bataille thì hai chiếc xe Jeep đi chậm lại vì hai bên đường đông người quá. Bỗng ông Sĩ nhồm dậy, kéo cả hai ông kia đứng lên như cảnh "trụ hình ông" trong *Quan Công đắp đập bắt Bàng Đức*. "Thầy công an" cầm cây đèn ba pin dài và nặng đập lên đầu ông Sĩ một cái "cốp" phun máu. Máu chảy tuột xuống trán rồi xuống má, xuống môi ông Sĩ rùng rùng.

- Mày muốn gì vậy? Muốn gì vậy? Hả thằng này?

Ông Sĩ cười sặc sụa, hét lớn:

- Đả đảo Ngô Đình Diệm!

"Thầy công an" múa đèn pin định đánh nữa nhưng ông chủ nhà hàng Seng đã chạy ra xua tay can. Trò biết ông Khôn Seng chứ? Ông chủ thầu nhà bếp Trung tâm huấn chính Biên Hòa đó. Ổng nhớ mặt ông Sĩ vì ổng có ra vô thường ở trông. Ổng cũng bồ với "thầy Sáu công an" nên khi ổng khoát tay can thì mọi việc êm ru. Cô thấy ổng đưa cho mấy "thầy công an" bánh mì san uých và thịt ba tê nguội, lại thêm rượu Tây nữa. Còn ông Sĩ thì lắc đầu khi ông Khôn Seng cầm tay trao cho ổng một nải chuối già và một gói bánh lọt. "Cô con gái đực" chạt vật lăm mới trật được cái áo bà ba đen, lau máu cho ổng...Tội nghiệp họ quá. Đêm đó ai cũng thương mấy ổng. Đi kháng chiến về bị "cụ Ngô" bỏ tù. Ở trong tù chơi văn nghệ khuây khỏa cũng bị đánh đập. Đố văn nghệ nào mà bì kịp văn nghệ của mấy ông kháng chiến.

Kể chuyện các "diễn viên" bị giải quanh chợ Biên Hòa cho con gái Lý Văn Sâm nghe, cô Nở còn hỏi thăm về anh thật tỉ mỉ. Nào, ba con ốm hay mập. Nghe con gái anh thuật, ba con bị treo dây đèn hồng chân, cườm tay còn theo thì mắt cô Nở đỏ hoe. Cô Nở nói mình vẫn đọc đi đọc lại những cái Lý Văn Sâm đã viết. Cô thương những cái anh viết về làng Tân Ba của cô lắm.

Nghe con gái nhắc chuyện cô giáo Nở, lòng anh Sâm thấy bồi hồi khôn tả. Tám lòng những cô giáo tỉnh nhà của anh trong sáng như gương nguyệt lầu lầu trải mình trên mặt sông Phố mịn màng, trong trẻo và ngọt ngào tình nghĩa như bưởi cù lao Mỹ Quới, bắp thôn Vàm Cỏ xã Tân Triều. Anh xao xuyến nhớ về những năm tháng cũ, thuở còn là học sinh của trường tỉnh. Cô Hai Nở là con thầy Hai Thanh chuyên hốt thuốc Bắc ở làng Tân Ba. Cô học giỏi lắm. Người ta nói cô học gạo. Cô và cô giáo Long đều là những tay học giỏi và làm luận văn nổi tiếng nhất trường. Còn nhớ, trong lần Hội chợ Biên Hòa, ở bãi đánh cờ người, hai cô là "cặp xe xanh" siêng chạy và duyên dáng với làn da mặt thơ ngây e lệ đánh một lớp phấn mỏng. Hai cô là "xe xanh", còn anh là "mã đỏ" bất kham cứ nhè "xe" mà rượt. Nào phải anh muốn. Tại ông đốc Vĩnh và thầy giáo Mậu là hai tay đấu cờ thi hôm đó... Suy nghĩ miên man đủ mọi nơi rồi anh lại nhớ và thương Dương Tử Giang. Giờ này các "diễn viên" tuồng *Nợ nước thù nhà* vẫn đang nằm trong bót công an Tiệm Rượu. Chúng hành hạ các anh để dần mặt những người đang ở trại D, trại E, trại G, nơi chúng cho là "tù cộng sản cứng đầu".

*
* *

Từ giữa tháng 7.1956, Nhà tù Tân Hiệp chật ních cán bộ, đảng viên vừa bị địch bắt chuyển đến. Lúc này, trên phạm vi toàn miền Đông Nam Bộ, kể cả phân khu Sài Gòn - Chợ Lớn, chính quyền Ngô Đình Diệm đang thực hiện chiến dịch đàn áp mang tên Trương Tấn Bửu do Thiếu tướng Mai Hữu Xuân chỉ huy càng lúc càng dữ dội.

Đảng ủy Nhà tù Tân Hiệp phán đoán sau những đợt tra tấn, sàng lọc, thế nào địch cũng sẽ đưa nhiều anh em đi đày ở Côn Đảo và Phú Quốc. Vì thế, Đảng ủy đã thảo luận và thống nhất vạch ra chủ trương phá khám. Anh em trong tổ chức đã phân công nhau, tiến hành hàng loạt công việc cho cuộc phá khám táo bạo này, từ việc nắm chắc quy luật canh gác, bố phòng, tìm hiểu sơ đồ, bản vẽ hiện trạng Nhà tù Tân Hiệp đến phân công lực lượng phá khám, dẫn đường...Đảng ủy thành lập Đội xung kích có ban chỉ huy thống nhất do anh Đỗ Văn Cội, nguyên Huyện đội phó huyện Củ Chi, làm đội trưởng. Đội xung kích chia thành bốn mũi, mỗi mũi có ba tổ, làm nhiệm vụ chiếm cổng gác, mở cổng trại, đánh chiếm kho vũ khí, khống chế các lô cốt để anh em chạy thoát. Khi thoát khỏi Nhà tù Tân Hiệp, đội xung kích tiếp tục bảo vệ đoàn bằng súng đạn cướp được. Tổ liên lạc dẫn đường gồm sáu đồng chí, do anh Ngô Văn Quảng làm tổ trưởng. Anh Nguyễn Văn Chuộng, Tổng đại diện trật tự nhà tù, được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn tù vượt ngục về căn cứ.

Đến tháng 11 năm 1956, mọi việc chuẩn bị cho cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp đã hoàn thành. Ngày, giờ khởi sự là mười bảy giờ ba mươi phút ngày 1 tháng 12. Đó là lúc quản ngục cho đánh keng báo giờ để tù nhân vào trại. Ai nấy đều hồi hộp chờ đợi dù phải cố làm ra vẻ thản nhiên để bọn công an, tụi thằng Liên không nghi ngờ.

Chiều 1 tháng 12, bất ngờ có xe chở bọn chỉ huy Ty đặc cảnh miền Đông và rất nhiều binh lính chạy vào cổng Nhà tù Tân Hiệp. Anh em hết sức lo lắng không biết ngẫu nhiên bọn chúng đến hay đã phát hiện ra một dấu hiệu nào của cuộc phá khám? Đêm đó, gần ba trăm đảng viên chuẩn bị vượt ngục hầu như không ngủ. Sáng hôm sau, anh em biết việc bọn đặc cảnh đến chỉ là tình cờ. Ngày hành động chuyển sang 2 tháng 12, giờ G vẫn như cũ.

Hai tháng Mười hai là ngày chủ nhật. Sinh hoạt ở Nhà tù Tân Hiệp vẫn bình lặng như mọi ngày, theo đúng với "thời khóa biểu" bọn quản ngục đã vạch ra.

Buổi chiều, trời vẫn vũ mây đen nhưng không mưa. Dương Tử Giang và Lý Văn Sâm cặp kè nhau, chầm chậm đi quanh trại D như thuở hai anh còn ở Sài Gòn, cùng nện gót trên đường phố trong những đêm khuya vắng. Trên Quốc lộ 1, xe thổ mộ xuôi ngược. Từng tốp nữ sinh đạp xe xinh xắn đi ngang qua trước mặt các anh. Khoảng cách đâu bao xa nhưng là hai khung trời khác nhau, bởi trước mặt các anh là hàng rào kẽm gai dày hai lớp. Anh Sâm nghĩ, không lâu nữa, các anh sẽ là người tự do, sẽ chạy như bay trước những bờ cỏ, thửa ruộng, những cánh rừng quê hương. Bỗng anh Sĩ nói nhỏ vào tai Sâm: "Trong hai thằng mình, một đứa hy sinh, thì thằng còn lại phải sống bằng tiềm lực của hai đứa cộng lại". Anh Sâm rùng mình. Đúng từ lâu, anh và anh Sĩ nào khác chi anh em ruột, lại cùng chung chí hướng. Nhưng vì sao anh Sĩ lại nói như một điểm gở?

Đúng giờ G, khi tên lính trực vừa đánh keng báo cho tù nhân vào trại thì khắp các trại D, E và G vang lên tiếng "xung phong". Theo sự phân công từ trước, các mũi xung kích tiến thẳng vào những mục tiêu như: kho vũ khí, lính gác, phòng giám đốc, văn phòng nhà tù...Kẻ địch hoàn toàn bất ngờ. Chúng bị anh em không chế chứ không giết một ai để tránh sự trả thù cho những người ở lại.

Mấy phút sau, cánh cổng Nhà tù Tân Hiệp bật mở. Anh em ào ạt ra ngoài, nhưng thay vì phải kéo cánh cổng trở vào, trong lúc vội, anh em lại đẩy ra nên chỉ mở được một cánh. Do đó, số người ở cổng bị ùn tắc, có người giẫm đạp lên cọc sắt, kẽm gai bị thương.

Phải mất mười lăm phút sau, địch mới kịp phản ứng. Có tên đã chạy nhào lên tháp canh, dùng súng trung liên bắn xối xả ra hướng cổng trại. Các anh ở đội xung kích đã dùng súng bắn kiềm chế các tháp canh và thu hút hỏa lực của chúng. Tuy nhiên, gần ba mươi đồng chí, có người hy sinh, có người bị thương khá nặng ngay tại cổng trại, bên ngoài sân banh, ven bờ suối. Lý Văn Sâm thoát ra ngoài cùng với nhiều anh em. Còn Dương Tử Giang, trong bộ đồ bà ba trắng mà người mẹ thân yêu vừa gửi cho, chạy ra cùng với một

tổp sau. Anh hứng phải làn đạn từ tháp canh, bị thương nặng. Dương Tử Giang đã cố bò đến bên bờ suối thì hy sinh. Trên tay anh Sĩ vẫn còn cây đàn guitar, vũ khí chiến đấu của nhà văn trong nhưng tháng ngày bị giam cầm.

*
* *

Cuộc nổi dậy, phá khám Tân Hiệp của những người tù cộng sản diễn ra trong vòng bốn mươi phút. Đến mười tám giờ ba mươi phút, tất cả số tù nhân còn lại được bọn quản ngục gom vào các trại, có lính bảo an canh giữ.

Điều hết sức đặc biệt là khi nổi dậy, anh em đã chủ động cắt đứt đường dây liên lạc ngay từ đầu. Vì thế, tay Thường, Phó giám đốc Nhà tù Tân Hiệp đã phải chạy bộ tới Bộ tư lệnh Sư đoàn dã chiến số 4 để cấp báo và xin cứu viện. Mười chín giờ, lính sư đoàn 4 cùng với hiến binh, bảo an mới tới để lo ổn định trại giam. Bọn chỉ huy Tiểu khu Biên Hòa, Ty công an, hiến binh, Bảo an...cũng đã vội vã có mặt tại hiện trường. Tên tướng Mai Hữu Xuân, Tư lệnh chiến dịch "Trương Tấn Bửu" bỏ dở cuộc hành quân giữa chừng. Theo lệnh của Diệm - Nhu, y tức tốc đến xem xét tình hình và mở cuộc truy nã những người vượt ngục với cái tên khá mỹ miều: *Chiến dịch tiên nữ hái hoa rừng*. Mai Hữu Xuân ra lệnh cho tất cả lực lượng quân sự, công an các tỉnh, quận, nhất là các vùng quanh khu vực Biên Hòa như Trảng Bom, Công Thanh triển khai chốt chặn các ngã đường.

Những tù nhân đầu tiên thoát ra khỏi cổng Trung tâm Huấn chính Biên Hòa thì kịp lúc trời đã nhá nhem. Xe cộ ùn tắc trên đường. Đồng bào quanh vùng ngơ ngác chưa hiểu chuyện gì xảy ra. Đến lúc từng loạt súng trung liên trên các tháp canh bắn ra, mọi người mới biết đó là cuộc vượt ngục tập thể. Có những kẻ phản động trong xóm đã vác dao, rựa xông ra ngăn cản đoàn tù, nhưng sau thấy anh em có súng liền bỏ chạy, miệng la í ới.

Phần lớn tù nhân khi chạy ra ngoài đều bị động, mất phương hướng, bởi số đông không phải người địa phương. Nhiều toán, loay hoay hàng giờ liền vẫn ở trong rừng Tân Phong. Khi đoàn chạy được đến bìa rừng Tân Định, kiểm lại số người, còn khoảng ba trăm năm mươi. Đến ngày thứ tư, đoàn tách ra thành từng đoàn nhỏ. Có đoàn chạy về hướng Long Thành, Bà Rịa. Có đoàn đi tìm căn cứ cũ của huyện Vĩnh Cửu... Còn lại khoảng hai trăm năm mươi người bị kẹt ở rừng Đại An, tìm cách vượt sông Đồng Nai về chiến khu Đ. Tất cả các đoàn đều phải luồn lách, phá vây vì ngã đường nào cũng có đủ loại lính truy lùng, ngăn chặn.

Lý Văn Sâm theo một đoàn, sau mười ngày luồn lách, phá vây cứ lạc nhau dần. Đến ngày thứ mười hai, chỉ còn anh với anh Ba Bửu lọt về tới vùng chiến khu Đ cũ. Đêm đó, dưới màn sương rừng đậm, lờ mờ ánh trăng khuya, hai anh gặp được các cán bộ của huyện Châu Thành, tỉnh Thủ Dầu Một. Cuộc gặp như một lần hoàn sinh, tiếng cười pha lẫn với nước mắt sướng vui.

Nhưng vùng này vẫn chưa ổn. Hội tề địa phương tiếp tục săn lùng. Các anh ở huyện chia anh Ba Bửu và Lý Văn Sâm mỗi người một nơi. Anh Ba về huyện trước, vì vốn là cán bộ cũ của huyện. Anh Sâm ở lại với anh Tư Ích, Bí thư chi bộ xã Vĩnh Lợi.

Tờ mờ sáng hôm sau, Lý Văn Sâm theo Tư Ích cắt rừng về ấp Vĩnh Tân, xã Vĩnh Lợi. Ấp này xa xôi, hẻo lánh, có rẫy thơm (dứa) và rừng cam bao bọc kín mít. Đi đường, anh Tư Ích thở thê:

- Gởi anh miệt này, tụi tôi yên bụng lắm. Chỗ này là căn cứ cũ của xã. Năm nay anh ở đây ăn Tết với tụi tôi một keo cho vui. Lỡm chỗi này coi vậy mà trẻo. Có mấy cái C.K. (gọi tắt từ *chiến khu*, chỉ nơi an toàn, cũng là cách gọi *hầm bí mật*) chưa ai sờ mó tới. Suối Bà Tư cách đây vài ba trăm thước. Anh có ra suối tắm giặt nhớ đừng cho sắp nhỏ chặn trâu ngó thấy. Cảnh giác vậy thôi, bà con vùng này bảo đảm lắm. Đó, anh có nghe tiếng chó sủa đó không? Nhà bác Bảy Hội có một con chó vàng khôn lắm. Bác Bảy là cơ sở chí cốt của

mình...

Anh Tư Ích miệng nói tay làm. Biết anh Sâm đang lên cỡ sốt rét, anh Tư vội vàng đi cột võng. Anh cột thành thạo và khéo. Mái tóc bờm của anh hoe hoét màu phong sương. Da mặt bị nắng ăn cháy đỏ. Dưới tầng trán vồ, hai con mắt lộ của anh như có tia chớp trong đồng tử. Miệng trên trễ xuống, tua tủa râu rể tre do lâu ngày chưa cạo. Giọng nói ngắn gọn, ráo hoảnh.

Trong khi săn sóc anh Sâm, miệng anh Tư vẫn không ngớt kể chuyện ở ấp Vĩnh Tân.

Anh Tư Ích đem Lý Văn Sâm về Vĩnh Tân gửi cho gia đình bác Bảy Hội. Theo lời anh, bác Bảy quê ở tận Ninh Bình. Bác trôi nổi vào Nam từ thuở Tây mộ phu công-tra cho đồn điền cao su Phú Riềng, Quản Lợi. Ngày đi, tóc bác xanh mượt. Bây giờ, đã ngả sang màu mây trắng. Gánh đời nặng trĩu đôi vai gầy. Bác sống èo uột, co quắp, giọt nước mắt ly hương vẫn không ngừng chảy. Sau khi bác gái mất, hai con trai lớn của bác trốn khỏi đồn điền đi mất tích. Bác Bảy phải đi ở tù thay cho con trai mình. Đứa con gái út mới tám tuổi phải đi ở đợ cho chủ Tây.

Cuộc đời bác Bảy Hội tưởng đã tàn. Nào ngờ, tháng Tám năm 1945, cả hai anh con trai của bác trở về. Kháng chiến bùng nổ, hai anh lại tòng quân, bác cũng tham gia Việt Minh. Hiệp định Genève ký kết, con trai tập kết, bác Bảy đem cô con gái út về Vĩnh Tân, một làng rừng giáp chiến khu Đ cũ, vì nơi đó còn có những chiến sĩ bám trụ.

Trong năm đầu tiên sau Hiệp định Genève, anh Tư Ích đã được bác Bảy Hội đùm bọc. Bác thường nói với con gái: "Thà tao chết chớ tao không để cán bộ của Đảng chết vì thằng giặc. Mày chăm sóc thằng Tư là mày làm cái bổn phận em út đối với hai thằng anh mày ở ngoài kia vậy!"

Anh Tư Ích kể cho Lý Văn Sâm nghe tới đó thì bỗng có tiếng

chó sữa dữ dội ở bìa rừng. Anh ra dấu bảo im lặng rồi quét lá dẻ phủ trên mặt đất bằng bàn chân mặt của mình đang ngồi chồm hổm ngay trên chỗ đất cát sạch lá, sát đầu vũng nơi anh Sâm ngồi. Sở dĩ anh Tư làm vậy vì sợ lá bị giật và như vậy dễ bị lộ. Im tiếng chó sữa, Tư Ích mở bọc thuốc rê quần một điếu nhỏ đưa vào môi anh Sâm. Anh lại nhanh tay quần một điếu nữa cho mình. Bật đá quẹt châm lửa hút thuốc rồi anh Tư kể ca kể chuyện tiếp như chẳng có gì xảy ra:

- Chắc lại đám dân vệ của thằng Sửu vừa dẫn nhau qua đó. Nó cứ quần quýt theo con Thủy Tiên nhưng con nhỏ lại khinh ra mặt. Má thằng Sửu mấy lần cạy cục đi hỏi vợ cho con. Bà mền Thủy Tiên vì đứa con gái út nhà bác Bảy đẹp người, đẹp nết. Khổ nỗi, cả bác Bảy cũng khước từ. Chắc anh đoán được rồi chứ gì! Ai lại đi khứng chịu một "con gà rút" vừa mới bị một bạt tai đã lay giặc mà đầu hàng! Con Thủy Tiên coi bộ nhỏ nhưng cứng lắm. Đâu phải bạ ai cũng ưng. Ông Bảy lại là ông già có mắt kén rể. Thằng Sửu đâu phải là đứa con trai ông chọn mặt gửi vàng. Vì vậy, nó oán cha con ông già lắm. Nó thường dẫn lâu la đột kích vào nhà ông, nhưng tre già đâu sợ gió bão. À, anh biết tại sao bác Bảy đặt tên cho con gái mình là Thủy Tiên không? Ông già xa xứ lâu ngày nên nhớ. Đó là tên loại hoa đẹp ở quê ông, nghe nói chỉ nở vào dịp tết...

Kể tới đó, Tư Ích quay sang dặn dò Lý Văn Sâm:

- Anh cứ vững tâm nằm đây. Để tôi nói con Thủy Tiên nó kiếm kí-ninh cho anh. Tôi cũng chạy đi kiếm cho anh cái mền đây.

Tư Ích đi rồi, nằm co ro một mình trên vũng ở giữa rừng, Lý Văn Sâm thấy thật cô đơn. Đối với anh, Tư Ích bây giờ là cốt nhục. Tính ra anh vượt ngục về đây đã ngót hai tuần lễ. Các đồng chí của anh bây giờ ở đâu? Hơn hai mươi người hy sinh tại trận, trong đó có người bạn thân yêu nhất đời, nhà văn Dương Tử Giang. Một nỗi buồn man mác cứ đọng mãi trong lòng anh.

Nằm nghĩ miên man chừng nửa tiếng, Lý Văn Sâm chợt nghe có tiếng rùng sốt soạt. Anh tuột gấp xuống văng và ngồi chồm hồm nghe ngóng.

Từ xa, có bóng một người con gái mảnh khảnh đang đi về phía anh. Anh Sâm đoán đó là Thủy Tiên. Cô mặc áo bà ba vải quuyến trắng, quần sa-ten đen, đi chân đất. Một tay Thủy Tiên xách một cái bình tích, tay kia cầm một gói giấy nhỏ. Đầu cô quấn khăn lông trắng, viền đỏ, tóc đuôi gà buông dài theo sóng lưng. Anh Sâm nhìn cô mà đôi mắt sững sờ. Người con gái này quả là một bông hoa trang nhã. Gương mặt sáng trưng và đôi mắt đen láy dễ mẩn này hẳn đã làm cho bao người chết mê, chết mệt.

Thủy Tiên đơn đả:

- Anh Hai đây hả? Anh dứt cữ rét chưa?

Câu chuyện giữa hai người chẳng mấy chốc đã trở nên rôm rả. Cả hai cảm thấy như quen thân tự thuở nào. Anh Sâm đoán bụng Thủy Tiên khoảng mười chín, hai mươi tuổi.

Lý Văn Sâm được Thủy Tiên cho uống trà nóng, trà nhãn hiệu *Con bò vàng*, một loại trà rất phổ biến lúc bấy giờ. Ăn bánh, ăn kẹo xong, theo lời dặn Thủy Tiên, anh uống thuốc ký-ninh. Chiều lại, cô mang cơm nóng ra cho anh ăn. Anh lại được một vắt cơm gói trong khăn để phòng khi bất trắc. Thủy Tiên không quên chuẩn bị cho anh một gói đèn cầy và hai bao diêm quẹt. Anh không ngờ vừa vượt ngục mình có được những giờ phút sung sướng đến như thế. Thủy Tiên còn nhắc:

- Anh kỹ lưỡng nhé! Hầm kia. Có gì thụt xuống đó. Nhớ khoát lá cây cho khéo. Đừng để dấu vết gì. Cột văng đừng cho tróc vỏ cây. Ai cột văng giùm anh mà khéo vậy? Đó, cứ vậy mà làm.

Thủy Tiên dặn anh Sâm như dặn dò một đứa trẻ. Anh ngoan ngoãn nghe lời không phải những chuyện đó mình không biết mà vì cảm giác sung sướng.

Năm ấy, trời lạnh hơn mọi năm. Quần áo anh Sâm, thỉnh thoảng Thủy Tiên mang ra sưởi giắt. Anh cảm thấy náo nức cũng không nghe. Bác Bảy cho anh mượn bộ bà ba vải xiêm đen. Bác cũng nhường cho anh cái mền ấm độc nhất của mình.

Anh Sâm hỏi Thủy Tiên;

- Bác Bảy mạnh khỏe không cô?

Thủy Tiên lại an ủi anh:

- Tết này, bố em sẽ ra đây ăn tết với anh. Nhà đã xay bột rồi. Ông già em gói bánh tét, bánh ếch giỏi như mẹ em. Để rồi anh coi.

Đêm đêm anh Sâm co ro quấn mền lại rồi nằm ngửa trên võng mở mắt nhìn những ngôi sao nhấp nháy múa qua kẽ lá. Chưa bao giờ anh thấy nhớ quê, nhớ làng bằng lúc này. Có anh Tư Ích, bác Bảy Hội, cô Thủy Tiên nhưng anh vẫn thấy thèm một ngọn đèn gia đình. Nhất là năm nay, năm anh vừa thoát khỏi chốn địa ngục trần gian, lại càng khao khát gặp lại những người thân.

Tết năm đó đến với Lý Văn Sâm thật êm đềm. Nằm trong rừng, nghe tiếng pháo nổ rước ông bà ngoài xóm và tiếng chó sủa xa xa vọng lại, anh càng cảm thấy tiếng gọi quê hương thôi thúc.

Chiều hăm chín Tết, Thủy Tiên ra chỗ anh rất sớm. Anh mừng như đứa trẻ đón mẹ ở chợ về. Trời mưa lất phất, mặt đất thấp và ẩm. Cô khoe với anh:

- Có mứt ngon cho anh, nè. Em nấu trà tại đây, được không?

- Cô không sợ bể ố sao?

- Em đã tính rồi, bọn dân vệ bỏ đồn về nhà ăn Tết gần hết. Mình dọn lá kỹ không sao đâu. Phải gây bếp lửa tại đây thì anh mới vui. Tết mà!

Anh Sâm thầm cảm ơn Thủy Tiên vì chỉ có cô mới nhìn thấy thấu sự lạnh lẽo trong lòng anh. Anh hỏi cô:

- Anh Tư hôm rày đi vắng phải không cô?

- Anh Tư về huyện. Anh không nói với anh sao? Anh Tư dặn

bố em và em Tết năm nay cố mà lo cho anh ăn một cái Tết thật vui. Anh Hai, em đốt lửa lên, nhen?

Anh Sâm tài khôn, dành nhúm lửa mà tay chân lại lóng cóng, không sao gây được. Thủy Tiên che miệng cười, rồi bẻ từng chót sim khô như xương cá và nhỏ như cây tăm xỉa răng chụm đứng vào nhau trên mặt đất có lót lá dẻ khô. Cô vừa sửa soạn bếp vừa giải thích:

- Nhóm bếp như gây phong trào. Ban đầu nhỏ, sau to. Phải kiên trì, khéo léo. Lửa bùng được rồi thì sẽ cháy mạnh lên, lan rộng ra. Chùng đó mình cứ bồi thêm củi lớn vào.

Thủy Tiên nấu nước bằng lon sữa bò có xỏ cây cầm tay giống như cái cán gáo. Cô giục anh:

- Anh Hai uống đi. Sáng mai anh thức dậy, mở mắt ra sẽ thấy bánh tét mọc đầy trên cây như quả trên cành vậy.

- Bánh làm sao mọc được?

- Em sẽ leo lên và treo bánh trên đó.

- Cô như bà tiên trong những chuyện cổ tích.

Thủy Tiên cười thích thú. Chưa lần nào anh thấy nụ cười của cô rạng rỡ như hôm nay. Bỗng anh nghe giọng Thủy Tiên thấp lùn:

- Vái trời cho trên phen công anh công tác luôn ở đây. Mà biết đâu lại không như vậy. Đó cũng là mơ ước của em...

Anh Sâm lúng túng ngồi lặng thinh nhấp trà. Thủy Tiên nói tiếp:

- Không giấu gì anh, em phụ trách đội văn công ấp này. Có được anh ở lại giúp tụi em, phong trào phá u tối chắc chắn sẽ phát triển tốt.

Hồi còn nằm ở Nhà lao Tân Hiệp, anh Sâm được nghe phong thanh bên ngoài có những nhóm múa lân, ca múa hoạt động hợp pháp trong các xóm bị địch kiểm soát. Chắc ấp Vĩnh Tân có một nhóm như vậy. Anh bèn buông một câu thăm dò:

- Nhưng tôi có biết văn nghệ, văn ngung gì đâu, cô?